

MỘ VÂN CƯ
Người dịch: LÊ HẢI ĐĂNG

A person is seen from behind, sitting on a rocky mountain peak. Their hands are pressed together in a prayer position (Anjali Mudra) above their head. The background is a soft, warm sunset sky with orange and yellow hues. The person is wearing a dark long-sleeved shirt and dark pants. The overall mood is peaceful and contemplative.

Những
CÂU CHUYỆN
VỀ THIÊN

(TẬP 1)



NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

Nhiệm
CÂU CHUYỆN
VỀ THIÊN
(TẬP 1)

MỘ VÂN CƯ

Người dịch: LÊ HẢI ĐĂNG

Những
CÂU CHUYỆN
VỀ THIÊN
(TẬP 1)

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

Lời nói đầu

Thiền là một lối sống, một dòng suối thuần khiết trong trần thế đa tạp và là thứ ánh sáng kỳ diệu nơi thế tục. Hãy trải nghiệm cuộc đời bằng tâm Thiền, tìm ra những điều tốt đẹp chân chính trong cuộc sống với lòng Bồ Đề, trái tim Bát nhã và tâm Thiền của chúng ta.

“Cuộc sống chính là Thiền”, chúng ta phải hiểu ra đạo Thiền trong cuộc sống. Xa rời thế tục để cầu Thiền bái Phật chẳng khác nào “bắt cá bằng cọc đá”, không thể nào chứng ngộ. Giống như tổ thứ 6 thiền sư Huệ Năng nói: “Bồ đề bản vô thụ, Minh kính dịch phi đài. Bản lai vô nhất vật, Hà xứ nhạ trần ai.” Bồ đề là tâm, trần ai bắt nguồn từ cuộc sống, dùng trí tuệ của Thiền để quét sạch, vậy trời đất sẽ tự nhiên bình yên, thanh tịnh.

Lòng người đa phần bị mất đi bản tính trong sáng, ngay thẳng lúc không yên ổn. Nếu mọi tâm tư, tạp niệm không sản sinh, bản thân chỉ tĩnh tọa, ngưng thần, mọi ý nghĩ tự nhiên biến mất cùng với mây trắng bên trời, cùng với giọt mưa tí tách rơi, tâm hồn cảm nhận được sự thanh tẩy. Lắng nghe tiếng chim hót chíp chíp sẽ có một ý niệm yên vui. Nhìn cánh hoa bay thấy tâm hồn rạng rỡ. Như vậy,

ở bất cứ nơi nào cũng đều có diệu cảnh chân chính, sự việc gì cũng chứa ẩn huyền cơ thật sự. Chỉ cần tâm có thể trong sạch, yên ổn, mọi thứ trong cuộc sống đủ sức tạo ra điều tốt đẹp vô hạn. Khiến cho con người vui vầy, đó chính là “Tâm để Bồ đề dịch không minh, Tĩnh tọa ngưng tư thiên địa không”.

Sống trong đô thị phồn tạp, nếu có duyên vào thế giới Thiền, bạn sẽ phát hiện, Thiền là thứ trí tuệ cao vời nhằm tìm hiểu sự sống, tinh túy để ngộ đạo, cánh cửa mở ra con đường giải thoát cho tâm hồn, có thể giúp chúng ta tìm thấy khu vườn yên vui đã mất đi trong lòng.

Thiền còn là phương thuốc diệu dụng chữa trị căn bệnh sốc nổi về tâm hồn con người hiện đại. Đối mặt với những khó khăn trong công việc bằng ý cảnh của Thiền, đưa TRÍ TUỆ THIỀN vào công việc có thể đột phá được cái tôi để vượt lên chính mình! Đối mặt với công việc bộn bề, thị trường phức tạp, quan hệ con người thay đổi vô thường, chỉ cần có tấm lòng Thiền (lòng tin, lòng yêu thương và lòng thành tâm) sẽ đủ sức gánh chịu chúng.

Bởi vậy, đưa tinh thần Thiền, TRÍ TUỆ THIỀN vào đời sống và công việc sẽ giúp cho cuộc sống, công việc đạt tới cảnh giới cao hơn, khiến cho đời sống tinh thần của bạn càng sung túc, đời sống vật chất thêm tao nhã, đời sống đạo đức viên mãn hơn, đời sống tình cảm càng thuần khiết, quan hệ con người thêm hài hòa.

Đọc và thưởng thức những câu chuyện nhỏ trong rừng Thiền kinh điển sẽ giúp bạn lĩnh ngộ sức hấp dẫn về tư tưởng độc đáo của Thiền trong sự cảm nhận tự nhiên thoải mái, giúp bạn hiểu mặc dù Thiền cao thâm, nhưng hình thức lại hết sức giản dị, sống động, điều gọi là không cần văn tự mà tiến thẳng vào lòng người. Mỗi câu chuyện trong sách đều thể hiện đầy đủ trí tuệ của Thiền gia, kinh điển Phật giáo, hàm chứa vô số ý nghĩa chân chính trong cuộc đời, thực là một cuốn sách tốt để giác ngộ cuộc đời.

XẾ THỊT CHO ĐIỀU HẬU ĂN

Thích Tôn có lần đi ra ngoài, đúng lúc gặp một con điều hậu đói đuổi bắt một con bồ câu tội nghiệp.

Bồ câu nói với điều hậu: “Bác tha cho tôi đi! Bây giờ bác đang tìm thức ăn, tha cho tôi còn con sau mà; Hiện giờ tôi đang chạy trốn, mạng của tôi chỉ có một thôi.”

Điều hậu nói: “Ta chưa từng biết lời lẽ này nói! Nhưng, ta đang đói quá, không ăn mày ta chẳng thể nào sống nổi. Mọi người trên thế gian này sống được đều chẳng dễ dàng, không bị ép vào đường cùng ta cũng sẽ chẳng đuổi riết thế này đâu.”

Thích Tôn nghe xong mở lòng từ bi, bèn giương tay nắm bồ câu, giấu vào trong bụng.

Điều hậu giận dữ nảy lửa, chỉ biết nói lý với Thích Tôn: “Thích Tôn đại từ đại bi, cứu mạng sống bồ câu này, chẳng lẽ nhẫn tâm để điều hậu ta chết đói sao?”

Thích Tôn nói: “Ta chẳng nỡ để người làm hại bồ câu vô tội kia, cũng không muốn người dừng dừng chết đói. Có đường mà ta không vào địa ngục, ai vào địa ngục.”

Vì thế, Thích Tôn bèn lấy ra một cái cân tiểu ly, đặt bồ câu một bên, bên kia đặt miếng thịt cắt từ trên cơ thể mình.

Bồ câu này trông ra có vẻ nhỏ bé, nhưng bất kể Thích Tôn cắt thế nào, cắt bao nhiêu dường như đều không bằng trọng lượng của nó.

Khi Thích Tôn cắt nốt miếng thịt cuối cùng trên cơ thể, cán cân cuối cùng đã bằng!

Trời đất gió mây vì thế mà đổi sắc, đức Phật Tổ chân chính đã giáng trần.

THIÊN TÔNG TAM CẢNH

Thiền sư chia cảnh giới tham ngộ làm ba tầng, cảnh giới thứ nhất là “Lạc điệp mẫn không sơn, Hà xứ tầm hành tích”, nhằm chỉ sự khổ ải truy tìm bản thể của Thiền mà không được. Cảnh giới thứ hai là “Không sơn vô nhân, Thủy lưu hoa khai”, nhằm chỉ tình trạng đã phá bỏ được chấp pháp, chấp ngã, dường như ngộ đạo mà vẫn chưa ngộ đạo. Cảnh giới thứ ba là “Vạn cổ trường không, Nhất chiêu phong nguyệt”, nhằm chỉ đạt được sự vĩnh hằng trong giây lát, tự do tự tại.

Ba bài Thất tuyệt “Tham thiền tiền”, “Tham thiền thời” và “Tham thiền ngộ đạo hậu” của Tô Đông Pha có thể dùng để minh chứng cho cảnh giới tâm đắc.

Cảnh giới trước khi tham Thiền là:

Hoành khán thành linh trắc thành phong, Viễn cận cao đê các bất đồng;

Bất thức Lư Sơn chân diện mục, Chỉ duyên thân tại thư sơn trung.

Tâm đắc khi tham Thiền là:

Lư Sơn yên vũ Triết Giang triều, Vị đáo thiên ban hận bất tiêu;

Cập chí quy lai vô nhất sự, Lư Sơn yên vũ Triết Giang triều.

Tâm cảnh sau khi Tham thiền ngộ đạo là:

Khê thanh tận thị quảng trường thiết, Sơn sắc vô phi thanh tịnh thân;

Dạ lai bát vạn tứ thiên yết, Tha nhật như hà cử tự nhân?

Thiền sư Thanh Nguyên Duy Tín đời Tống thẳng thắn nói rằng: “Khi lão tăng chưa tham Thiền cách đây 30 năm, nhìn núi là núi, nhìn nước là nước; cho tới về sau, thân kiến tri thức, có chỗ nhập, thấy núi chẳng phải là núi, thấy nước chẳng phải là nước; còn nay được một chốn nghỉ ngơi, nhìn núi phía trước chỉ là núi, thấy nước chỉ là nước.”

Thấy núi là núi, thấy nước là nước là chấp mê vào cảnh giới ngoại vật của thế tục; thấy núi chẳng phải là núi, thấy nước chẳng phải nước là sự phủ định đối với thế tục, chấp chước đối với Phật pháp; thấy núi chỉ là núi, thấy nước chỉ là nước lại là sự giải thoát triệt để đối với sự bó buộc của Phật pháp, phủ định đối với sự chấp chước Phật pháp, tức cảnh giới phủ định của phủ định, đó mới chính là giải thoát thực sự, lãnh ngộ được ý nghĩa chân chính của Phật pháp.¹

1. Nguồn gốc Phật giáo

Phật giáo là tôn giáo do Thích Ca Mâu Ni sáng lập ở Ấn Độ vào thế kỷ VI trước Công nguyên, với Đức Phật làm đối tượng thờ tự.

TRÍ TUỆ THIỀN:

Tu Thiền là một quá trình, đòi người có gì chẳng phải là một quá trình, từng bước từng bậc một, sự nỗ lực tự nhiên sẽ thành.

Mấy câu trong bài “Nhân gian từ thoại” của Vương Quốc Duy, tuy khác khúc, nhưng cùng một thanh âm, vừa khéo hợp với ba cảnh giới của Thiền sư Thanh Nguyên Duy Tín: “Tác dạ tây phong trừ bách thụ, Độc thượng cao lâu, Vọng tận thiên nhai lộ”, chữ “Độc” nhằm vào sự nhọc nhằn của kẻ theo đuổi cái đích của đạo; “Y đới tiệm giác chung bất hồi, Vi y tiêu đắc nhân tiếu tùy”, là hình ảnh chân thực của người tu hành; “Chúng lí tâm tha thiên bách độ, Mặc nhiên hồi thủ, Na nhân khước tại đẳng hỏa lạn san xứ”, chưa trải qua hai cảnh giới trên thì không thể đạt được cảnh giới trở về bản thể hỗn nhiên thứ ba.

Phật Tổ Thích Ca Mâu Ni tên gọi là Tất Đạt Đa, sinh vào giữa thế kỷ V trước Công nguyên, Thích Ca Mâu Ni là tôn xưng của các tín đồ Phật giáo đối với ông. Thích Ca Mâu Ni hữu cảm với những khổ đau sinh lão bệnh tử nơi nhân gian, rời bỏ cuộc sống vương tộc, xuất gia tu hành, đại triệt đại ngộ dưới gốc cây bồ đề, sáng lập ra Phật giáo. Sau đó đi thuyết pháp, truyền giáo ở khu vực miền bắc, miền trung Ấn Độ, sau dần dần truyền bá tới nhiều khu vực trên thế giới, trở thành một trong ba tôn giáo lớn trên thế giới.

PHẬT ĐÀ BÀN VỀ NGỰA

Một hôm, Phật Thích Ca Mâu Ni ngồi trong Tịnh xá Trúc Lâm ở thành Vương Xá, những đệ tử đi khát thực lần lượt trở về Tịnh xá, người người uy nghi sung túc, thần thái an tường. Các đệ tử lạng lẽ tới bên cạnh hồ nước, rửa sạch những bụi đất bám vào gót chân, sau đó ngồi ngay ngắn trên ghế, chờ Phật Đà khai thị.

Phật Đà kiết tòa Kim cang, an tường nói: “Trên thế giới có bốn loại ngựa: thứ nhất là ngựa tốt, chủ gá lên người nó yên, chup rọ vào đầu, ngày nó có thể chạy nghìn dặm, nhanh như sao băng. Đặc biệt đáng quý là, khi chủ quát roi, nó vừa thấy bóng roi, liền hiểu tâm ý chủ, điều tiết nhanh chậm, gấp rút hay thông thả, tiến lên lùi xuống, đều có thể đạt được liều lượng thích hợp, không sai li nào. Qua đó có thể thấy rõ chân tư kẽ tóc của loại ngựa tốt thứ nhất.

Thứ hai là loại ngựa được, khi chủ quát roi, nó nhìn thấy bóng roi, không thể cảnh giác liền, nhưng khi roi quét vào đầu lông đuôi nó cũng biết ý chủ, phi lên như bay, cũng coi như là loại ngựa được, phản ứng nhanh, mạnh mẽ đi giỏi.

Loại ngựa thứ ba là ngựa thường, bất kể chủ quát roi bao nhiêu lần, nó nhìn thấy bóng roi, không chỉ không

phản ứng, thậm chí roi quất như mưa trên mình, nó chẳng hề đếm xỉa, phản ứng chậm chạp. Đợi tới lúc chủ tức giận, roi vọt đầm đìa trên thân xác, nó mới bắt đầu phát giác, chạy theo mệnh lệnh của chủ, đó là loại ngựa tầm thường biết muộn.

Loại thứ tư là ngựa tồ, khi chủ quất roi, nó chẳng thèm để ý roi vọt quất vào mình, nó vẫn chẳng biết gì; thậm chí chủ nổi giận, nó mới như vừa tỉnh giấc, nhấc gót phi lên điên cuồng, đó là loại ngựa tồ vô tri, kém cỏi, không thể giáo hóa.

Phật Đà nói đến đó, bỗng nhiên dừng lại, ánh mắt dịu hiền nhìn các đệ tử, thấy bộ dạng các đệ tử tập trung ngưng thần, tâm lý vô cùng mãn nguyện, tiếp tục nói với giọng trang nghiêm và hiền hòa: “Các đệ tử! Bốn loại ngựa này giống như bốn loại chúng sinh. Loại người thứ nhất nghe thấy nói có hay không hiện tượng vô thường biến dị trong thế gian, sinh mạng có tình cảnh sinh trụ dị diệt, bèn có thể tự giác nhắc nhở, phấn khởi tinh tấn, nỗ lực sáng tạo ra sinh mạng mới mẻ. Giống như loại ngựa tốt thứ nhất, trông thấy bóng roi liền biết phải chạy nhanh lên phía trước, bắt tất đợi tới khi chiếc roi chết quất lên thân thể để sau khi mất mạng thì đã chẳng kịp hối hận rồi.

Loại người thứ hai thấy cảnh hoa nở hoa tàn, trăng tròn trăng khuyết nơi thế gian, thấy sinh mạng sinh thành, suy tàn, biến hóa vô thường cũng có thể kịp thời đánh thức

mình, không dám lười nhác. Giống như loại ngựa được thứ hai, roi mới chạm vào da, lông, thì biết phải thúc gót chạy.

Loại người thứ ba thấy thân tộc bạn tốt của mình qua đời, thân xác bị hủy hoại, thấy đời người khôn đốn nhọc nhằn, mắt chứng kiến cảnh khổ đau, ly biệt cốt nhục mới bắt đầu sợ hãi khiếp nhược, đối xử tử tế với sinh mạng. Giống như loại ngựa thường thứ ba, phải trải qua đau đớn về thể xác, mới có thể tỉnh ngộ.

Còn loại người thứ tư khi bản thân bị bệnh tật xâm phạm, tứ đại ly tán, như ngọn nến trước gió, mới hối hận trước kia đã không chịu cố gắng, để bỏ lỡ cuộc hành trình trên thế gian. Giống như loại ngựa tồi thứ tư, chịu đau đớn thấu xương rồi mới biết chạy mau. Nhưng, tất cả đều chậm trễ về thời gian”.

Các đệ tử tới giờ đều đã ngộ đạo, nhắm mắt mình tưởng, tự tỉnh tự thân, nghĩ về chúng sinh.¹

-
1. Lam Tì Ni - Một trong bốn thánh địa Phật giáo. Nơi sinh của Phật Đà - Lam Tì Ni (Lam Tì Ni là tên tiếng Phạn), nhằm chỉ nơi hoa trái, cảnh sắc tuyệt vời, an vui tràn trề, giải thoát, khả ái, hương hoa, đoạn, diệt, diêm. Nằm ở Lâm uyển khu vực phía đông Ấn Độ, thời cổ nằm giữa Câu Lợi và Ca Tỳ La Vệ, là vườn hoa mà vua Thiện Giác xây dựng cho phu nhân Lam Tỳ Ni, cũng tức là nơi Phật Đà sinh ra. Trong khu vườn ngày nay (đông tây chừng 30m, nam bắc 20m) có chiếc ao hình vuông, vài nền tháp và Đường vũ bằng gạch đỏ. Đường vũ gọi là từ đường Lỗ Mộ Mễ Diệt, trên bức tường chính diện bên trong có tượng đá phu nhân Ma Da, các tác phẩm vào thời đại vương triều Cập Đa hoặc sau đó.

TRÍ TUỆ THIỀN:

Nếu tâm thay đổi, thái độ cũng thay đổi theo; Thái độ thay đổi, tập quán sẽ thay đổi; tập quán thay đổi, tính cách sẽ thay đổi theo; tính cách thay đổi, cuộc đời sẽ đổi.

BỒ TÁT CŨNG SÁT SINH

Tiểu hòa thượng hỏi lão hòa thượng: “Bồ Tát còn sát sinh chăng?” trong lòng lại đang nghĩ: “Su phụ nhất định trả lời rằng không sát sinh, làm gì có chuyện Bồ Tát phá giới sát sinh chứ!”

Không ngờ lão hòa thượng trả lời trịnh trọng: “Sát sinh! Bồ Tát thường sát sinh, không hề biết mệt mỏi!”

“Tại sao?” tiểu hòa thượng tròn mắt, rướn tai, dường như nghe thấy âm thanh từ ngoài hành tinh, “Bồ Tát làm sao có thể sát sinh, còn thường xuyên sát sinh chứ?”

“Để cứu độ chúng sinh, vì giáng ma hàng quỷ!” Lão hòa thượng điềm nhiên nói.

“Cái gì, Bồ Tát chẳng phải đã phạm đại giới rồi sao?” Tiểu hòa thượng không hiểu hỏi lại.

“Phạm giới lại chẳng hề phạm giới.” Lão hòa thượng kiên trì giải thích, “Phạm giới là vì có sát sinh, hình thức phá giới; không phạm giới là vì trong lòng Bồ Tát không hề có chút ý niệm sát sinh, vì thế phù hợp với tinh thần của giới.”

“Vậy, khi Bồ Tát sát sinh, trong lòng có ý niệm gì?” Tiểu hòa thượng hiểu kỳ hỏi.

“Khi Bồ Tát sát sinh, trong lòng có ý niệm này: cứu trợ những chúng sinh bị hại giúp họ tránh được nước sôi, lửa bỏng, cứu vớt những ác ma hại người tránh được trầm luân vạn kiếp!”

“Bồ Tát sát sinh, còn phải vào địa ngục không?” Tiểu hòa thượng vặn hỏi.

“Bồ Tát thường xuống địa ngục.” Lão hòa thượng trả lời.

“Tại sao?” Tiểu hòa thượng không hiểu.

“Bồ Tát cứu trợ chúng sinh chẳng bao giờ nghỉ, bởi vậy hàng ma phục quỷ cũng chẳng bao giờ được ngừng nghỉ, làm sao có thể không thường xuyên xuống địa ngục chứ?”

“Bồ Tát biết rõ sẽ xuống địa ngục, tại sao còn phải sát sinh?” Tiểu hòa thượng càng không hiểu.

“Đó chính là tinh thần cơ bản của Bồ Tát.” Lão hòa thượng nói nghiêm trang, “vì cứu độ chúng sinh, ta không nhập địa ngục, ai xuống địa ngục đây!”

TRÍ TUỆ THIÊN:

Trách nhiệm là điều kiện tất yếu để một con người đặt chân trong xã hội nhằm gặt hái được sự nghiệp thành công, cũng là một phẩm chất, nhân cách rất quan trọng của con người. “Ta không nhập địa ngục, ai xuống địa ngục đây!” Đó chính là trách nhiệm của Bồ Tát đối với chúng sinh nườm nượp.

TÂM TÍNH TÙY CẢNH

Thiện hay không, ác hay không, có một vị cao tăng đắc đạo giảng cho đệ tử một câu chuyện về voi, thực đúng là thầy giỏi bạn hiền, chỉ bảo dạy dỗ, thoát ly ác đạo, bỏ ích vô cùng.

Ngày xưa, có một vị vua Ấn Độ nuôi một con voi. Nó khỏe lắm, dũng cảm hung hãn, có thể đánh bại quân địch tấn công trên chiến trường. Nếu xử quyết tội phạm, nó sẽ đi chấp hành nhiệm vụ đập chết đối phương.

Có một lần xảy ra trận hỏa hoạn, nơi voi ở bị cháy, chỉ còn biết rời đến một nơi ở khác. Ở gần nơi ở mới có một ngôi chùa, hòa thượng ở đó thường niệm kinh, trong Kinh vẫn có một câu nói: “Kẻ làm việc thiện được lên thiên đường, kẻ làm việc ác bị đẩy xuống vực sâu.”

Voi ngày đêm nghe thấy câu nói này, cảm động hết mức, dần dần tính tính trở nên ôn hòa, thậm chí mở lòng từ bi.

Một hôm, vua ra lệnh cho voi đi đập chết một tội phạm nghiêm trọng, phạm nhân bị kéo đến chỗ của voi. Không ngờ, voi chỉ dùng vòi hích vài cái nhẹ vào phạm nhân, rồi tự bỏ đi. Về sau tất cả những phạm nhân đưa đến,

voi đều dùng cách này để xử lý. Vua thấy vậy bèn nổi giận, triệu tập các đại thần để hỏi nguyên nhân.

Các đại thần bàn tán xôn xao, có một vị đại thần nói: Cạnh chỗ voi ở có một ngôi chùa, nên voi chắc ngày đêm nghe lời dạy bảo của Phật pháp, sinh lòng từ bi. Nếu bây giờ cho nó vào lò mổ gia súc, ngày đêm cho nó thấy cảnh giết chóc, chắc sẽ khơi dậy lòng ác.

Vua cảm thấy có lý, liền sai người dẫn voi đến gần lò mổ, để nó hằng ngày đều trông thấy cảnh tàn nhẫn chém giết, lột da... Voi quả nhiên lại phục hồi bản tính hung ác ngày trước, hành động hung hãn tàn nhẫn càng ngày càng ghê gớm.

Dân chúng trong thiên hạ, vừa không thiện, vừa chẳng ác, không định tính. Tất cả đều vì hoàn cảnh khác nhau về đối tượng, mới sản sinh những hành vi thiện ác. Loài vật còn thế, loài người cũng không ngoại lệ. Theo đuổi thầy tốt, nghe giáo lý Phật pháp, thực là việc rất đáng làm.

Vì vậy, nếu gặp phải những trí thức ác ngoại đạo tà kiến sẽ thường quần quanh trong Tam ác đạo, cuối cùng không thể thoát ra được; nếu thường đem lòng tín kính, gặp được thầy tốt bạn hiền, được dạy dỗ chỉ bảo sâu xa, sẽ có thể thoát khỏi ác đạo, đạt được nhiều lợi ích biết bao.¹

1. Bồ Đề Già Da - Một trong bốn Thánh địa Phật giáo – Bồ Đề Già Da nằm ngoài đường thành Phật Đà: Bồ Đề Già Da cũng gọi là Bồ Đề Đạo Tràng, Phật Đà Già Da, Ma Ha Bồ Đề, Bồ Đề Tràng, là nơi Phật Đà thành chánh giác. Nằm ở vị trí Bồ Đạt Cát Nhã nơi cách

TRÍ TUỆ THIỀN:

Thiện không thiện, ác chẳng ác, người vừa tính thiện, vừa tính ác. Vào phòng Chi lan lâu mà không ngửi thấy hương thơm của nó, vào ổ cá bào lâu mà không thấy mùi tanh của nó, hoàn cảnh ở một mức độ lớn đã ảnh hưởng tới bản tính thiện ác của con người.

ngoại ô thành phố Già Da 7km thuộc miền nam Tỉ Ha Nhĩ của An Độ, đối diện với dòng Nê Liên Thiên chi nhánh của sông Hằng. Theo Kinh điển ghi chép, Phật Đà sau khi trải qua 6 năm khổ hạnh, đi tới nơi này, ngồi xếp bằng tròn trên tòa Kim cang dưới gốc cây Tất Bát La chứng ngộ ra 12 nhân duyên, Tứ đế pháp và đắc Chính giác, nên cây Tất Bát La còn được gọi là cây Bồ đề, tức có nghĩa là “Cây Giác”. Bồ Đề Già Da có những di tích, như: Đại tháp, cây Bồ đề (cao 12m), tòa Kim cang, Hứa nguyện tràng, nơi Phật Đà đi qua, nơi Quan thụ, nơi mặc dục sau khi thành đạo.

NGỘ TỪ LÒNG MÌNH

Một vị tín giả hỏi thiền sư Vô Đức: “Cùng một trái tim, tại sao tâm lượng có sự khác biệt giữa rộng và hẹp?”

Thiền sư không trả lời thẳng, nói với tín giả rằng: “Con hãy nhắm mắt lại, ngẫm tạo ra một bức tường thành.”

Thế là tín giả nhắm mắt suy ngẫm, trong lòng nghĩ ra một bức tường thành.

Tín giả: “Tường thành làm xong.”

Thiền sư: “Con hãy nhắm mắt lại nữa để làm ra một sợi lông hào.”

Tín giả lại nghe theo làm ra một sợi lông hào.

Tín giả: “Lông hào làm xong.”

Thiền sư: “Khi con làm ra bức tường thành, có phải chỉ làm bằng trái tim của mình con không? Hay là mượn trái tim của người khác để cùng tạo dựng?”

Tín giả: “Con chỉ làm bằng trái tim mình.”

Thiền sư: “Khi con làm ra sợi lông hào, có phải đã làm bằng tất cả trái tim mình không? Hay là chỉ dùng một phần tâm sức?”

Tín giả: “Dùng toàn bộ tâm sức.”

Vì thế, thiền sư dẫn dụ tín giả nói: “Con làm ra một bức tường thành lớn, chỉ bằng có một trái tim; làm ra một sợi lông hào nhỏ vẫn bằng một trái tim, có thể thấy lòng con là có thể lớn, có thể nhỏ vậy!”

Lòng người vừa có thể rộng lớn như biển, cũng có thể nhỏ như cái khe. Thế giới của thiền có thể bao dung cả đất trời, và lại con người vốn có lòng thiền như bảo tàng, ứng thiện khai phát, trải nghiệm cuộc đời bằng lòng thiền, dần dần tịnh hóa thành một trái tim thường đại triệt đại ngộ.¹

TRÍ TUỆ THIỀN:

Tâm cảnh vốn rộng lớn vô biên, chỉ có tự ngộ bằng chính lòng mình, ngộ lớn thì lớn, ngộ nhỏ thì nhỏ, không hề định lượng. Khải hóa từng chút một bằng tâm thiền, mới có thể đại triệt đại ngộ.

1. Lộc Dã Uyên – Một trong bốn thánh địa lớn của Phật giáo.

Lộc Dã Uyên tức Sa Nhĩ Na Tư ngày nay, nằm ở khu vực cách phía bắc thành phố Ngõa Lạp Na Tây của Ấn Độ 6 km. Theo truyền thuyết ngày trước có quốc vương Bà La Nại đã từng tới đây đi săn, săn được hàng nghìn con hươu, sau khi Lộc vương khấn cầu mỗi ngày cung ứng cho quốc vương Bà La Nại một con hươu làm điều kiện, quốc vương mới tha cho đàn hươu, vì thế mà có địa danh “Lộc Dã Uyên”. Lộc Dã Uyên bắt đầu từ vua A Dục được sùng bái ngưỡng mộ. Trong Lộc Dã Uyên ngày nay, tự viện khắp nơi, có chùa Trung Hoa Phật (do hậu duệ người Hoa Lý Tuấn Thành xây dựng), chùa Miến Điện Phật, Hiệp hội Ma Ha Bồ Đề, Sở bảo tồn cổ vật Ấn Độ giáo và Bảo tàng cổ vật Phật giáo, trong đó, Bảo tàng cổ vật Phật giáo có hàng nghìn pho tượng Phật và các loại pháp khí, trụ đá, đầu là những di vật quý giá của Phật giáo.

ĐÀN ÔNG BỐN VỢ

Một lần tại Pháp hội, Thích Ca Mâu Ni giảng một câu chuyện như sau.

Có một thương nhân giàu có lấy liền một lúc bốn người vợ: người vợ thứ nhất lanh lợi đáng yêu, cả ngày theo hầu, không rời nửa bước; bà vợ thứ hai là đi cướp được, khá có nhan sắc; bà vợ thứ ba lặn ngụp trong những chuyện lật vật trong cuộc sống, khiến cho ông được hưởng cuộc sống yên ổn; bà vợ thứ tư làm việc chăm chỉ, chạy đôn chạy đáo, làm cho chồng quên hẳn sự tồn tại của mình.

Có lần, thương nhân chuẩn bị đi xa, ông quyết định chọn một người đi cùng mình. Thương nhân nói suy nghĩ của mình với bốn người vợ, người vợ thứ nhất nói: “Anh đi một mình đi, em chẳng muốn đi đâu!” Người vợ thứ hai nói: “Em bị anh cướp về làm vợ, vốn chẳng cam tâm làm vợ anh, em cũng không đi đâu!” Người vợ thứ ba nói: “Mặc dù em là vợ của anh, nhưng em chẳng muốn chịu đựng ăn đường ngủ quán, nhiều nhất là em tiễn anh ra tới ngoại thành! Người vợ thứ tư nói: “Dù em là vợ của anh, bất kể anh đi đâu em cũng theo anh.” Vì thế, thương nhân bắt đầu cuộc hành trình với người vợ thứ tư.

Cuối cùng, Thích Ca Mâu Ni nói với các bậc Tôn giả rằng: “Các vị, xem, người thương nhân này là ai thế? Chính là bản thân các ngài vậy.” Mọi người liền đồn ngộ.

Người vợ thứ nhất nhằm chỉ nhục thể, sau khi chết muốn rời khỏi bản thân; người vợ thứ hai là tài sản, sống chẳng tự đến, chết không mang được đi; người vợ thứ ba chính là vợ của mình, khi sống hai người gắn bó keo sơn, sau khi chết thì đường ai nấy đi; người vợ thứ tư chính là nói tự tính, con người thường quên sự tồn tại của nó, nhưng nó lại mãi mãi theo bản thân mình.

TRÍ TUỆ THIỀN:

Đến từ hư không, đi cho bằng hết, chỉ có Tự tính mới là người bạn đời chân chính.

HỌC VẤN ĂN LÊ

Tết Trung thu, lão phương trượng chọn ra gói lê trong số những cúng phẩm đưa cho hai hòa thượng A và B.

Ông nói với hòa thượng A: “Số lê này còn có vài quả xanh, để khoảng mười mười lăm hôm mới ăn nhé.” Rồi nói với hòa thượng B: “Số lê này cúng trên bàn đã nhiều ngày, không thể để lâu được nữa, ăn sớm đi nhé.”

Kết quả là, khi hòa thượng A để lê nửa tháng sau mới ăn thì đã bị thối hết; lê của hòa thượng B ăn liền thì rất chất. Về sau khi lão phương trượng hỏi khẩu vị của những quả lê hai người ăn, cả hai đều nói thực về tình hình của mình.

Lão phương trượng nói với hòa thượng A: “Xem ra, có những thứ không thể để lâu được, bất kể đỏ, xanh, chất, cũng phải sử dụng kịp thời, nếu không về sau hối hận thì đã muộn.”

Rồi nói với hòa thượng B: “Xem ra, có những thứ không thể vội được, để một thời gian có lẽ sẽ tốt hơn.”

Cùng một loại lê, nhờ sự sắp xếp cố ý của lão phương trượng lại thu được hai kết quả hoàn toàn khác nhau, đó chính là trí tuệ của Thiên.

TRÍ TUỆ THIỀN:

Tâm thái và cách sống quyết định vận mệnh của cuộc đời con người. Cùng điều kiện và cảnh ngộ, nếu suy nghĩ và cách làm khác nhau sẽ đem lại những kết quả rất khác nhau.

MÀI ĐÁ THÀNH GƯƠNG

Hoài Nhượng Thiền sư đời Đường theo Huệ Năng 15 năm, về sau tới Nam Nhạc, hoằng dương Thiền học. Trong số đệ tử của ông, người nổi tiếng nhất chính là Mã Tổ Đạo Nhất, cũng chính là người đệ tử duy nhất được tâm truyền trong số sáu vị đệ tử nhập thất.

Mã Tổ theo Hoài Nhượng đã được mấy năm, nhưng chưa hề thấy ông có ngộ hóa lớn lao gì đối với Thiền học, chỉ thấy ông cả ngày khổ luyện tọa thiền, vì thế bèn hỏi: “Ngươi cả ngày tọa thiền ở đây là sao vậy?” Mã Tổ nói: “Ta muốn thành Phật.”

Hoài Nhượng cười cười rồi cầm một viên gạch lên, rồi mài qua mài lại trên viên đá.

Vì thế Mã Tổ hỏi: “ Sư phụ, người mài gạch làm gì vậy?”

Hoài Nhượng: “Ta muốn mài viên gạch này thành gương.”

Mã Tổ: “Gạch làm sao có thể mài thành gương được chứ?”

Hoài Nhượng: “Gạch không thể làm gương, vậy ngồi thiền làm sao thành Phật được?” Mã Tổ rất ngời hoặc.

Hoài Nhượng lại nói: “Nếu có người lái xe, nếu xe không tiến lên thì đánh xe chằng? Hay đánh trâu?” Mã Tổ không thể trả lời được.

Hoài Nhượng lại nói: “Nếu học tọa thiền, Thiền lại chẳng ở chỗ nằm hay ngồi. Nếu học tọa Phật, Phật chẳng có hình trạng nhất định. Đối với sự vật thay đổi vô thường không nên chấp chuyện được mất, nếu con học tọa Phật, thì chính là bóp chết Phật rồi, nếu con chấp vào tướng ngồi chính là đi ngược lại đạo.”

Mã Tổ nghe lời chỉ bảo dạy dỗ của Hoài Nhượng mới thực sự ngộ đạo, bèn từ biệt Hoài Nhượng, tới làm phương trượng ở Giang Tây, kế tịch và phát triển tư tưởng Thiền pháp của tổ sư Huệ Năng, trở thành nhân vật quan trọng nhất trong lịch sử Thiền Nam Tông sau vị tổ thứ 6 Huệ Năng.

TRÍ TUỆ THIỀN:

Thiền là gì? Thiền là cái tôi, là một lối sống, là thực tiễn. Chỉ có rèn luyện thân tâm trong thực tiễn cuộc sống, tinh thần tự nhiên thăng hoa, thời tiết nhân duyên thành thực, tự nhiên minh tâm kiến tánh.

PHẬT ĐÀ CŨNG CÓ NỖI KHỔ

Thành kính tu tại gia là những người sùng tín, họ tu pháp môn thế gian, mặc dù pháp môn thuận tiện, nhưng vì không có thầy chỉ bảo, chỉ biết lấy kinh kệ làm thầy. Nên, đối với hạng phạm phu tục tử không dễ làm nổi, thường rơi vào trạng thái phiền muộn, rồi chẳng biết nó sinh ra bởi từ bi hay tâm tính, đó chính là phiền não sản sinh từ phiền não.

Một ngày, có tín giả hỏi thiền sư Triệu Châu Tùng Niệm: “Phật Đà có phiền não không?”

Thiền sư Triệu Châu trả lời: “Có!”

Tín giả không hiểu hỏi tiếp: “Phật Đà là người đã giải thoát, làm sao có phiền não chứ?”

Thiền sư Triệu Châu trả lời: “Đó là vì con chưa đắc độ.”

Tín giả lại hỏi: “Nếu con tu hành đắc độ, Phật Đà còn có phiền não chăng?”

Thiền sư Triệu Châu trả lời: “Còn!”

Tín giả càng mê hoặc, nói: “Con đã đắc độ, Phật Đà tại sao còn phiền não?”

Thiền sư Triệu Châu trả lời: “Vì còn có các chúng sinh!”

Tín giả vẫn chưa thông: “Các chúng sinh, đương nhiên không thể nào độ hết được, vậy Phật Đà mãi mãi không thể siêu việt trong phiền muộn?”

Thiền sư Triệu Châu trả lời: “Đã siêu việt, thì không còn phiền não.”

Tín giả cuối cùng hỏi: “Chúng sinh đã không độ hết được, tại sao Phật Đà lại chẳng phiền não nữa?”

Thiền sư Triệu Châu trả lời: “Chúng sinh trong tự tính của Phật Đà đã độ hết.”

Phiền não của chúng sinh được sản sinh từ vọng tưởng vô danh; còn phiền não của Phật Đà nảy sinh từ lòng từ bi. Xét về tâm tính của con người, Phật Đà không hề phiền não. Xét về từ bi, Phật Đà là người phiền não.¹

1. Câu Thi Na – Một trong bốn thánh địa lớn của Phật giáo.

Câu Thi Na – nơi Phật nhập Niết bàn – theo tên gọi đầy đủ là Câu Thi Na Kiết La, tên đô thành Ấn Độ, cũng là nơi Phật nhập diệt. Theo “Vãng ngũ Thiên Trúc quốc truyện” ghi chép, nơi này thường có thiền sư quét rửa tháp Phật, vào ngày 8 tháng 8 hàng năm, tăng ni đạo tục đều tới đây cúng dường, nó là một trong tám xứ sở linh thiêng lớn ở Ấn Độ. Pháp Hiển, Huyền Trang đi hành hương qua đây đều tới nơi thánh tích đó hành lễ. Phía tây nam của Ca Tư A có một Đường vũ tên gọi Niết Bàn Đường, trong đường tôn thờ một bức tượng Niết Bàn cực lớn, văn tự khắc trên đó vào thế kỷ V. Gần Niết Bàn Đường phát hiện chữ “Đại Niết Bàn Tự” trên dấu trên đế đồng, dấu đất sét cổ. Nên, mọi người cho rằng Ca

TRÍ TUỆ THIỀN:

Phật Đà cũng thiền não, hướng hồ người phạm chúng ta. Thiền não trong cuộc đời con người tự nhiên qua đi bằng nụ cười.

Tư A là cố địa của Câu Thi Na Kiết La.

THUẬN THEO TỰ NHIÊN

Thảm cỏ trong Thiền viện vàng héo hắt, tiểu hòa thượng thấy vậy bèn nói với thầy: “Thầy ơi, gieo chút hạt cỏ đi! Bãi cỏ này trông khó coi quá.”

Thầy nói: “Chớ vội, lúc nào gieo cũng được, hà tất phải vội làm trong lúc này? Tùy thời!”

Vào dịp Trung thu, thầy đi mua hạt cỏ về, tiểu hòa thượng nói: “Đi thôi, lấy hạt cỏ rắc xuống đất.”

Tiểu hòa thượng phấn khởi đi rắc hạt cỏ. Bỗng gió nổi lên, tiểu hòa thượng rắc một bên, hạt cỏ bay một bên. “Không ổn rồi, bao nhiêu hạt cỏ đều bị thổi đi mất!” Tiểu hòa thượng la lớn.

Thầy nói: “Thôi đi là chẳng còn gì, rắc xuống cũng không thể nảy mầm được. Tùy tính!”

Hạt cỏ rắc xong, có rất nhiều chim sẽ bay đến chọn ăn những hạt cỏ mảy trên mặt đất. Tiểu hòa thượng trông thấy, vội vàng nói: “Không xong rồi, hạt cỏ đều bị chim nhỏ ăn hết!”

Thầy nói: “Chẳng hề gì! Chim nhỏ ăn không hết! Sang năm vườn này sẽ có cỏ non. Tùy ý!”

Buổi tối trời đổ một cơn mưa, tiểu hòa thượng không thể ngủ được, cậu lo hạt cỏ bị nước mưa xối đi hết. Sáng hôm sau, mới tỉnh mơ đã chạy ra khỏi Thiền phòng, quả nhiên những hạt cỏ trên đất chẳng thấy đâu. Vì thế cậu liền chạy tới Thiền phòng nói với thầy: “Thầy ơi, đêm qua một trận mưa lớn đã cuốn hết hạt cỏ đi rồi, làm sao bây giờ?”

Thầy ôn tồn nói: “Đừng vội, hạt cỏ bị cuốn tới đâu thì sẽ mọc lên ở nơi đó! Tùy duyên!”

Không bao lâu sau, rất nhiều mầm cỏ ngoi lên từ mặt đất, trong những góc ngách vốn chẳng được gieo hạt lại cũng mọc lên rất nhiều mầm xanh non.

Tiểu hòa thượng phấn khởi nói với thầy: “Thầy ạ, tốt quá, cỏ con trồng đã mọc lên rồi!”

Thầy gật đầu nói: “Tùy hỷ!”

Tu thiền chính là khi lễ Phật, tụng kinh, tọa thiền, giữ được lòng bất tri. Đó chính là việc tu thiền chính thức. Khi làm những việc khác thì chỉ đi làm. Khi lái xe, phải lái xe toàn tâm, đèn đỏ dừng, đèn xanh đi. Khi ăn cơm, chỉ ăn cơm. Khi làm việc, chỉ làm việc. Mọi việc đều thuận theo nó mà làm, hà tất khổ cầu làm gì? Về sau, tâm tự nhiên trở nên trong sáng.¹

1. Lá trà và Phật giáo.

Phật giáo chú trọng tọa thiền tu hành. Tọa thiền chú ý, chuyên chú nhất cảnh, tịnh tọa tư duy, đồng thời phải ngồi xếp chân bằng tròn, đầu ngay lưng thẳng, “Không dao không động, không cúi không

TRÍ TUỆ THIỀN:

Thiền thần diệu, một khi được phát huy công dụng trong cuộc sống thì tự nhiên sinh sôi, không bị liên lụy bởi dục niệm, không ràng buộc bởi ngoại vật, tràn trề sức sống khắp nơi. Vì thế, thuận theo tự nhiên, bất tất cố cầu, chỉ cần bỏ ra nhất định sẽ được báo đáp.

dựa”, càng không thể nằm ngủ trên giường, tọa thiền lâu sẽ khiến cho người cảm thấy mệt mỏi và nảy sinh ham muốn ngủ, vì thế, lá trà có công hiệu làm sáng khoái tinh thần, đánh đuổi con ma ngủ, tiết ra chất làm giải khát, tiêu trừ mệt mỏi... trở thành một thứ nước uống lý tưởng nhất của các tăng đồ. Việc đề cao trà của Phật giáo khiến cho nước trà dần dần trở thành một bộ phận trong chế độ của tự viện. Trong tự viện có lập “Trà đường”, là nơi thiền tăng bàn luận về Phật lý, chiêu đãi thí chủ, thưởng thức trà thơm. Ở nơi Giới tập hội diễn thuyết Phật pháp của tự viện gọi là “Pháp đường”, Pháp đường có hai chiếc trống, chiếc nằm ở góc đông bắc gọi là “Pháp cổ”, nằm mé bên tây bắc gọi là “Trà cổ”. Trà cổ là trống dùng để triệu tập chúng tăng uống trà.

HỔ VÔ

TRƯỚC TIÊN PHẢI CÚI ĐẦU

Nhân cách của thiền giả có một mặt tự tôn, họ có khi đội trời đạp đất, kiêu hãnh một mình, như rồng cuốn, hổ nhào; nhưng có khi lại vô cùng khiêm nhường, như rồng nép, hổ cúi đầu. Điều đó chứng tỏ khi cần tiến thì tiến, muốn thoái thì thoái; đang cao thì cao, lúc thấp thì thấp. Cái gọi là tiến thoái hợp thời, cao thấp hợp cách. Rồng là linh vật trong muôn loài, hổ là vua trong muôn thú, thiền giả là hiền nhân trong nhân loại, lấy thoái làm tiến, dĩ khiêm vĩ thượng, thuận lợi nhường nào?

Học tăng trong thiền viện chùa Long Hổ đang bắt chước một bức Long tranh hổ đấu trên bức tường trước chùa. Rồng trong tranh đang cuộn mình trên đầu mây, hổ rình đầu núi, trong tư thế muốn vồ, mặc dù chỉnh sửa nhiều lần, song cứ thấy động thái trong tranh bất túc, may thay đúng lúc thiền sư Vô Đức từ ngoài trở về, các Học tăng bèn nhờ thiền sư đánh giá.

Sau khi thiền sư Vô Đức xem xong, nói: “Ngoại hình của rồng và hổ vẽ được, nhưng đặc tính của rồng và hổ các con biết được bao nhiêu? Giờ phải hiểu rõ trước khi rồng

tấn công, đầu phải rút về sau; khi hổ định vồ thì đầu tất nhiên ép thấp xuống. Góc khuất về sau của cổ rồng càng lớn, đầu hổ càng phải dán gần mặt đất, như vậy chúng mới vồ được nhanh, nhảy được cao.”

Thiền sư hiểu liền, bèn chỉ ra trong bức tranh không chỉ vẽ đầu con rồng quá hướng về phía trước, mà đầu hổ cũng quá cao, chả trách động thái bị khiếm khuyết.

Thiền sư Vô Đức lấy có thuyết giáo, nói: “Đạo lý làm người, xử thế, tham thiền tu đạo cũng vậy, sau khi chuẩn bị lùi một bước mới có thể xông tới càng xa, sau khi khiêm nhường, cảnh tỉnh mới có thể leo được cao hơn.”

Học tăng không hiểu hỏi: “Thầy! Người tụt hậu làm sao có thể tiến lên trước chứ! Người nhún nhường làm sao cho cao hơn vậy?”

Thiền sư Vô Đức nói một cách nghiêm túc: “Các con hãy nghe bài thơ thiền của ta: “Tay cầm mạ non reo xuống khắp ruộng. Đầu thấp càng thấy nước trên trời; Thân tâm thanh tịnh mới là đạo, Lùi bước vốn là tiến lên trước.” Các bậc nhân giả có thể hiểu được ý nghĩa chăng?” Học tăng tới đó mới tỉnh ngộ.¹

-
1. Đại Phật Lạc Sơn – Phật đá lớn nhất thế giới. Đại Phật Lạc Sơn tọa lạc ở phía đông huyện thành Lạc Sơn, tỉnh Tứ Xuyên, trên núi Lăng Vân hợp lưu ba dòng sông Mân Giang, Thanh Y và Đại Độ, với nét đặc sắc được kết hợp một cách hữu cơ bởi di sản văn nhân tinh tú và di sản thiên nhiên, nước non giao hòa cùng núi Nga My hô ứng xa xa. Người đầu tiên tạo tác Đại Phật Lạc Sơn là hòa

TRÍ TUỆ THIỀN:

Muốn biết xuất chương trước tiên phải thu tay, sau đó mới có thể đưa ra cú đâm chí mạng. Thoái không phải là rút lui, không phải là một thứ thỏa hiệp, mà hoàn toàn tương phản, đó chính là một thái độ sống già dặn, tất nhiên cũng là cách lựa chọn tiến.

thượng Hải Thông bắt đầu khởi công từ năm 713, trải qua ba đời điêu khắc tinh xảo của các thợ đá tới năm 803, tức 90 năm sau mới hoàn thành. Đại Phật Lạc Sơn có tỉ lệ cân đối, cao 71m, thân ngồi cao 59,96m, vai rộng 28m, đầu, thân Phật và trên người còn được ẩn tàng hệ thống thoát nước tinh xảo nhằm tránh bị nước ứ xâm thực, giảm thiểu phong hóa. Đại Phật Lạc Sơn là pho tượng Phật Di Lặc bằng đá cao nhất thế giới.

SỐNG VỚI HIỆN TẠI

Có một tiểu hòa thượng phụ trách công việc quét lá rụng ngoài sân chùa vào mỗi sáng. Sáng sớm thức giấc quét sân là quả là một việc khổ ải, nhất là vào lúc giao mùa từ thu chuyển sang đông. Mỗi khi gió thổi, lá cây thường rơi lả tả. Hàng sáng đều phải bỏ ra rất nhiều thời giờ mới có thể quét hết lá cây, điều này khiến cho tiểu hòa thượng đau đầu mãi. Thầy nghĩ mãi để tìm ra cách làm cho mình được nhàn nhã.

Về sau có một hòa thượng nói với thầy: “Ngày mai trước khi thầy quét hãy ra sức rung cây, để cho lá cây rụng xuống hết, hôm sau có thể chẳng cần quét nữa.” Tiểu hòa thượng cảm thấy đó là một cách hay, hôm sau bèn dậy thật sớm, gắng sức rung cây, như vậy thầy có thể quét hết lá rụng của cả hôm nay và ngày mai. Cả ngày hôm đó tiểu hòa thượng vô cùng phấn khởi.

Hôm sau, tiểu hòa thượng ra ngoài sân vừa nhìn, cậu không dừng được ngay người ra. Trên sân rụng đầy lá như mọi ngày. Lão hòa thượng đi tới nói với tiểu hòa thượng rằng: “Bất kể hôm nay con gắng sức thế nào, lá cây ngày mai vẫn cứ rơi xuống.”

Cuối cùng tiểu hòa thượng đã hiểu ra, thế gian có rất nhiều việc không thể nào làm trước được, chỉ có sống hết mình với hiện tại mới là thái độ sống chân thực nhất.

TRÍ TUỆ THIỀN:

“Hiện tại” trong Thiền chính là một tâm niệm tiên tiến. Thiền trong hiện tại, sinh mạng ở hiện tại, sống với hiện tại, mê hoặc ở hiện tại, giác ngộ trong hiện tại, từ sự cảm thụ về giác ngộ sự sống, điều hữu ích cũng xảy ra trong hiện tại.

NGƯỜI TRUNG GIAN, VIỆC TRUNG GIAN

Có một vị hòa thượng vì không chịu đựng được sự tịch mịch của nhà Phật mà xuống núi hoàn tục.

Chưa được 1 tháng, vì không chịu được miệng lưỡi thế gian lại phải lên núi.

Rồi chưa đầy 1 tháng lại không chịu được sự cô tịch vẫn tiếp tục hoàn tục.

Cứ vậy hết lần này đến lần khác, lão tăng nói với thầy: “Con chắc cũng chẳng tin Phật, hãy cởi cà sa ra đi; cũng đừng gắng làm người phạm, ở ngôi đình mát mẻ giữa chùa và hồng trần có một lối đi, bán trà ở đó thấy thế nào?”

Vì thế, con người hoàn tục này kiếm một bà vợ, mở một cửa hàng bán trà. Lão tăng chỉ bảo rất đúng, người giữa đường chỉ có thể làm việc giữa đường.

TRÍ TUỆ THIÊN:

Tâm thái bất định khó thể làm nên chuyện, đã đành khó thể yên ổn được trái tim này, vậy chỉ có thể làm những việc bất định.

MÙI VỊ CỦA MUỐI

Một đại sư Thiền học có một đệ tử hay oán trách, vì tâm địa hẹp hòi, nên thường rơi vào tình cảnh phiền muộn.

Một hôm, đại sư sai đệ tử này đi ra chợ mua một túi muối. Sau khi đệ tử về, đại sư dặn dò thầy bỏ muối vào trong ly nước, sau đó uống một hơi. “Mùi vị thế nào?” Đại sư hỏi.

“Mặn đắng.” Đệ tử chau mày trả lời.

Tiếp theo, đại sư lại dẫn đệ tử tới ven hồ, dặn thầy bỏ hết muối xuống hồ, sau đó nói: “hãy nếm thử nước hồ đi.” Đệ tử cúi người xuống mức nước hồ uống.

Đại sư hỏi: “Mùi gì?”

“Sạch sẽ ngon ngọt” Đệ tử đáp.

“Đã có vị mặn chưa?” Đại sư lại hỏi

“Chưa có” Đệ tử đáp.

Đại sư gật gật đầu, mỉm cười nói với đệ tử: “Đau khổ trong cuộc đời chính là muối, vị mặn của nó quyết cái đồ dùng để đựng nó.”

Con muốn làm một ly nước, hay là một hồ nước?

Thế nhân đều có Phật tính, chẳng qua khó tự nhận rõ, khi biết cũng sẽ thành Phật được. Khi tự giác nhất tâm nhất ý sống trong sự kháng kiện và tâm bình trí hòa, chúng ta cũng sẽ thành Phật.

TRÍ TUỆ THIÊN:

Con người muốn sống sung sướng, thì phải ít phiền não; muốn ít phiền não, trong lòng phải rộng rãi, học cách đối đãi tốt với mình và rộng lượng với người, đó chính là cuộc đời mệnh mang, khoáng đạt. Cuộc sống vốn phải ung dung tự tại, nhi nhiên tự đắc.

ĐỈNH CHÂU NHẬT LÁ

Thiền sư Đỉnh Châu cùng Sa Di đi qua sân, bỗng nổi lên một trận gió, lá trên cây rụng xuống rất nhiều, thiền sư cúi lưng, nhặt từng chiếc lá lên, bỏ vào trong túi. Sa Di ở bên cạnh bèn hỏi: “Thiền sư! Không cần nhặt đâu, dù gì sớm ngày mai chúng con cũng phải quét sân.”

Thiền sư Đỉnh Châu không đồng tình nói: “Không thể nói thế, quét dọn, chẳng lẽ nhặt định sẽ sạch sao? Ta nhặt thêm một chiếc lá sẽ khiến cho mặt đất sạch thêm một phần!”

Sa Di lại nói: “Thiền sư, lá rụng nhiều như vậy, thầy nhặt phía trước, phía sau lại rụng xuống, thầy làm sao nhặt hết được chứ?”

Thiền sư Đỉnh Châu vừa nhặt vừa nói: “Lá không chỉ rụng xuống đất, lá rụng trong lòng chúng ta, ta nhặt lá rụng trong lòng chúng ta, cuối cùng sẽ có lúc nhặt hết.”

Sau khi Sa Di nghe xong, cuối cùng hiểu ra cuộc sống của thiền giả là gì.

Thiền sư nhặt lá thật sự nói lên điều gì chứ? So với nói nhặt lá rụng, chẳng bằng nói thanh trừ phiền não, vọng tưởng trong lòng. Trong thế giới Đại Thiên, lá rụng nhiều

bao nhiêu, làm thế nào nhất được hết! Nhà Phật mong cầu sự thanh tịnh trong lòng, phải nhất lá rụng trong tâm bất cứ lúc nào, dù rằng lá rụng chất trong lòng bao nhiêu, bớt đi một chiếc rớt cuộc sẽ ít được một chiếc.

Lại như, Phật Đà có một đệ tử tên là Châu Lợi Bàn Đà Già, vô cùng ngu muội, một bài kệ tụng cũng không thể lĩnh ngộ được. Bất đắc dĩ, Phật hỏi cậu biết gì, cậu nói biết quét sân, Phật bèn dạy cậu niệm “Phất trần tảo câu” khi quét sân.

Sau khi cậu niệm, trong lòng dần dần nảy sinh nghi hoặc, khi ngồi rảnh ngoài kia bần thiêu thì phải dùng chổi quét, vậy khi trong lòng dơ bẩn phải thanh trừ sao đây? Học được cách tự giác ngộ đạo, như thế, Châu Lợi Bàn Đà Già liền thông minh mở mang trí tuệ.

TRÍ TUỆ THIỀN:

Phật nói Nhất thiết giai không. Thiền có thể nói là một tên gọi khác của “Tâm”, còn “Tâm” chính là Thực tính chân như không tăng ở Phật, chẳng giảm ở Phàm.

NHẤT HƯU PHƠI KINH

Thiền sư Nhất Hưu khi ở quê nhà núi Duệ Sơn, có một hôm trông thấy một nhóm tín đồ đi lên núi, tự viện trên núi Tỉ Duệ vốn đang phơi Tạng kinh. Theo truyền thuyết, khi phơi Tạng kinh, nếu có gió thổi qua, người ta có thể theo ngọn gió đó để tiêu trừ vận ách, tăng thêm trí năng, vì thế những dòng người nghe thấy gió này tập nập đổ lên núi. Thiền sư Nhất Hưu sau khi biết nói: “Ta cũng muốn phơi Tạng kinh!”

Nói xong Nhất Hưu bèn phanh ngực hở bụng nằm trên thảm cỏ phơi nắng, rất nhiều tín đồ muốn lên núi thấy kỳ cục, thực không nhả nhận. Hòa thượng của tự viện trên núi bèn chạy xuống khuyên Nhất Hưu đừng làm mất uy nghi như thế nữa.

Nhất Hưu giải thích vô cùng nghiêm túc rằng: “Tạng kinh các thầy phơi là thứ chết, sẽ sinh một, không hoạt động được nữa. Tạng kinh ta phơi là thứ sống, biết thuyết pháp, biết làm việc, biết ăn cơm, người có trí năng phải biết thứ Tạng kinh nào mới đáng quý chứ!”¹

-
1. Phật ngữ lớn nhất “Cụ hình thụ Phật” còn gọi là “Ẩn hình thụ Phật”, nằm ở khu vực hợp lưu ba con sông (sông Mân, Thanh Y, Đại Độ) cạnh huyện thành Lạc Sơn, tỉnh Tứ Xuyên, đầu Phật,

TRÍ TUỆ THIỀN:

Cầu phúc mở mang trí tuệ phải biết đường đi nước bước, tham thiền nhập Phật phải biết cơ yếu, tất cả phải bắt đầu từ tâm. Tu hành tối kỵ bỏ gốc theo ngọn, Tạng kinh quý giá không in trên giấy, mà in trong lòng, Tạng kinh trong lòng mới sinh vạn pháp.

mình Phật, chân Phật được hợp thành bởi núi Điều Long, Lăng Vân và Đông Nhai với hình thái hết như thật, đường kính cách nhau khoảng hơn 1.300m, nằm ngửa đầu quay về hướng nam, chân hướng bắc trên bờ Tam Giang, được người đời gọi là Quan Chỉ Đích Thị, Đại Phật Lạc Sơn nổi tiếng thế giới chỉ ngồi lọt thom giữa phần vách sâu của “Cự hình thụ Phật”, dường như đang chứng nghiệm ngụ ý “Tâm tức thị Phật” của nhà điêu khắc Phật đời Đường và thuyết “Thánh nhân xuất dịch hạ” trong dân gian thời cổ đại, làm hình thành kỳ quan “Phật trung hữu Phật”.

NHÀ SƯ KHỔ HẠNH

Các thiền sư là những nhà hiền triết lớn suy ngẫm về cuộc đời, thế giới tinh thần hết sức phong phú, nhưng về đời sống vật chất của họ lại vô cùng giản dị. Trong “Tur môn sùng hành lục” có ghi chép việc tu hành của cao tăng các đời.

Hòa thượng Biền Đàm một đời chỉ ăn hạt cao su.

Thiền sư Vĩnh Gia không ăn rau trồng, vì ngại sợ cây cuốc sát sinh.

Thiền sư Huệ Lâm đi đôi dép suốt 20 năm, gặp phải những chỗ đất bằng phẳng thì bỏ dép ra đi chân trần.

Thiền sư Thông Huệ cả năm chỉ có một bộ quần áo, rách rồi lại vá, bất kể mùa đông hay mùa hạ đều mặc bộ quần áo như vậy.

Pháp sư Khai Thông bất kể nhận được bao nhiêu của bố thí, liền chia ra cứu tế người nghèo khó; pháp sư Hành Nhân khi tu hành ở Phật Thủ Nham, Lư Sơn, hằng ngày làm bạn với muông thú, những con vật đó đều rất hiền lành gần gũi ngài, không hề sợ sệt chút nào. Về sau ngài chết đứng một cách hiền ngang.

Thiền sư Huệ Hy sống một mình trong động nhâm, không nhận phòng xá của cư sĩ cúng dường, mỗi ngày một bữa, xung quanh tám tấm để ngồi đều là bụi, cỏ, quần áo tuềnh toàng, chỉ có thể tránh gió lạnh, mùa đông mặc, mùa hè treo trên tường.

Thiền sư Đạo Pháp chủ trì hai chùa Hưng Lạc, Hương Tích, dẫn dắt đúng cách, nghiêm cẩn khắc kỷ, không nhận mời mọc, không hên tặng thực. Những ẩm thực khát thực về đem bố thí cho điều trùng, đêm hôm thoát y tọa thiền, để cho muỗi mòng ăn mòn bản thân. Sau nhập định thấy Phật Di Lặc toả sáng nơi rốn, chiếu Tam ác đạo, vì thế càng thêm tinh tiến, thường ngồi mà không nằm.

Hòa thượng Đại Mai tới thăm thiền sư Mã Tổ, sau khi minh tâm kiến tánh, ẩn cư hàm dưỡng trong núi sâu, có người muốn mời ông ra làm quan, hòa thượng Đại Mai trả lời hài hước rằng: Nhất tri hà diệp y vô tận, Số thụ tùng hoa thực hữu dư. Cương bị thể nhân tri trú xứ, Hựu di mao xá nhập thâm cư.

Pháp sư Phú Thượng ngồi ven đường đọc kinh, bên cạnh đặt một chiếc nón lá để hóa duyên. Vì đường xá heo lánh, ít người qua lại, nên ngài không nhận được gì. Có người hỏi ngài: “Đại sư, tại sao ngài không tới những nơi thị thành đông người hóa duyên chứ?”

Ngài trả lời: “Ta chỉ cần 1, 2 đồng thì có thể duy trì sự sống rồi.”¹

TRÍ TUỆ THIÊN:

Sở dĩ cao tăng có thể gặt hái được thành tựu cao như thế về đạo nghiệp, điều đó có quan hệ nhân quả với việc cam nguyện khổ luyện, tuyệt đối lìa bỏ sự hưởng thụ về vật chất ở họ.

1. Tượng Phật nhỏ nhất thế giới.

Năm 1982, nghệ sĩ điêu khắc người Tô Châu, ông Thẩm Vi Chúng đã hoàn thành việc điêu khắc pho tượng Phật bằng ngà voi nhỏ bằng nửa hạt gạo, người ta phải nhờ đến kính hiển vi gấp 50 lần mới có thể nhìn rõ được pho tượng Phật sinh động như thật này: hai chiếc tai rủ xuống vai, cặp mắt hơi mở với nụ cười trên khuôn mặt hiền hòa. Bàn thờ phía sau và vàng hào quang trên đầu Phật càng làm tăng thêm vẻ trang nghiêm. Ngón tay Phật rõ ràng có thể đếm được, và thực tế những ngón tay này chỉ nhỏ bằng 2/3 sợi tóc. Pho tượng Phật lớn nhất trên thế giới ở Trung Quốc, pho tượng Phật nhỏ nhất cũng ở Trung Quốc, điều này ngoài thể hiện lòng thành kính và tôn sùng đối với Phật của Tăng tục tứ chúng rộng rãi, cũng chứng tỏ đầy đủ trí tuệ phi phàm và kỹ nghệ siêu quần của nhân dân Trung Quốc.

CON CHÍNH LÀ PHẬT TỔ

Thiền sư Nam Dương Huệ Trung là tổ sư phái Nguưu Đầu, Đường Túc Tông, Đại Tông đều từng phong ngài là Quốc sư. Đường Cao Tông từng xin ngài thụ Ngũ giới, Võ Tắc Thiên mời ngài vào cung tuyên giảng về nội dung chính của kinh Hoa Nghiêm.

Có một người theo hầu Quốc sư Nam Dương Huệ Trung 30 năm, Quốc sư cảm niệm về tấm lòng thành, không ngại vất vả của con người này, muốn báo đáp bằng cách giúp anh ta khai ngộ, một hôm gọi: “Thị giả!”

Thị giả vừa nghe thấy Quốc sư gọi mình, cho là có việc gì muốn giúp đỡ, liền trả lời: “Quốc sư! Làm việc gì vậy?” Quốc sư bất đắc dĩ đáp: “Không làm gì cả!”

Một lát sau, Quốc sư lại gọi: “Thị giả!” Thị giả liền trả lời: “Quốc sư! Có việc gì không?” Quốc sư lại bất đắc dĩ nói: “Không có việc gì!”

Nhiều lần như vậy, Quốc sư đổi giọng gọi Thị giả: “Phật tổ! Phật tổ!” Thị giả mông lung không hiểu hỏi lại: “Quốc sư! Ngài gọi ai thế?”

Quốc sư thấy anh ta đại khờ, vạn bất đắc dĩ chỉ còn biết tỏ rõ rằng: “Ta đang gọi ngươi!”

Thị giả không rõ, nên nói: “Quốc sư! Con là Thị giả, không phải là Phật tử!”

Quốc sư Huệ Trung thấy như thế không thể giáo hóa được anh ta, bấy giờ chỉ than thở với Thị giả rằng: “Con tương lai đừng có trách ta phụ con, kỳ thực là con phụ ta đó!”

Thị giả vẫn cố nói: “Quốc sư! Bất kể thế nào, con đều là Thị giả trung thực nhất của ngài, con cũng sẽ không phụ ngài đâu, ngài cũng đừng phụ con nhé!”

Ánh mắt Huệ Trung dịu đi, có người tại sao chỉ biết ứng thanh, bị động, tiến thoái đều theo người khác nhỉ? Chẳng lẽ anh ta không thể tự giác được linh hồn mình, tiếp xúc được với sinh mạng chân chính của bản thân!

Quốc sư Huệ Trung nói: “Thực tế, con đã phụ ta rồi.”

TRÍ TUỆ THIÊN:

Thiên môn chú ý “Đón nhận trực tiếp”, cái gọi là Tâm, Phật và Chúng sinh chẳng hề có sự khác biệt. Chúng sinh đều là Phật tử. Còn Thị giả chỉ thừa nhận mình là Thị giả, không dám nhận tên Phật tử. Đó không phải là đã quá phụ lòng tốt của Huệ Trung rồi hay sao?

ĐAN HÀ GIỖN NI CÔ

Thiền sư Đan Hà hồi trẻ đọc hết Tứ thư Ngũ kinh. Trên đường đi Kinh thành dự thi gặp một Thiền giả trở tay hóa phép ngài “Tuyển quan như hà tuyển Phật”, có nghĩa là làm quan sao có thể so được với làm Phật chứ? Đan Hà bèn quyết định bỏ con đường làm quan, học Phật tu đạo, và cuối cùng trở thành đại sư một đời.

Một lần có một ni cô tới hỏi thiền sư Đan Hà về đạo, cô hỏi: “Cái gì mới ý nghĩa chân chính của Đạo?” Thiền sư Đan Hà chẳng nói chẳng rằng, dùng tay trở vào móng ni cô.

Ni cô mặt mày đỏ bừng, vừa sợ vừa giận chửi: “Thì ra trong lòng như ngươi vẫn còn cái đó!”

“Chẳng phải ta còn, mà là người còn!” Đan Hà trả lời lạnh lùng, “Đạo không xa rời con người, chỉ có con người tự xa lìa Đạo.”

Một tiểu hòa thượng đứng lúc thấy tình cảnh đó bèn tới đầu cũng nói oang oang: “Sư phụ mình vốn là một con ma sắc, trước mặt bàn dân thiên hạ thế mà chòng ghẹo một tiểu ni cô tới cầu đạo!”

Tiểu hòa thượng nói vậy, kể như cũng là thực tế, song lão hòa thượng liền mắng rằng: “Ngựa quý ở bốn chân,

người tiện ở cái miệng. Tiểu hòa thượng như người hiểu gì?” Lão hõa thượng đứng lên rồi bỏ đi!

Vào giờ lên lớp buổi tối, có người nói câu chuyện đó với thiền sư Đan Hà. Thiền sư Đan Hà nghe xong gật đầu cúi chào tiểu hòa thượng kia, rồi la to: “Ngã Phật từ bi, Ngã Phật từ bi!”

“Úi cha! Ta chẳng phải là Phật tổ đâu”, tiểu hòa thượng cho là Đan Hà bị điên, liền vội la lớn, “Ngài nhận lầm người rồi!”

“Ta không nhận lầm người, người ta cúi chào là Phật tổ, là Phật tổ nhục nhãn phàm thai, không chỉ nhận lầm người khác, cũng nhận lầm cả mình” Đan Hà nói.

Tiểu hòa thượng bỗng tỉnh ngộ: “Thiền sư lòng dạ Bồ Tát, mềm miệng đao thép đã mở mang khai ngộ cho con rồi! Về sau con sẽ không lấy nhục nhãn để nhìn sự việc nữa.”

TRÍ TUỆ THIỀN:

Trong nội bộ Thiền tông rất chú trọng đến ngôi thứ. Chỉ có thiền sư Đan Hà đại trí đại dũng mới khéo léo dùng tuyệt chiêu Thượng bái hạ để độ nhân khai ngộ, thực không hổ thẹn là Thần tăng một đời!

VINH KHÔ NHẤT NHƯ

Thiền sư Dược Sơn có hai người đệ tử, một người tên là Vân Nham, một tên là Đạo Ngộ. Một hôm, thiền sư tụng kinh ở trong đình viện, hai người đệ tử ngồi bên cạnh, thiền sư trông thấy một cái cây mọc rất rậm rạp, còn cây ở hai bên lại khô héo, ngài chỉ hai chiếc cây một cây khô, một cây tươi rồi nói với Đạo Ngộ trước: “Hai cái cây kia thì cây khô tốt hay là tươi tốt chứ?”

Ngộ Đạo trả lời: “Cây tươi tốt.”

Dược Sơn lại hỏi Vân Nham: “Cây khô tốt hay là cây tươi tốt chứ?”

Vân Nham trả lời: “Cây khô tốt!”

Bấy giờ, đúng lúc có một Thị giả họ Cao đi qua, Dược Sơn lại hỏi anh ta với vấn đề tương tự: “Cây khô tốt hay là cây tươi tốt?”

Thị giả đáp: “Cây khô vì nó mà khô, cây tươi nhờ nó mà tươi.”

Thiền sư nói: “Cây tươi có lý tươi của nó, cây khô có nguyên do khô của nó, mình thường nói chuyện thị phi, thiện ác, hay dở nơi nhân gian, có thể nói đó đều là những kiến thức thường thức, chúng đều dừng lại ở giới hạn của

sự khác biệt mà thôi, còn người Thị giả này lại có thể hiểu được tính không khác biệt trên sự vật không khác biệt, như vậy mới nói: “Khô giả do tha khô, vinh giả nhậm tha vinh”.

Thế giới không phân biệt mà nhận biết được mới là thế giới của thực tướng. Còn những hình tướng thiên biến vạn hóa mà chúng ta nhận thức đều là hư giả không thực, biến ảo không thực, thậm chí thiện ác mà chúng ta vọng chấp cũng chẳng phải là tuyệt đối, giống như dùng nắm đấm của chúng ta đánh người vô duyên vô cớ, quả đấm đó chính là ác; nếu chúng ta giúp người cảnh giới sau lưng bằng lòng tốt, quả đấm đó sẽ trở thành thiện. Cú đấm ác có thể trở thành thiện, có thể thấy thiện ác vốn không có tự tính, trên thực tế quả đấm vốn chẳng hề có thiện ác. Tất cả chúng chẳng qua là một thứ khác biệt và chấp chước của chúng ta đối với vạn vật¹.

-
1. Song Quế Đường – Tự viện có ảnh hưởng sâu sắc nhất đối với Phật học Thiền tông ở Đông Nam Á – Tây Nam Danh Sát – Song Quế Đường nằm ở trấn Kim Đối cách phía tây nam huyện thành Lương Bình, thành phố Trùng Khánh 9 km, là tự viện trọng điểm về Phật giáo của cả nước ở khu vực người Hán mà Quốc vụ viện đã xác nhận. Song Quế Đường được xây dựng vào năm thứ 10 đời Thuận Trị, nhà Minh (1653). Người sáng lập ra nó là danh tăng Thiền sư Phá Sơn. Ngôi chùa này vì được thiền sư Phá Sơn trồng hai cây quế ở trong chùa mà có tên là “Song Quế Đường”. Pháp hệ của Song Quế Đường là Thiền tông, thiền sư Phá Sơn được tôn là “Tiểu Thích Ca phương Đông”. đệ tử của ông có rất nhiều người đi Đông Nam Á hoằng pháp, vì thế, Song Quế Đường có ảnh hưởng rất sâu sắc tới Phật học Thiền tông khu vực Đông Nam Á. Vua Ha Nô Khắc Thân của Campuchia từng nhiều lần hỏi về

TRÍ TUỆ THIỀN:

Cùng một vấn đề có bốn đáp án khác nhau, “Tươi tốt”, chứng tỏ tính cách của một con người nhiệt tình tiến thủ; “Khô tốt” chứng tỏ sự thanh tịnh đậm bạc; “Khô giả do tha khô, vinh gia do tha vinh” là thuận theo tự nhiên, tất cả đều do nhân duyên.

Song Quế Đường ở Lương Bình.

NHẤT ĐỘNG NHẤT TĨNH

Chùa Thê Hà Sơn ở núi Thê Hà, Nam Kinh được mệnh danh là Thánh địa thời Lục triều, Đạo tràng Thiên Phật Minh Lam.

Công trình nghìn pho tượng Phật khắc đá ở núi Thê Hà là lớn nhất, trên đỉnh núi cao nhất không ai có thể leo lên có một pho tượng Phật đứng nghiêm trang sinh động, người đi qua dưới ngọn núi không khỏi phải ngẩng đầu chiêm ngưỡng.

Năm nọ, có một tín đồ khi tới tham quan núi Thê Hà, nhìn thấy pho tượng Phật trên đỉnh núi bèn hỏi thiền sư Trác Thành hướng dẫn rằng: “Lão thiền sư, pho tượng Phật đó tên gọi là gì vậy?”

Thiền sư Trác Thành trả lời: “Ồ! Pho tượng Phật đó gọi là Phi Lai Phật!” Ý của lão thiền sư là ngọn núi này rất cao, người ta không thể nào trèo lên để khắc được, pho tượng ấy chắc là bay đến từ nơi khác.

Sau khi tín đồ nghe xong, rất hiếu kỳ hỏi tiếp: “Đã đành bay đến, tại sao lại không bay đi chứ?”

Thiền sư Trác Thành nói: “Nhất động bất như nhất tĩnh.”

Tín đồ lại hỏi: “Tại sao muốn Tĩnh ở nơi này nhỉ?”

Thiền sư Trác Thành trả lời: “Ký lai chi, tắc an chi.”

Con người, trong thế gian động chẳng được một khắc yên ổn, ngay cả khi ngủ, ý thức cũng hoạt động (nằm mộng), cảnh giới trong sự tĩnh tại mới là rộng lớn, bình đẳng: cuộc sống trong sự tĩnh tại mới là an tường, dồi dào.

TRÍ TUỆ THIỀN:

Những câu trả lời tùy ý của thiền sư Trác Thành gợi ý cho chúng ta rất nhiều điều: “Nhất động bất như nhất tĩnh”, đó là cảnh giới tuyệt vời biết bao; “Ký lai chi, tắc an chi”, đó là sự khẳng định xiết bao đối với cuộc sống.¹

1. Song Quế Đường – Tự viện có ảnh hưởng sâu sắc nhất đối với Phật học Thiền tông ở Đông Nam Á – Diện tích của Song Quế Đường hơn 120 ha, tự viện nằm ở phía đông hướng về tây, Điện đường được kết cấu bằng gỗ, đá, có các công trình kiến trúc như: cửa Đại Sơn, điện Di Lặc, Đại hùng Bảo điện, điện Văn Thù, tháp Phá Sơn, điện Đại Bi, lầu Tạng Kinh, đường 500 La Hán, cùng với Sương phòng, Tăng xá hơn 300 căn, hành lang dài liền nhau, có 42 Thiên Tĩnh, Hải Bá (giếng) long lanh cổ nhả. Xung quanh còn có cảnh quan ao Bách Liên, Hậu Duyên, vườn hoa. Song Quế Đường trải qua nhiều tang thương, nhưng vẫn giữ được 266 văn vật, trong đó có 60 bức thư họa danh nhân, 110 pho tượng Phật và 66 văn vật Phật giáo khác, trong đó nổi tiếng nhất là Phật đồng, tranh Trúc thiền, Phật ngọc đều được xác định là văn vật cấp 1, 2 quốc gia. Văn vật quý giá trong chùa còn có: một bộ “Tạng kinh” vua Ung Chính tặng, bốn loại Thiên long, Địa á, Đồng la, Đồng cổ, các loại điêu khắc đá, vài chục bia ký. Rồi có 106 trang “Kinh Bối điệp” viết bằng chữ Phạn thế kỷ XI, hơn 7.000 quyển kinh Phật khác.

ĐẠI THIÊN THỂ GIỚI NHẤT THIỀN SÀNG

Cao tăng đời Đường thiền sư Tùng Niệm thường ở chùa Quan Âm, Triệu Châu, người đời gọi là “Cổ Phật Triệu Châu”. Vì ông nghiện trà, nên trước khi trò chuyện thường nói: “Uống trà đi.” Vì vậy, ba chữ “uống trà đi” cũng trở thành Pháp ngữ thiền lâm.

Một hôm, vua Triệu thành Triệu Châu đặc biệt tới thăm thiền sư Tùng Niệm, bảy giờ thiền sư Tùng Niệm đang ngủ ở trên giường, ông nằm nói với vua Triệu rằng: “Đại vương! Mặc dù ngài tới thăm tôi, nhưng tôi thực không còn sức để xuống giường tiếp đãi ngài, xin đừng trách.”

Vua Triệu không chỉ không lấy làm lạ, ngược lại còn thêm phần tôn trọng thiền sư Tùng Niệm. Hôm sau vua Triệu sai một vị tướng quân tới tặng quà cho ông, thiền sư Tùng Niệm lại đích thân ra đón tận ngoài cửa.

Các đệ tử chẳng hiểu bèn hỏi thiền sư Tùng Niệm thế là sao.

Thiền sư Tùng Niệm giải thích: “Cách đãi tiếp khách của thầy chia làm ba loại thượng trung hạ, khi người

Thượng đẳng tới, ta dùng Bản lai diện mục tiếp đãi ở trên giường; hạng Trung đẳng tới, ta xuống giường tới phòng khách dùng lễ độ để tiếp đãi; hạng Hạ đẳng tới, ta dùng chuyện ứng thù thế tục tới trước cửa nghênh tiếp họ.”

Vì, trước có đề cập tới điển cố này của thiền sư Tùng Niệm Triệu Châu, về sau Tô Đông Pha khi tới gặp thiền sư Phật Ấn, trước tiên có viết lá thư gửi cho thiền sư, nói thiền sư giống như Triệu Châu nghênh tiếp vua Triệu, bắt tất ra nghênh tiếp.

Tô Đông Pha tự cho mình hiểu chỗ tinh tế của Thiền, thiền sư Phật Ấn chắc sẽ dùng lễ tối thượng thừa tiếp đón ông ta – không đón mà đón.

Nhưng, tới hôm đó, lại thấy thiền sư Phật Ấn chạy ra ngoài cửa chùa nghênh tiếp. Tô Đông Pha cho rằng cuối cùng nắm được cơ hội chế giễu thiền sư, bèn nói: “Đại hành của thầy chẳng thoải mái như thiền sư Triệu Châu, con nói thầy đừng ra đón, thầy lại không tránh được thói đời khách sáo đường xá xa xôi thế này tới đón con”.

Tô Đông Pha cho là thiền sư nhún nhường khỏi nghĩa, còn thiền sư lại trả lời bằng một bài kệ rằng:

Triệu Châu đương nhật thiếu khiêm quang,
Bất xuất sơn môn nghênh Triệu vương;
Chăm tự kim sơn vô lượng tướng,
Đại thiên thế giới nhất thiền sàng,

Ý nói: Triệu Châu không dậy để tiếp kiến vua Triệu, đó là vì Triệu Châu không khiêm tốn, mà chẳng phải là cảnh giới cao. Còn Phật Ấn ta ra khỏi cửa để đón tiếp con, con cho rằng ta thực đã rời khỏi giường à? Thế giới Đại thiên đều là giường thiền của ta, mặc dù con thấy ta đã dậy ra đón con, kỳ thực, ta vẫn còn nằm ngủ trên giường Thiền Đại thiên đấy chứ? Cái Tô Đông Pha con biết chỉ là chiếc giường có hình mà nhục nhãn thấy, còn chiếc giường của Phật Ấn ta là chiếc giường thiền lớn hư khắp khắp Pháp giới!”

TRÍ TUỆ THIỀN:

Cảnh do tâm sinh, vật là ta định. Có người nói, Thiền là một thứ trí tuệ; có người nói, Thiền là một thái độ sống; có người nói, Thiền là một thứ triết học; còn có người nói, Thiền thực chẳng là gì, cũng là gì! Thực thể Thiền chính là một trái tim thiền.

CHẲNG GIẰNG MỘT TẮC SỢI

Ni sư Huyền Cơ người Ôn Châu từng tu tập thiền định ở trong hang đá núi Đại Nhật. Có một hôm bỗng than rằng: “Thật như Pháp tính trong vắt sáng tỏ, chẳng đi không ở. Chán cảnh náo nhiệt, đi vào chỗ tĩnh tại, thế làm sao có thể coi là đã ngộ chứ?” Vì thế bèn tới bái kiến thiền sư Tuyết Phong.

Tuyết Phong hỏi: “Ngươi từ đâu đến đây?”

Huyền Cơ nói: “Từ núi Đại Nhật.”

Tuyết Phong mỉm cười, tiện hỏi tiếp: “Nhật đã xuất chưa vậy?” Ý hỏi ni cô đã ngộ ra đạo lý gì chưa.

Huyền Cơ cho là Tuyết Phong thử mình, liền công kích trở lại: “Nếu Nhật xuất thì đã thiêu cháy Tuyết Phong rồi.”

Tuyết Phong cười rồi hỏi: “Ngươi tên gì?”

“Huyền Cơ”

Tuyết Phong thấy trong bụng cô chứa quá nhiều thứ, muốn nhắc nhở một chút, bèn giả tiếp tục dò xét ngộ cảnh của cô, hỏi: “Đã là Cơ Tử của Huyền Diệu, mỗi ngày có thể dệt được bao nhiêu vải?”

Huyền Cơ ăn hiếp nói: “Chẳng giăng một tác nào.”

Tuyệt Phong thấy bộ dạng cố chấp như thế, không dừng được than rằng: “Ta dùng Cơ phong để nhắc nhở cô, cô lại nhanh mồm nhanh miệng đấu với ta, chẳng biết trong bụng có được bao nhiêu mạng nhện!”

Huyền Cơ thấy Tuyệt Phong hết lời để nói, bèn đắc ý hành lễ cáo từ. Mới đi được mấy bước, Tuyệt Phong bỗng gọi: “Gạc cà sa kéo xuống đất rồi.”

Huyền Cơ nghe thấy, vội quay đầu lại coi, chỉ thấy cà sa đang quàng gọn gàng trên vai.

Chỉ nghe tiếng cười nói của Tuyệt Phong: “Chẳng giăng một tác sợi!”

TRÍ TUỆ THIÊN:

“Không giăng một tác sợi” nói lên Thiên chính là cuộc sống giản dị.

LINH HỰU ĐÁ BÌNH

Thiền sư Tư Mã muốn tuyển một người tới núi Đại Vị làm trụ trì, ông hạ lệnh gõ chuông triệu tập tất cả tăng nhân trong chùa, sau đó tuyên bố: “Trong số các con người nào có thể trả lời ta câu hỏi một cách xuất sắc trước mặt mọi người, ta sẽ cho làm trụ trì ở núi Đại Vị, ai cũng có cơ hội, nhưng phải xem bản lĩnh của các con đã.”

Thiền sư Tư Mã nhắc lên một chiếc bình sạch, nói: “Đây chẳng phải là chiếc bình sạch thì là gì? Ai có thể trả lời được?”

Chúng tăng gãi đầu bứt tai, nhìn nhau. Rõ ràng trong tay thiền sư là chiếc bình sạch, nhưng lại không thể gọi là bình sạch, thì gọi là gì chứ? Hòa thượng Hoa Lâm cũng ở đó mà chẳng biết phải trả lời thế nào.

Bấy giờ có một hòa thượng mặt mày nhem nhuốc đi tới nói: “Để ta thử xem sao!” Mọi người vừa nhìn, thì ra là Tọa vụ tăng chuyên làm lao dịch trong chùa, đều cười ha hả, nói: “Đốt lửa làm cơm, thế mà cũng muốn thử sao!”

Thiền sư Tư Mã hỏi: “Con tên là gì?”

Hòa thượng trầm tĩnh trả lời: “Linh Hựu”

Thế là hòa thượng Linh Hựu tiến lên trước, nhận chiếc bình sạch từ tay thiền sư, đặt xuống đất, sau đó một chân đá nó văng vào tường, rồi quay người bỏ đi.

Thiền sư Tư Mã vui mừng kinh ngạc nói: “Đó thực là trụ trì núi Đại Vi!”

Đã chẳng phải là bình sạch, thì đá đi cho rồi, hà tất nói nhiều? Chúng tăng nhìn Linh Hựu cảm nhận được thiền cơ một cách sâu sắc, mọi người đều tâm phục khẩu phục. Sau đó, hòa thượng Linh Hựu tới núi Đại Vi làm trụ trì, sáng lập ra phái Vi Ngưỡng, một trong năm tông phái Thiền lớn của Trung Quốc.

TRÍ TUỆ THIỀN:

Trong cuộc sống có rất nhiều vấn đề hóc búa, thường khó thể giải quyết. Kỳ thực quyết định là chuyện rất dễ: đã chẳng phải là việc mình muốn, thì một chân đá phăng cho rồi, hà tất phải do dự?¹

-
1. Bạch Cư Dị cuối đời chuyên tu Tịnh nghiệp – Bạch Cư Dị tự là Lạc Thiên, thi nhân vĩ đại nhất sau Đỗ Phủ, người Thái Nguyên, Sơn Tây, đời Đường, cũng là một tín đồ Phật giáo cực kỳ sùng đạo, tự xưng là cư sĩ Hương Sơn. Năm Trinh Nguyên thứ 16, 17, Bạch Cư Dị tới Lạc Dương thăm viếng thiền sư Pháp Ngưng chùa Thánh Thiện, Đông Đô hai lần, xin được 8 chữ Tâm yếu “Quan, Giác, Định, Huệ, Minh, Thông, Tế, Xả”, có thể nói thiền sư Pháp Ngưng là người thầy dẫn dắt khai sáng về Phật học của ông. Năm Trinh Nguyên thứ 19, Bạch Cư Dị nhận trai giới ở chỗ thiền sư Phật Quang Như Mãn, sau khi thoái cư, kết hương hòa xã với thiền sư Phật Quang Như Mãn ở chùa Hương Sơn, rồi tự xưng là cư sĩ

PHƯƠNG PHÁP DIỆT CỎ

Các đệ tử ngồi quanh thiền sư, chờ sư phụ nói với họ bí mật về sự sống và vũ trụ.

Thiền sư vẫn yên lặng nhắm mắt, không nói, bỗng thầy hỏi đệ tử: “Làm thế nào mới có thể diệt được cỏ dại trên cánh đồng hoang mệnh mông?” Các đệ tử ngẩn tò te, chẳng ngờ thiền sư hỏi câu hỏi đơn giản thế.

Một đệ tử nói: “Dùng cuốc cuốc hết cỏ dại đi!”

Thiền sư nghe xong cười mỉm.

Một đệ tử khác nói: “Có thể phóng hỏa, cỏ dại sẽ bị diệt hết!”

Thiền sư vẫn cười gật gật đầu.

Đệ tử thứ ba nói: “Rắc vôi lên cỏ thì có thể trừ hết toàn bộ chúng!”

Nét mặt thiền sư vẫn lộ nụ cười thường trực.

Đệ tử thứ tư nói: “Phương pháp của họ đều không đúng, như thế không thể nào trừ cỏ được tận gốc, trừ cỏ phải diệt tận gốc, phải nhổ hết cỏ lên.”

Hương Sơn. Quan hệ thân tình giữa ông và Phật Quang Như Mãn kéo dài 35 năm.

Sau khi các đệ tử nói xong, thiền sư nói: “Các con nói đều rất hay, bắt đầu từ ngày mai, các con chia đám cỏ ra thành nhiều thửa, cứ theo cách của mình diệt hết cỏ dại trên mặt đất, bằng giờ này sang năm chúng ta lại tới gặp nhau ở nơi này nhé!”

Thời gian đó vào năm sau, các đệ tử tới đây từ sớm, nơi vốn có cỏ dại um tùm đã chẳng còn, thay vào đó là một mảnh vườn hoa màu vàng rực rỡ. Các đệ tử cố gắng sử dụng mọi cách trong một năm qua đều không thể nào diệt được cỏ dại, cuối cùng chỉ có trồng hoa màu trên đất có cỏ dại mới thu được kết quả đó.

Các đệ tử ngồi quanh mảnh vườn hoa màu. Hoa màu đã chín, nhưng thiền sư đã sớm quy tiên, đó là buổi học cuối cùng thiền sư dạy các đệ tử: Muốn diệt cỏ trên cánh đồng hoang, chỉ có một cách, đó chính là trồng hoa màu lên đó; muốn tâm hồn mình không hoang vu, phương pháp duy nhất là tu dưỡng mỹ đức của mình.¹

1. Thiện Tài và Long Nữ

Bên cạnh tượng Quan Âm thường có một bé trai, một bé gái, đó chính là Thiện Tài và Long Nữ, cả hai đều là tả hữu theo hầu Quan Âm Bồ Tát. Kinh Phật có ghi: Thiện Tài khi ra đời, các thứ báu vật trong nhà đều từ trên trời rơi xuống, hiện lên trước giường của cậu, cậu cảm ân trời, nhìn thấu hồng trần, phát nguyện đi tu, được Quan Âm giáo hóa mà tu thành Bồ Tát ở núi Phổ Đà Lạc Ca; Long Nữ vốn là một người con gái của vua Sa Kiết La Long trong “20 Chư Thiên”. Nàng từ nhỏ thông minh thông đạt, khi được 8 tuổi, tình cờ nghe Văn Thù thuyết pháp ở Long Cung, bỗng nhiên giác ngộ, rồi tới núi Linh Thứu cúng Thích Ca Mâu Ni, được thành Phật đạo

TRÍ TUỆ THIỀN:

Tu hành là sự rèn luyện về tâm hồn, chẳng phải gió đông áp đảo gió tây, thì gió tây áp đảo gió đông.

với thân rỗng.

THIỆN ÁC CHÍNH PHẢN

Có một Sa Di bụng chắt đầy hoài nghi tới hỏi thiền sư Vô Minh: “Thiền sư, ngài nói học Phật phải phát tâm phổ độ chúng sinh, nếu là người xấu, họ đã đánh mất điều kiện người, vậy thì chẳng phải là người còn phải độ họ không?”

Thiền sư không trả lời liền, chỉ lấy một cây bút, vẽ một chữ “Ngã” lên trên giấy, nhưng chữ viết ngược, giống như chữ khắc trên con dấu.

Thiền sư hỏi: “Đây là cái gì?”

Sa Di nói: “Đây là chữ, chẳng qua là viết ngược.”

“Chữ gì chứ?” Thiền sư hỏi.

Sa Di nói: “Một chữ Ngã!”

Thiền sư lại hỏi tiếp: “Chữ Ngã viết ngược có được tính là chữ không?”

Sa Di trả lời: “Không tính!”

“Đã không tính, con tại sao nói nó là chữ Ngã?” Thiền sư hỏi.

“Tính!” Sa Di liền đổi ý.

“Đã tính là chữ, tại sao con nói nó ngược?” Thiền sư lại hỏi.

Sa Di ngờ ngẩn ra, chẳng biết phải trả lời sao.

Thiền sư nói: “Viết xuôi là chữ, viết ngược cũng là chữ, con nói nó là chữ Ngã, rồi nhận ra nó viết ngược, chủ yếu là trong lòng con đã có chữ Ngã viết xuôi; ngược lại, nếu con mù chữ, thì coi như ta viết ngược, con cũng không thể nào nhận ra được, chỉ sợ khi có người nói với con đó là chữ Ngã, sau đó con gặp phải chữ Ngã viết xuôi, con ngược lại sẽ nói viết ngược đấy!”

Thiền sư lại nói tiếp: “Cùng một nguyên lý, người tốt là người, người xấu cũng là người, quan trọng nhất ở chỗ con phải nhận thức được bản chất của con người, vì thế khi con gặp phải người xấu, vẫn có thể nhìn ra được thiện ác của anh ta, đồng thời kêu gọi “bản tính” của anh ta, bản tính đã sáng sủa, thì không khó độ.”

Người thiện phải độ, người ác càng phải độ hơn, càng độ càng có khả năng mọc lên những đóa hoa sen thanh tịnh. Buông dao xuống có thể đứng dậy thành Phật. Cái gọi là Thiện ác chính phản chẳng qua là ý niệm mà thôi.

TRÍ TUỆ THIỀN:

Nghệ thuật Thiền vừa cụ thể vừa trừu tượng, vừa tả thực vừa thăng hoa, vừa tồn tại vừa siêu việt. Vì Thiền tràn đầy tinh thần “Bình đẳng” để thể hiện, vũ trụ bình đẳng, tất cả sự và lý đều bình đẳng.

TRẨM XÀ NGỘ TÍNH

Có một Học tăng tới đạo tràng của thiền sư Trí Thường tham học.

Thiền sư Trí Thường đang cuộc cỏ, đúng lúc trong đám cỏ có một con rắn chạy ra, thiền sư nhắc cuộc lên bờ. Học tăng thấy không ổn bèn nói: “Lâu nay ngưỡng mộ đạo phong từ bi ở đây, tới chỉ thấy một con người phàm phu thô lỗ.”

Thiền sư Trí Thường nói: “Như lời nói của người, thì người thô lỗ hay là ta thô lỗ?”

Học tăng vẫn bực bội nói: “Cái gì là thô lỗ?”

Thiền sư Trí Thường buông cuộc xuống.

Học tăng lại nói: “Cái gì là tế nhị?”

Thiền sư Trí Thường nhắc cuộc lên, làm tư thế trảm rắn.

Học tăng không hiểu ý của thiền sư Trí Thường, nói: “Thô lỗ hay tế nhị theo cách nói của thầy, người ta không thể nào hiểu nổi!”

Thiền sư Trí Thường hỏi lại: “Đã không nói thô lỗ, tế nhị như vậy, xin hỏi người đang ở đâu xem ta trảm xà vậy?”

Học tăng chẳng hề khách khí nói: “Vừa rồi!”

Thiền sư Trí Thường dùng khẩu khí huấn giới nói: “Vừa rồi người chẳng nhìn thấy mình, lại tới nhìn ta trăm xà làm gì chứ?” Học tăng cuối cùng tỉnh ngộ.

Trong lịch sử Thiền tông có câu chuyện Nam Tuyền trăm miêu, sát sinh là đại giới căn bản của Phật môn, Nam Tuyền không nên sát sinh. Nhưng, đó chính là đại cơ đại dụng của Cổ Phật Nam Tuyền, không thể lấy kiến giải hẹp làm hoen ố Đại đức. Nam Tuyền trăm miêu có thể dùng tay làm hiệu, nhằm cắt đứt vật dục và chấp chước của mọi người.

Thiền sư Trí Thường vừa có đức vọng, có thể kêu gọi học giả, làm sao có thể chấp nhận nói to nói nhỏ, bởi vậy Học tăng Giáo giới không nên đình trệ trên kiến văn giác tri. Trí Thường trăm xà cũng là tư thế dục trăm, Học tăng nhìn gió ra mưa, nên buột miệng phê bình quá thô lỗ, không hề có chút lòng từ bi. Đó chính là vì Học tăng không thể tìm thấy mình, tâm tùy vật động.

TRÍ TUỆ THIỀN:

Học thiền đừng dừng lại ở kiến văn giác tri, Thiền đòi hỏi cắt đứt thường tình thường thức, nếu còn chấp chước sự khác biệt của ngoại cảnh, thì không thể thấy được mình trong khoảnh khắc.

TÍCH ĐỘ TỨC THÌ

Thân Loan Thượng Nhân là thiền sư nổi tiếng nhất trong lịch sử Thiền tông Nhật Bản, “Thán dị sao” có ghi chép những lời dạy bảo của Thân Loan Thượng Nhân - tác phẩm Phật giáo nổi tiếng nhất Nhật Bản - đã được dịch ra nhiều thứ tiếng khác nhau.

Trong “Thán dị sao”, Thân Loan Thượng Nhân đích thân nói ra những điều mình đã trải nghiệm, không hề có chút thỏa hiệp với thế gian. Ông chỉ quan tâm tới suy tưởng của mình, bản thân sùng tín ra sao, nói liền một mạch. Bởi vậy, “Thán dị sao” được rất nhiều người Nhật bản yêu thích, không chỉ được các tín đồ Phật giáo vui đầu đọc “Thán dị sao”, thậm chí còn có cả tín đồ Cơ đốc cũng thích đọc.

Khi Thân Loan Thượng Nhân 9 tuổi đã quyết tâm xuất gia, muốn xin thiền sư Từ Trán tích độ cho ông. Thiền sư Từ Trán hỏi ông: “Con tuổi còn nhỏ như vậy, tại sao muốn xuất gia chứ?”

Thân Loan nói: “Mặc dù con mới 9 tuổi, cha mẹ con đã qua đời, con không biết tại sao con người ta nhất định phải chết? Tại sao con nhất định không thể không xa rời cha mẹ? Vì muốn tìm hiểu ý nghĩa đó, con nhất quyết xuất gia.”

Thiền sư Từ Trán hết sức ủng hộ chí nguyện của ông nói: “Được! Ta hiểu rồi. Ta nguyện ý nhận con làm đệ tử, nhưng, hôm nay muộn rồi, đợi sáng mai mới tích độ cho con nhé!”

Thân Loan Thượng Nhân sau khi nghe xong, rất không vừa lòng nói: “Sư phụ! Mặc dù thầy nói sớm mai sẽ tích độ cho con, nhưng con trẻ người non dạ, không thể bảo đảm quyết tâm xuất gia của mình có thể kéo dài được tới mai hay không? Vả lại, sư phụ! Thầy tuổi cao như vậy, thầy cũng không thể khẳng định được rằng mình còn sống khi dậy vào sớm mai.”

Thiền sư Từ Trán sau khi nghe xong câu nói đó, vỗ tay khen ngợi, rồi vui vẻ tràn trề nói: “Đúng vậy! Lời nói của con hoàn toàn không sai. Giờ ta sẽ tích độ liền cho con!”

Cuộc đời con người đâu đâu chẳng phải là sự tích lũy liên tục của “hiện tại”, đã đành vậy, chúng ta tại sao không nắm bắt tốt từng giây từng phút trong hiện tại.¹

1. Cung Bồ Đạt Lạp

Cung Bồ Đạt Lạp bắt đầu được xây dựng vào thế kỷ VII, do vua Tạng Tòng Tán Cán Bố xây cho công chúa Văn Thành của nhà Đường khi lấy chồng xa ở Tây Tạng. Cung Bồ Đạt Lạp là quần thể kiến trúc dạng cung điện có quy mô lớn nhất, cao nhất thế giới, cao hơn 3.700m so với mực nước biển, tổng diện tích là 360.000m², chia làm Cung Đỏ và Cung Trắng: giữa là Cung Đỏ, chủ yếu dùng vào những công việc sự vụ trong việc thờ cúng thần Phật và tôn giáo, trong Cung Đỏ bày biện linh tháp có di thể của Tiền Thế Đại

TRÍ TUỆ THIỀN:

Quá khứ không thể quay trở lại, tương lai thì xa vời, duy nhất chỉ có thể nắm bắt, sử dụng có mỗi hiện tại thôi!

Lại; hai bên là Cung Trắng, là nơi ở, sinh hoạt và hoạt động chính trị chủ yếu của Đại Lại Lạt Ma. Trong cung sưu tầm rất nhiều tượng Phật, bích họa, Tạng kinh, báu vật, đồ cổ, có giá trị học thuật và nghệ thuật rất cao. Cung Bồ Đạt Lạp là kho tàng tôn giáo và văn hóa quý giá nhất Tây Tạng.

GẶP PHẬT GIẾT PHẬT

Hòa thượng Ân Phong là đệ tử ruột của lão thiền sư Mã Tổ, về những truyền thuyết linh dị của ông có rất nhiều. Một lần khi ông vội trên đường, đúng lúc gặp phải hai đội quan đang giết chóc, muốn qua chắc không thể qua được rồi. Chỉ thấy Ân Phong cầm tích trượng tung lên trời, tiếp theo người bay lên. Hai bên mấy trăm nghìn người ngựa đang đánh nhau dữ dội, thì thấy hòa thượng bay trên không trung, toàn bộ đều dừng lại, nhìn hòa thượng Ân Phong đang bay trên trời.

Bấy giờ khi Ân Phong học Thiền, thầy Mã Tổ của Ân Phong vì muốn thử đệ tử yêu, lão thiền sư quyết định tìm cơ hội thử ông.

Một hôm, lão thiền sư thấy Ân Phong đẩy xe, muốn đi qua một con đường nhỏ hẹp, bèn cố ý chạy tới nằm giữa đường giả ngủ say, giương chân chặn đường đi.

“ Sư phụ, lão già dậy mau, nếu không xe đè vào chân đây.” Ân Phong la lên.

Mã Tổ dường như không thèm để ý đáp: “ Chân đã đưa ra rồi không thể thu lại được nữa.”

Ân Phong vừa nghe liền tiếp lời: “Xe đã tiến lên phía trước không thể lùi lại được nữa.”

Vì thế Ân Phong đẩy xe cán qua chân lão sư phụ.

Mã Tổ kêu lên một tiếng lớn, trên chân máu me đầm đìa. Mã Tổ phần uất chống gậy đi cà nhắc tìm một chiếc rìu tới Pháp đường gõ chuông triệu tập tăng chúng, nói lớn: “Tiểu tử nào vừa mới cán thương hai chân lão tăng đó? Ngươi ra đây cho ta!”

Các tăng nhân đều sợ ngẩn ngơ, hôm nay xem ra muốn tưới máu nơi Phật đường rồi.

A Di Đà Phật! Chỉ có hòa thượng Ân Phong chẳng hề sợ sệt, soải bước lên trước đưa đầu xuống dưới lưỡi rìu của Mã Tổ.

Mã Tổ cười lớn, cầm rìu quăng đi, vui mừng nói: “Thằng nhóc đáng được chỉ bảo!”

Mã Tổ đưa chân ngang ra ngang đường, trên thực tế là muốn hỏi Ân Phong làm sao khắc phục được các trở ngại trên đường học Thiền. Ân Phong đẩy xe đi qua nhằm chứng tỏ mình quyết không chịu thoái lui, gặp Phật giết Phật, gặp Tổ giết Tổ. Mã Tổ lại lấy tay cầm rìu để thử thách thêm một bước nữa, Ân Phong cũng thẳng thắn đối diện với tinh thần chẳng sợ sệt, ta không nhập địa ngục, ai nhập địa ngục. Xem ra đồ đệ yêu tinh tiến như vậy, chẳng trách lão hòa thượng cười ngất!

TRÍ TUỆ THIỀN:

Một người có lòng gan dạ thì có được xương chủ tâm, không bị trói buộc tay chân, dám thách thức bản thân, dám bầm vằm mình, dám sáng tạo ra kỳ tích mới. Đó chính là ý nghĩa chân chính của gặp Phật giết Phật, gặp Tổ giết Tổ.¹

1. Những kỳ tích về Phật giáo trên thế giới

1. Bức sa bàn Phật giáo lớn nhất hiện còn tồn tại trên thế giới: thành Kim cang thời luân đàn, hiện còn được lưu giữ trong Bảo tàng nghệ thuật Nhiệt Cống khu Tự trị người Tạng Hoàng Nam, tỉnh Thanh Hải.
2. Phật đứng lớn nhất thế giới hiện tồn: tượng Phật Bồ Đức Như Ngõa Gia Lạp, nằm ở trấn Duy Lạp Ngõa Á của Serilanca.
3. Tháp Phật kết cầu bằng gỗ lớn nhất, cao nhất hiện tồn trên thế giới: tháp Thích Ca còn gọi là tháp gỗ Ứng Huyện, tháp Ứng Châu, nằm ở trong chùa Phật Cung, huyện Ứng, tỉnh Sơn Tây, Trung Quốc, được bắt đầu xây dựng vào năm 1056. Tháp cao 67,3m, đường kính đế tháp là 30,27m.

BỔ ĐẠI TAI DÀI

Thiền sư Bồ Đại là người thời Ngũ Đại, sống ở huyện Phụng Hóa, Triết Giang. Tự cho mình có thể Trên hòa hợp được với Lý của Chư Phật, Dưới hòa hợp với Cơ duyên của chúng sinh, nên xưng mình là “Khiết Thử”; nhưng vì thân hình to lớn, còn có biệt hiệu là “Trường Đình Tử”.

Thiền sư Bồ Đại cả ngày cời trần phan nhục, nói năng tùy tiện, thường dùng tích trượng quai một chiếc túi vải, tay phải cầm sợi hạt La Hán du hóa tứ phương, gặp người thì ăn xin, những thứ có được cho hết vào trong chiếc túi vải, bởi vậy người đời gọi ông là “Hòa thượng Bồ Đại”.

Có lần, khi chùa Thiên Đồng ở Triết Giang đã bản, tăng chúng lần lượt sắp lớp nhập tòa. Hòa thượng Bồ Đại cười đùa cợt nhả không biết từ đâu xuất hiện, chẳng hề khách khí ngồi vào chỗ của hòa thượng phương trượng ở giữa Trai đường. Thầy Cử Sát vừa nhìn thấy, chẳng khách khí gọi xuống, thiền sư Bồ Đại lại chẳng thềm để mắt tới, Hành Đường Sư cũng tiến lên kéo ông xuống, cực chẳng đã ông ngồi cứng như Thái Sơn, chẳng hề nhúc nhích chút nào.

Thấy trụ trì Mật Thiên sắp giá đáo, Cử Sát Sư vội vàng chạy tới chỗ giữa, hôn hên dùng tay nhéo tai thiền sư

Bồ Đại, muốn kéo ông xuống, ai ngờ tai thiền sư Bồ Đại bị Cử Sát Sư kéo dài hơn 1 trượng, tai đã kéo ra tới cửa Trai đường, mà người chẳng hề nhúc nhích, vẫn ngồi ở khu vực phía giữa. Mọi người hai bên vừa trông thấy sợ ngẩn tò te!

Trụ trì Mật Thiền thấy tình hình như vậy, bèn nói với Cử Sát Sư: “Hãy để ông ta ngồi trên, ta ngồi phía sau được rồi.”

Từ đó về sau, mỗi khi cúng ngộ, thiền sư Bồ Đại tới thường chẳng khách khí ngồi vào giữa bàn ăn trong Trai đường. Tới nay trong Ngũ Quan đường tại các chùa, khu vực phía giữa vẫn còn cung phụng di phong của “Thiền sư Bồ Đại”. Còn ở Trai đường chùa Thiên Đồng, Triết Giang có thêm bài Kệ:

Di Lặc thị bản tương ổn tọa chủ vị
Đương Cử Sát đà nhĩ nhĩ đà trường;
Mật Tổ hiện hải lượng hỷ nhượng khách cư,
Mạnh thị giả di tọa tọa di vị.

Năm Lương Trinh Minh Ngũ đại thứ 3, thiền sư Bồ Đại thị tịch trên một phiến đá Đà của Đại Khánh trước chùa Nhạc Lâm, để lại bài Kệ cuối cùng:

Di Lặc chân Di Lặc, Phân thân thiên bách tử;
Thời thời thị thời nhân, Thời nhân tự bất thức.

Thiền sư Bồ Đại chơi đùa trong nhân gian, vì bài kệ cuối cùng của ông rất nổi tiếng, người đời đều tôn sùng ông

là Di Lạc Bồ Tát. Thiền sư Bồ Đại lòng rộng người mập, thường nở nụ cười, người đời đều tôn sùng ông là Phật Di Lạc.

TRÍ TUỆ THIỀN:

Thiền sư Bồ Đại “Miệng cười tương phùng, tới đâu đều quên hết ân oán, Bụng lớn thu trọn cả càn khôn”. Bụng lớn bao dung, cắt đứt mọi trở ngại phiền muộn; nụ cười đáng kính, kết thành duyên hoan hỷ vô lượng. Chúng sinh chúng ta cũng phải làm được “Nếu mọi việc ứng xử bằng nụ cười, thì con người ta chẳng có gì là không thể dung được cả.”

THÁP GÓP CÁT MÀ THÀNH

Có một hòa thượng trẻ tuổi tên gọi Thiết Nhãn, thề phải dùng số tiền quyên được để xây một tấm thân Phật bằng vàng. Việc này mặc dù công đức vô lượng, nhưng khó khăn vô cùng! Song, một khi hòa thượng Thiết Nhãn đã quyết định hoằng nguyện thì không thể chùn bước.

Ngày quyên gom thứ nhất, ông đến nơi phồn hoa nhất từ rất sớm, xin người qua đường bố thí. Một lát, có một võ sĩ đi tới, hòa thượng Thiết Nhãn thì lễ nói: “Bần tăng thề tạo tác thân Phật bằng vàng, xin thí chủ góp một ít nhé!”

Võ sĩ không thềm để mắt tới ông, dường như chẳng hề nghe thấy, soái bước đi. Hòa thượng Thiết Nhãn vội đuổi theo, hạ giọng van lơn: “Cho bao nhiêu cũng được!”

Võ sĩ bực mình vung tay, vô cùng dứt khoát từ chối nói: “Không!”

Võ sĩ đi thẳng, Thiết Nhãn theo sau, đi tới hơn 10 dặm đường! Tay võ sĩ đó bất đắc dĩ tiện tay ném cho 1 đồng. Thiết Nhãn nhặt đồng tiền đó từ dưới đất lên, hành lễ tạ ơn với võ sĩ.

Võ sĩ cảm thấy kỳ lạ, hỏi: “Một đồng cũng đáng để người vui sướng đến thế sao?”

Hòa thượng Thiết Nhãn đáp: “Đây là ngày đầu tiên bản tăng hành khát để xây tượng Phật, nếu không tiêu đến 1 đồng này có thể tâm chí của bản tăng sẽ sinh ra lung lay. Hôm nay nhận được sự bố thí khẳng khái của ngài, bản tăng đã chẳng còn ngờ gì xác tín về thành tựu đại nguyện, bởi vậy cảm thấy vô cùng hoan hỷ.”

Nói xong, bèn quay người cáo lui, tiếp tục trở về đường cũ để hóa duyên. Hè qua đông đến, trải qua những ngày tháng mưa gió tuyết sương, hoà thượng Thiết Nhãn cuối cùng gom được tiền vàng, hoàn thành tâm nguyện của mình.

TRÍ TUỆ THIỀN:

Tháp góp cát mà thành, tích sỏi đá có thể thành núi. Nếu một người vô cùng tin tưởng hướng tới mục tiêu của mình, cuối cùng sẽ gặt hái được thành công.

BÀI HỌC ĐẦU VỀ ĐIÊU KHẮC

Có một Học tăng tên là Đại Niên vô cùng say mê về điêu khắc tượng Phật, nhưng vì thiếu sự hướng dẫn của chuyên gia, tượng Phật mà cậu điêu khắc thường không được vừa ý, nên quyết tâm đi học. Cậu lên đường đi thăm thiền sư Vô Đức, hy vọng thiền sư Vô Đức có thể truyền thụ cho mình những kiến thức và kỹ năng về phương diện này.

Mỗi ngày khi Đại Niên tới Pháp đường, thiền sư Vô Đức đặt một viên đá quý trong tay, sai cậu nắm chặt lại, sau đó nói chuyện trời ơi đất hỡi với cậu. Ngoài việc điêu khắc, tất cả những cái khác đều nói đến, hẹn sau 1 tiếng, thiền sư Vô Đức cầm đá quý về, sai Đại Niên vào Thiền đường rèn luyện.

Cứ như vậy kéo dài 3 tháng, thiền sư Vô Đức không nói về kỹ thuật điêu khắc, thậm chí cũng chẳng nói tại sao đặt một viên đá quý vào tay cậu. Cuối cùng, Đại Niên có chút nản lòng, nhưng cũng không dám hỏi thiền sư Vô Đức. Một hôm, thiền sư Vô Đức vẫn giống như mọi khi, lại cầm một viên đá quý đặt vào tay cậu, chuẩn bị nói chuyện phiếm.

Đại Niên vừa đụng phải viên đá quý đó bèn cảm thấy chẳng còn chịu đựng được nữa, liền buột miệng nói: “Thầy ơi! Hôm nay thầy đưa cho con chẳng phải là đá quý.”

Thiền sư Vô Đức hỏi: “Đó là thứ gì vậy?”

Đại Niên đến nhìn cũng chẳng thèm nhìn, nói: “Đó chỉ là một hòn đá thường mà thôi.”

Thiền sư Vô Đức vui mừng cười nói: “Đúng rồi, điều khác là phải dựa vào công phu giữa tay và lòng mình hợp làm một, bài học đầu tiên của con coi như đã đạt rồi.”

Mọi người trên thế gian nói chung học kỹ năng thường mong muốn sớm đạt được, thậm chí người học Phật cũng hy vọng sớm có thành tựu, đứng dậy thành Phật. Đâu có biết “Chẳng trải qua cái lạnh thấu xương, làm gì có được (Thiền ngộ) mùi hương hoa mai?” mặc dù chỉ là một khắc, nhưng phải trải qua tu trì lâu dài. Người tu đạo nếu kinh qua sự trải nghiệm về thời gian, mọi sự phiền muộn, đó mới chính là bài học đầu tiên về việc tu hành.¹

-
1. Liễu Tông Nguyên và Phật giáo – Liễu Tông Nguyên (773 – 819) là nhà văn và nhà thơ nổi tiếng đời Đường. Ông rất sùng tín Phật, trong “Tống tuyển thượng nhân phó trung thừa thúc phụ chiếu tự” viết: “Ta từ nhỏ say mê đạo Phật, cầu đạo hàng 30 năm”. Về tư tưởng Phật học, Liễu Tông Nguyên đều có những hiểu biết nhất định về Thiền đài, Tịnh thổ, Thiền. Ông từng nghe hòa thượng Trùng Tuyền giảng về Thiền đài Giáo nghĩa, từng viết chữ “Ký” khi tu sửa chùa Tịnh Thổ, chứng tỏ lòng thành của ông đối với Thiền tông. Ông còn viết “Tào Khê đệ lục tổ Tứ Ích Đại Giám thiền sư bi”, trong đó thể hiện những nhận thức của ông đối với

TRÍ TUỆ THIỀN:

Tu thiền là tu tâm. Thiền tịnh phi nhân tịnh, Trọng khí tịnh, thần tịnh, tâm tịnh. Người có khí tịnh thì mới bình, người thần tịnh thì tự thanh, người tâm tịnh đắc ngộ, nơi thanh tịnh nhất định có khế ngộ, có khế ngộ sẽ có thể làm được điều mong muốn.

Thiền tông. Ông tự tin rằng, những hiểu biết của thế tục về giáo nghĩa Phật giáo nói chung “hiếm người có thể thấu đáo thuyết đó”, còn mình chắc chắn là “người duy nhất hữu đắc”.

ĐẦY VÀ KHÔNG ĐẦY

Có một Học tăng nói với thiền sư Vô Đức: “Thầy ạ! Học tập ở nơi thầy con đã cảm thấy đủ rồi đây, giờ muốn xin thầy cho nghỉ, con muốn vân du khắp nơi.”

“Thế nào là đủ nhỉ?”

“Đủ chính là đầy, không còn thêm được nữa.”

“Vậy trước khi con đi, hãy ra lấy một bồn đá lại nói chuyện đã!”

Học tăng theo lời dặn của thiền sư Vô Đức, đem lại một bồn đá to.

Thiền sư hỏi: “Bồn đá này đã đầy chưa?”

Học tăng đáp: “Đầy rồi”

Thiền sư tiện tay bốc vài hạt cát bỏ thêm vào bồn, cát không tràn ra.

Thiền sư hỏi Học tăng: “Đã đầy chưa?”

“Đầy rồi!”

Thiền sư lại lấy thêm ít vôi cho vào bồn, vẫn không hề tràn.

Thiền sư lại hỏi đệ tử: “Đầy chưa nhỉ?”

“Đầy rồi!”

Thiền sư tiện tay lại đổ thêm một ly nước vào, vẫn không tràn ra.

“Đầy chưa thế?” Thiền sư lại hỏi.

“.....”

TRÍ TUỆ THIỀN:

Khiêm tốn được lợi, kiêu ngạo thì thiệt. Tự cho mình là đầy đủ rồi, thực chính là bất túc nhất. Sống đến già, học đến già, thế gian mãi mãi học không hết được. Sự sống mênh mông, bể học khôn cùng.

TÂM ĐỘNG CỜ ĐỘNG

Đại sư Huệ Năng đầu tiên tới chùa Pháp Tính. Ở đó, ngài gặp hai vị hòa thượng đang tranh luận mãi dưới cột cờ Pháp phan (một loại cờ nhỏ viết phù hiệu Phật trong Phật giáo) đang lung lay.

Một vị hoà thượng la lên: “Rõ ràng là cờ đang lung lay! Thế còn gì phải tranh luận?”

Vị hòa thượng kia phản bác: “Không có gió, cờ làm sao lung lay được? Rõ ràng chính là gió lay mà!”

Cả hai người tranh cãi nhau mãi, chẳng ai chịu ai, người xung quanh nhanh chóng tụ tập xem náo nhiệt, mọi người đều bàn tán xôn xao, không thể thống nhất ý kiến.

Đại sư Huệ Năng lắc đầu than thở, tiến lên trước nói với họ: “Đã chẳng phải gió động, cũng chẳng phải cờ lay, mà chính là lòng các người động đấy!”

Có người nói cười bầm lại chuyện đó với trụ trì phương trượng. Phương trượng nghe xong thất kinh, vội dẫn các đệ tử tới bái kiến đại sư Huệ Năng, đội lễ bái lạy nói: “A Di Đà Phật! Mong Đại sư có thể ở đây lâu, chỉ bảo cho đệ tử bớt mê muội.”

Vì thế Đại sư Huệ Năng ở lại lập đàn giảng kinh thuyết pháp, không lâu tư tưởng Thiền tông truyền bá khắp vùng nam bắc Đại Giang, ngày nay càng trở nên thời thượng khắp nơi.

TRÍ TUỆ THIÊN:

Tâm tịnh thì vạn vật không gì không tự đắc, tâm động thì mọi hiện tượng đều tự thấy khác biệt. Trong sự thay đổi không ngừng của hoàn cảnh bên ngoài, ổn định nội tâm của mình mới có thể khiến cho năng lực nhìn thấu được tăng cường, trong lúc gió động cờ lay giữ được một trái tim bình ổn, trấn tĩnh như Thái Sơn.¹

-
1. Phật giáo và rượu – Nói về giới luật trong Phật giáo, rượu làm hủy hoại hiền thánh, nguồn ác làm bại loạn đạo đức, cũng có thể khiến cho lòng các chúng sinh điên đảo, mất trí dẫn đến tội ác. Vì vậy, bất kể người tu tại gia hay xuất gia đều cấm uống rượu. Định nghĩa về rượu và cách phân loại, trong Kinh, Luận, Giới điển có đề cập rất tường tận. Theo “Câu xá luận” quyển 14 ghi chép, rượu có 3 loại: Huyệt la (tiếng Phạn là Sllra, Tô La) được ủ từ các loại gạo, mạch; Mê lệ da (tiếng Phạn là Maimya) làm từ trái cây hay rễ, thân cây; còn khi hai loại trên đây chưa hoàn toàn lên men, có thể làm cho người ta say gọi là Mạt đà (tiếng Phạn là Maya). Ngoài ra, còn có 3 loại khác nữa là Cốc tửu, Quả tửu, Dược thảo tửu. Nói một cách nghiêm túc, mọi thứ tửu sắc, tửu hương, tửu vị không chỉ có thể làm người ta say, bất kể là Cốc tửu, Quả tửu, Dược tửu, Thiềm tửu, Thanh tửu, mà còn đến cả tửu khóc, bã rượu đều liệt vào giới cấm.

GIÀ THÌ LỚN, NHỎ HỮU DỤNG

Có một tín đồ sau khi tới chùa lễ Phật xong, bèn tới Khách đường nghỉ ngơi. Vừa ngồi xuống, thì nghe thấy một thầy một Tri Khách Sư trẻ tuổi nói thiền sư Vô Đức tuổi đã rất cao rằng: “Lão sư! Có tín đồ tới kia, xin dâng trà!”

Không tới 2 phút, lại nghe thấy Tri Khách Sư trẻ tuổi nói:

“Lão sư! Tàn nhang trên bàn Phật nhiều quá, đi lau cho sạch đi!”

“Chậu hoa trên bàn đừng quên tưới nước nhé!”

“Trưa đừng quên giữ tín đồ lại dùng cơm đây.”

Vị tín đồ chỉ thấy thiền sư Vô Đức bị Tri Khách Sư sai khiến, chạy đôn chạy đáo, thực coi không được bèn hỏi thiền sư Vô Đức: “Lão thiền sư! Tri Khách Sư có quan hệ gì với ngài vậy?”

Lão thiền sư vô cùng đắc ý trả lời: “Cậu ta là đồ đệ của tôi đây!”

Tín đồ không sao hiểu nổi hỏi: “Vị Tri Khách Sư trẻ tuổi này đã là đồ đệ của ngài, tại sao chẳng hề lễ phép với ngài? Hết sai ngài làm việc này đến việc khác?”

Lão thiền sư vô cùng hoan hỷ đáp: “Tôi có đồ đệ chăm chỉ như thế là phúc đức của mình. Khi tín đồ đến chỉ cần tôi rót trà và chẳng cần tôi nói; bình thường việc thay nước, nhang cho Phật đều là cậu ta làm, ta chỉ cần lau bụi; cậu ta chỉ gọi ta giữ tín đồ lại ăn cơm, và không gọi ta đi nấu cơm đun trà, trong chùa mọi việc trên dưới đều là cậu ta sắp xếp, lên kế hoạch. Điều đó an ủi ta rất nhiều, nếu không, ta phải vất vả lắm!”

Sau khi tín đồ nghe vẫn vô cùng khó hiểu, mặt đầy vẻ hoài nghi hỏi: “Không biết các thầy ai lớn? Ai nhỏ?”

Thiền sư Vô Đức đáp: “Đương nhiên là già thì lớn hơn, nhưng nhỏ hữu dụng đấy!”

Tục ngữ nói: “Hòa thượng phải già được, già được chính là của báu!” Tín đồ cũng dường như tăng, phần lớn cũng đều cúng cho già chứ không cúng cho nhỏ, hộ trì chúng tăng cũng là giúp già mà chẳng giúp trẻ. Vì trong lòng tín đồ thường cho là già lớn, nhỏ bé. Không dễ hiểu được vương tử tuy nhỏ, tương lai có thể thống lĩnh quốc gia; Sa Di tuy nhỏ tương lai sẽ trở thành Pháp vương!

TRÍ TUỆ THIỀN:

Trong gia đình, công việc của chúng ta, nếu có người bụng dạ rộng lượng như thiền sư Vô Đức, lòng mênh mông lớn như vậy, lãnh đạo các cấp, cha con dâu rể, chẳng hề so đo - nhất định đòi hỏi phương phải cung kính phục tùng - với lòng quan tâm, quan niệm phục vụ người khác, đôi bên có thể giao đãi qua lại tốt với nhau.¹

1. Những đỉnh cao trong Phật giáo Trung Quốc

1. Tự viện Thiền tông sớm nhất hiện tồn: chùa Thiếu Lâm nằm ở thành phố Đăng Phong, tỉnh Hà Nam.
2. Tháp ngói Phật giáo lâu đời nhất hiện tồn: Tháp chùa Sùng Nhạc nằm ở thành phố Đăng Phong, tỉnh Hà Nam.
3. Tự viện lâu đời nhất: chùa Pháp Bảo nằm ở thành phố Đăng Phong, tỉnh Hà Nam.
4. Tự viện Ni tăng có niên đại xây dựng sớm nhất hiện tồn: chùa Vĩnh Thái nằm ở thành phố Đăng Phong, tỉnh Hà Nam.
5. Tháp ngói hình bát giác lâu đời nhất hiện tồn: Tháp thiền sư Tịnh Tạng nằm ở thành phố Đăng Phong, tỉnh Hà Nam.
6. Quần thể mộ tháp cổ với số lượng nhiều nhất hiện tồn: Rừng tháp chùa Thiếu Lâm nằm ở thành phố Đăng Phong, tỉnh Hà Nam.

BỤNG LỚN BAO DUNG

Một pho tượng Phật Di Lặc mấy trăm năm trước vì nhiều năm không được tu sửa, có nhiều chỗ bị hư hỏng, nhà chùa mời thợ tới sửa. Khi thợ căn cứ vào mức độ hư hại, mở bụng của Di Lặc ra, khi chuẩn bị gia cố để làm mới lại, thì phương trượng và các Tăng lữ vô cùng ngạc nhiên – trong cái bụng phệ của Phật Tổ Di Lặc chứa tới 20 tượng già trẻ gái trai bằng gỗ!

Những người đã nhìn thấy và tới lễ Phật Tổ Di Lặc thường say mê và ngưỡng mộ nụ cười sáng láng của Phật Tổ, càng buồn cười vì chiếc bụng siêu lớn của ngài. Có người còn khắc câu đối về Phật Tổ Di Lặc rằng: “Bụng lớn có thể chứa được những việc khó dung trong đất trời, Miệng cười thường trực cười loài người đáng cười trong thiên hạ.”

Song, có được mấy người có thể liên tưởng, lĩnh ngộ được nguyên do chân chính của cái bụng bự và nụ cười thường trực nơi Phật Tổ Di Lặc?

Phật giáo và những người tín phụng Phật giáo có thể sáng tạo ra những Kinh điển như vậy, Phật Di Lặc huyền diệu như vậy, đó chính là một thứ thấu suốt chúng sinh,

tấm lòng từ bi chân thực được tái hiện, chính là nghệ thuật nhân văn thâm cao huyền diệu, kinh thể tuyệt luân.

TRÍ TUỆ THIÊN:

Trong lòng chứa đựng người khác, chứa đựng y thực của cha mẹ, già trẻ trai gái thân tình đễ dàng, chứa chúng sinh nườm nượp phải quan tâm, siêu độ, “chiếc bụng” có thể nhỏ được chăng? Nụ cười có thể không rạn ngời được chăng?

ĐỘ NGƯỜI ĐỘ MÌNH

Trước kia có một con hẻm vừa tối, vừa hẹp, đèn đường cũng không có, mỗi khi tối trời đi lại nơi này rất bất tiện.

Một buổi tối có một vị tăng nhân đi qua con hẻm này, muốn trở về chùa ở trên núi sớm. Nhưng, ở trong con hẻm này giờ tay ra chẳng nhìn thấy ngón tay, tăng nhân thường đụng phải người khác, vô cùng bức dọc.

Bấy giờ, có một người cầm đèn dò dẫm đi vào hẻm, con hẻm nhanh chóng sáng lên rất nhiều. Tăng nhân nghe thấy người bên cạnh nói: “Thằng mù đó thật kỳ lạ, biết rõ chẳng thấy gì, tối nào cũng mang đèn!”

Tăng nhân bị lời nói của người nọ hấp dẫn, cảm thấy con người mù đó thật thú vị, đợi tới sau khi người cầm đèn đi tới, bèn hỏi với: “Anh thực có phải là người mù không?”

Người đó đáp: “Vâng, tôi từ khi sinh ra đã chẳng nhìn thấy một chút ánh sáng, đối với tôi ban ngày và ban đêm chẳng khác gì nhau, tôi thậm chí chẳng biết ánh sáng đèn như thế nào nữa!”

Tăng nhân càng bị mê hoặc, bèn hỏi: “Thí chủ, đừng trách tiểu tăng nhiều chuyện, anh đã chẳng nhìn thấy gì, tại sao còn cầm đèn đi đường chứ?”

Người mù trả lời: “Để bảo vệ bản thân mình. Tôi nghe người ta nói mỗi khi tới lúc tối trời họ giống như tôi cái gì cũng chẳng thấy, bởi vậy buổi tối tôi mới phải cầm đèn ra đây.”

Tăng nhân than rằng: “A Di Đà Phật, Thiện tai thiện tai! Thí chủ thực là người có lòng lương thiện.”

Người mù đáp: “Không, tôi là người vì bản thân mình!”

Tăng nhân hỏi: “Tại sao phải nói như vậy?”

Người mù nói: “Vừa rồi thầy chẳng phải đụng phải người ở trong hẻm hay sao?”

Tăng nhân trả lời: “Vâng, tôi vừa mới đụng phải hai người đi tới.”

Người mù nói: “Thầy thấy đó, tôi là người mù, chẳng nhìn thấy gì, nhưng tôi chẳng hề đụng phải ai. Trước tôi cũng giống như thầy đụng phải người mấy lần, một lần vấp ngã là một lần khôn ra, về sau bỗng tôi nghĩ ra cách làm này, đèn của tôi vừa rọi sáng cho người khác, vừa giúp người khác nhìn thấy tôi. Chẳng ngờ cách làm này rất thực tế, từ đó chẳng còn bị đụng phải ai nữa.”

Tăng nhân thở than: “Ta vất vả đi vào sương gió đi tìm Phật, không ngờ Phật ở ngay cạnh bên ta vậy!”

TRÍ TUỆ THIỀN:

Thắp đèn chiếu sáng người khác, quan trọng hơn là để người khác nhìn thấy mình, đem đến sự tiện ích cho người cũng chính là cho mình.

THIÊN VÔ TẠP TÀ

Thiền sư Vân Cư tên là Đạo Tê, tục danh là Kim Thị, người Nam Xương. Từ nhỏ nhờ thiền sư Bách Trượng Minh Chiêu mà đắc độ, bình sinh khỏe mạnh, đi lại vững chãi.

Thiền sư Vân Cư vào buổi tối mỗi ngày đều vào động trên đảo hoang ngồi thiền. Có vài đứa trẻ quậy phá nấp trên đường thầy qua, đợi khi thiền sư đến, có một đứa thò tay từ trên cây xuống gõ đầu thiền sư.

Đứa trẻ đó vốn cho là thiền sư sẽ sợ kinh hồn bạt vía, nào ngờ thiền sư chịu cái gõ của nó, nhẹ nhàng đứng yên không động đậy. Đứa trẻ ngược lại sợ quá, vội vàng thu tay lại, bấy giờ, thiền sư lại đi như không có chuyện gì xảy ra.

Ngày hôm sau, mấy đứa cùng tới chỗ của thiền sư Vân Cư, hỏi thiền sư: “Đại sư, nghe nói gần đây thường có quỷ ám, thực có chuyện đó không?”

Thiền sư Vân Cư nói: “Chẳng hề!”

“Thật không? Con nghe nói có người khi đi đường bị ma quỷ gõ đầu.”

“Đó chẳng phải là ma, mà là đứa trẻ trên cây!”

“Có thể nói vậy được sao?”

Thiền sư lại nói: “Vì, ma quỷ không có cái tay chậm chạp như thế!”

Thiền sư lại nói: “Lâm trận chẳng sợ sống hay chết, đó là dũng tướng; vào núi chẳng sợ hổ sói, đó là cái dũng của người đi săn; vào nước chẳng sợ giao long, là cái dũng của ngư nhân; cái dũng của hòa thượng là gì? Đó chính là một chữ: “Ngộ”. Đến cả sống và chết đều siêu thoát, làm gì còn cảm giác sợ hãi chứ?”

Đám trẻ đó sợ hãi chẳng nói lên lời. Khi gặp phải tứ sợ chết người bỗng tấn công, thiền sư Vân Cư thế mà còn có thể dựa vào đôi tay chậm chạp rộng rãi để phán đoán đó là vở kịch ác của bọn trẻ trong làng, quả thực là vô cùng lợi hại.

TRÍ TUỆ THIỀN:

Thế sự biến ảo, họa phúc vô thường, nếu chúng ta có đủ tâm lý để chuẩn bị và năng lực tiếp nhận tốt, bất cứ lúc nào trong đời đều giữ được tâm thái đối tiếp thách thức, như vậy chúng ta mới có thể chẳng sợ khi gặp phải những thay đổi, vẫn bình tĩnh để ứng phó.¹

-
1. Tô Đông Pha và Thiền – Tô Thức (1037 – 1101), tự là Tử Chiêm, hiệu Đông Pha, nhà văn, nhà thư pháp kiệt xuất đời Bắc Tống., một kỳ tài phong hoa tuyết thể trong lịch sử văn học Trung Quốc. Tác phẩm của ông thường có hàm ý Thiền vô cùng sâu sắc. Tô Đông Pha một đời giao du rộng rãi với thiền sư, ông và không ít

ĐỪNG ĐỂ Ý

Một hôm, một đệ tử tu tại gia tới thăm thiền sư Triệu Châu, vì không đem theo lễ vật, trong lòng cảm thấy rất ái ngại, vì thế nói với thiền sư Triệu Châu rằng: “Thầy ạ! Con chẳng có mang theo thứ gì cả.”

Thiền sư Triệu Châu nói: “Vậy con cứ để đấy!”

Học trò này không hiểu ý của thầy, càng ái ngại hơn, nói: “Thầy ơi! Con chẳng mang theo lễ vật gì hết, thầy làm sao nói con để đấy chứ?”

Thiền sư Triệu Châu nghe xong rồi nói: “Vậy con hãy cầm lên đi!”

Trong cuộc sống có rất nhiều điều không yên và phiền não đều là vì chúng ta quá để ý mà sinh ra. Tu thiền cũng giống như vậy. Một người càng để ý đến việc người khác

thiền sư đều giữ mối quan hệ khá mật thiết, như Thanh Thuận, Thủ Toàn, Trung Thù, Đạo Trăn, Khả Cửu, Thùy Vân, Tư Thông, Huệ Ân, Hoài Liên, Thiện Bồn, Đạo Vinh... Thiền tông thấu thoát mọi trở ngại, có triết lý nhân sinh tùy duyên tùy vận, ảnh hưởng sâu rộng, vì thế trong “Tô Đông cư sĩ quá Long Quang lưu nhất Kệ” khen ngợi Thiền tông rằng: “Sở đắc long quang trúc lưỡng cán, Trì quy linh bác vạn nhân khán. Trúc trung nhất đích tài khê thủy, Trưởng khởi tây giang thập bát thán.”

nhìn mình thì càng không tự nhiên, đứng ngồi không yên, chẳng biết làm thế nào cho thích hợp. Đó là nguyên nhân làm tổn hại tới sức khỏe tâm lý của mình, là cốt lõi đánh đổ niềm vui hạnh phúc.¹

TRÍ TUỆ THIỀN:

Đừng để ý chính là điều mà Phật pháp gọi là “Vô tâm”, Vô tâm chính là không có lòng ghen ghét, không phiền não tự trách mình, càng không có nhiều ham muốn bất an. Có thể như vậy thì tiêu điều tùy mệnh được.

-
1. Từ bi – Từ bi là danh từ có riêng ở Phật giáo, cũng là tinh thần cơ bản trong Phật giáo. Và từ bi cũng là sự bình đẳng vốn có ở nhân tính. Phật nói: “Tâm Phật chúng sinh, Tam vô sai biệt”. Tất cả mọi động vật có sinh mạng, bất kể kẻ giàu sang nghèo hèn, thân hay sơ, người hay súc vật đều có Phật tính, đều có khả năng thành Phật. Vì thế, trong quan niệm Chư Phật Bồ Tát, đều bình đẳng như mọi chúng sinh đều có tính Phật, không có sự khác biệt, tự nhiên bộc lộ lòng từ ái vô hạn đối với mọi chúng sinh: nguyện ý vô độ đem mọi niềm vui hạnh phúc đến cho chúng sinh; nguyện ý trừ mọi nỗi lo khổ não cho mọi chúng sinh vô điều kiện. Trong Kinh Phật nói: “Đại bi cho tất cả chúng sinh niềm vui sướng, Đại bi dẹp mọi khổ não cho mọi chúng sinh.”

VÔ TÂM CHÍNH LÀ ĐẠO

Có một đệ tử từng hỏi thiền sư Chí Minh đời Đường: “Cái gì là vô tâm?”

Thiền sư nói: “Kiến văn giác tri vô trướng ngại, Thanh hương vị xúc thường tam muội, giống như chim trên không chỉ biết chao liệng, vô thủ vô xả vô tăng ái, nhược hội ứng xứ bốn vô tâm, Thủy đắc danh vi quan tự tại.”

Vì thế mới nói, đối đãi với người phải không hoài nghi ở chỗ có nghi ngờ, loại công phu không nghi ngờ nơi có sự nghi ngờ này chính là chẳng để ý. Con người có thể học được không để ý, thì có thể đi đứng hiên ngang, ít lo hết phiền, tâm lý tự nhiên thanh nhàn, thần tính tự nhiên tự tại, phúc phận vô biên.

Đừng quá đắn đo chuyện được mất, phải nhìn thấy tự nhiên; đừng để ý tới bình phẩm của người khác về mình, chỉ xin hỏi lòng chẳng phải hổ thẹn. Sống với tấm lòng ngay thẳng, vô nhập mà bất tự đắc. Đó chính là câu nói “Trực tâm tự thị đạo triêu” của vị Tổ thứ 6 Huệ Năng.

XUẤT THỂ NHẬP THỂ

Thiền sư Vô Tướng khi đi hành hương, vì miệng khát mà đi khắp nơi tìm nguồn nước, đúng lúc nhìn thấy không xa có một người thanh niên đang múc nước ở ao, thiền sư Vô Tướng tới xin một chén nước để uống. Người thanh niên nói với giọng hâm mộ: “Thiền sư! Nếu có một ngày con nhìn thấu hồng trần, con nhất định sẽ xuất gia học đạo giống như ngài. Nhưng, sau khi con xuất gia, không thích giống ngài đi khắp nơi chẳng có chốn ở cố định, con sẽ tìm một nơi ẩn cư, cố gắng tham thiền tụng kinh, mà chẳng xuất đầu lộ diện nữa.”

Thiền sư Vô Tướng cười hỏi: “À! Vậy khi nào con sẽ nhìn thấu hồng trần?”

Người thanh niên đáp: “Ở vùng đất này của chúng con tính ra có con hiểu tính chất của giếng nước nhất, người của cả làng đều cho đây là nguồn nước chủ yếu, nếu tìm thấy một người có thể thay con trông nom giếng nước, tới lúc đó không bị trách nhiệm vương vãi, con sẽ tìm con đường thoát cho bản thân, con sẽ nhìn thấu hồng trần để xuất gia rồi.”

Thiền sư Vô Tướng nói: “Con hiểu giồng nước nhất, nếu toàn bộ giồng nước đều ở trong nước, nếu có thể hoàn toàn thoát khỏi mặt nước sẽ thế nào chứ?”

Chàng trai đáp: “Nguyên lý của giồng nước là đựng nước vào phía nửa dưới, nửa trên theo nguyên lý chảy ngược. Nếu đổ toàn bộ giồng nước vào nước, không chỉ không thể nào chuyển động được, thậm chí sẽ bị nước xiết cuốn đi; tương tự, nếu hoàn toàn tách rời mặt nước cũng không thể nào rút ra nước được.”

Thiền sư Vô Tướng nói: “Quan hệ giữa giồng nước và nước chảy có thể nói rõ quan hệ của con người và thế gian. Nếu một người hoàn toàn nhập thế, ném thân vào chốn giang hồ, khó tránh khỏi sẽ bị dòng chảy của ngũ dục hồng trần cuốn đi. Giả sử thuần nhiên xuất thế, tự mệnh thanh cao, không quan hệ với thế gian thì cuộc đời con người sẽ trôi nổi không có rễ, dịch chuyển trong không chẳng tiến lên. Vì thế, một người tu đạo, phải xuất nhập đắc nghi, vừa không rút thân bàng quan, cũng chẳng quăng thân tan nát. Xuất thân chỉ thấu hồng trần vẫn chưa đủ, quan trọng hơn phải có lòng quảng độ chúng sinh mới được. Cả hai yếu tố xuất thế và nhập thế cùng đứng bên nhau, điều đó mới là thái độ chính xác trong việc ứng nhân xử thế của người tu đạo.”

Sau khi chàng trai trẻ nghe xong, vô cùng hoan hỷ nói: “Những điều thiền sư nói thực làm cho con được vỡ lẽ, ngài thực là Tri thức thiện của con.”

TRÍ TUỆ THIỀN:

Cuộc sống của chúng ta tốt nhất là khi cần buông thì buông, khi cần cầm lên thì cầm lên, giống như giồng nước, phải hòa vào nguyên lý trung đạo mới được, tư tưởng xuất thế càng cần có sự nghiệp nhập thế.

NGỘ ĐẮC TỰ TẠI

Một hôm, có một đệ tử hỏi thiền sư La Hán Tông Thiết: “Giáo pháp chân chính là gì?”

Thiền sư đáp: “Giáo thị tâm.”

Đệ tử lại hỏi: “Trong lòng con hôn muộn phiền muộn, làm sao mới có thể ngộ được giải thoát chứ?”

La Hán Tông Thiết đáp: “Phiền vân phong quyển, Thái hư lang thanh.”

Đệ tử lại hỏi: “Làm sao mới có thể trong lòng sáng sủa, thanh tịnh được?”

La Hán Tông Thiết đáp: “Nhất luân giáo khiết, Vạn lý đăng quang.”

“Nhất luân giáo khiết, Vạn lý đăng quang” nhằm chỉ buông lỏng bản thân, thanh tịnh bản thân. Cuộc sống trong hồng trần bận rộn, mỗi khi bận rộn xong một chặp, nhất định phải dành thời gian nghỉ ngơi một chuyến, ung dung sống những ngày thanh nhàn. Nếu buổi sáng đi đập thanh, đi múc nước sạch nơi dốc núi nghiêng xanh mượt; còn có thể dành thời gian, nhân kỳ nghỉ tới thơ thẩn nơi thâm sơn yên tịnh. Đương nhiên, bạn cũng có thể bỏ lại trần tục, bình

tâm tĩnh trí, nuôi dưỡng tính linh của mình trong lúc ngồi thiền.

Bởi vậy, ung dung cũng là phúc khí của một con người, trí tuệ của một con người. Người ung dung đương nhiên có thể tự tại, xử thế đối nhân tự nhiên rõ ràng, phân minh chẳng bị lẫn lộn. Mặt trái của sự ung dung là tạo tác và căng thẳng. Thông thường, chúng ta đều vì quá coi trọng lòng được mất mới sinh bất an, mới có tạo tác và phòng vệ, mới có những lòng mưu mô và tranh đấu.¹

1. Phật khiêu tường

“Phật khiêu tường” là món ăn nổi tiếng truyền thống đứng đầu trong các món ăn Phước Kiến. Theo truyền thuyết, món ăn này bắt nguồn từ cuối triều Thanh, có một vị quan ở Cục Hạng quan ngân, Dương Kiều, Phúc Châu, làm tiệc mời Châu Liên ở Ty Bố Chánh tại nhà, phu nhân quan viên đích thân xuống bếp, dùng nhiều đồ biển, gà, vịt, thịt, hơn 20 loại nguyên liệu cho vào rượu Thiệu Hưng, làm thành món ăn hương thơm ngào ngạt tinh xảo, Châu Liên sau khi nếm thử hết lời khen ngợi. Sau đó, Châu Liên đưa đầu bếp của Nha Trịnh Xuân Phát tới cục Quan ngân tham quan. Sau khi trở về, Trịnh Xuân Pháp nghiên cứu kỹ càng, có cải tiến thêm về gia liệu, làm thành món ăn hương vị nồng nàn, hiệu quả còn hơn cả trước đó. Vì thế có người ngâm thơ làm Phú, trong đó có câu thơ rằng: “Đàn khởi huân hương phiêu tứ lân, Phật văn khí thiên khiêu tường lai”. Từ đó, “Phật khiêu tường” dẫn từ ý câu thơ trở thành tên chính thức của món ăn này, lịch sử đã cách nay hơn 100 năm.

TRÍ TUỆ THIỀN:

Ung dung là một thái độ sống, cũng là một thói quen. Điều quan trọng của sự ung dung chân chính đó là cố gắng thực hành, rèn luyện thành thói quen, xây dựng những quy phạm sống bình thường.

THIỀN SƯ NHÀO LỘN

Có một người làm việc hết sức căng thẳng, nhiều lúc càu cộ. Trong lòng tự nhiên để ý tới mọi thứ. Một hôm, anh ta gặp một vị thiền sư, thiền sư từng nói với anh rằng: “Việc đầu tiên phải làm trên đời này là học thế nào để ngã mà không bị thương. Lộn đầu từ trên ghế, làm việc lộn đầu cũng không hề gì! Ta học được bản lĩnh ngã mà chẳng bị thương, ta dạy cho con.”

Vị thiền sư này vốn trước khi xuất gia là một diễn viên hề trong đoàn kịch Mã hí, vì thế anh ta trước tiên theo thiền sư học nhào lộn.

Thiền sư nói: “Con chẳng là gì khác, chỉ là một chiếc vớ cũ, thì không để ý gì đến ngã nữa; chiếc vớ cũ sẽ chẳng bị thương, cũng chẳng bị gãy, đó là toàn bộ bí quyết. Bây giờ chúng ta hãy giả làm chiếc vớ cũ nhé! Chẳng cần đập mạnh. Chú ý! Xung quanh con đều là bông mềm, đừng để cơ thịt cương cứng.”

Như vậy luyện tập, thiền sư nhắc anh ta lên, ném một cái, quả nhiên anh ta chẳng hề bị thương. Con người này được huấn luyện từ đó, mỗi khi gặp phải chuyện gấp bèn nói với mình, không cần căng thẳng, hãy coi mình chỉ là

một chiếc vớ cũ mềm mại, cơ thể cũng thế, tinh thần cũng thế.

TRÍ TUỆ THIỀN:

Đối đãi với cuộc sống con người bằng tấm lòng ung dung, đừng quá coi mình là trung tâm, lòng được mất đừng quá coi trọng. Cuộc sống của con người phải được đối xử với lòng ung dung, coi mình là một chiếc vớ cũ mềm mại, tự nhiên thanh tâm tự tại, sức sống vô cùng.

TRUYỀN PHÁP PHẢI TRUYỀN TÂM

Có một Học tăng đi gặp thiền sư Thiết Chu, muốn thiền sư Thiết Chu giải thích giảng giải về “Lâm tế lục” cho mình.

Thiền sư Thiết Chu nói: “Vậy cậu đã tìm nhằm người rồi, muốn nghe “Lâm tế lục”, tốt nhất phải tìm tới thiền sư Hồng Xuyên ở chùa Viên Giác.”

Học tăng nói: “Không! Con đã nghe thiền sư Hồng Xuyên giảng rồi. Nghe nói thầy là đệ tử chân truyền của thiền sư Trích Thủy ở chùa Thiên Long. Con nhất định muốn nghe thầy giảng giải.”

Thiền sư Thiết Chu từ chối nhiều lần không được, chỉ còn biết dẫn Học tăng này tới chỗ luyện võ để cùng nhau luyện võ. Cho tới lúc cả hai người mồ hôi đầm đìa mới ngừng luyện võ. Sau đó, thiền sư Thiết Chu liền đưa Học tăng trở về Pháp đường ban đầu, vừa lau mồ hôi, vừa nở nụ cười nói với Học tăng: “Thế nào? “Lâm tế lục” của ta giảng được không?”

Học tăng vô cùng kinh ngạc, thiền sư Thiết Chu chỉ luyện võ một chặp, làm sao nói đã giảng “Lâm tế lục” chứ?

Câu hỏi này của thiền sư, Học tăng không biết phải trả lời thế nào.

Thiền sư Thiết Chu lại hỏi: “Lâm tế lục” của ta giảng thế nào?”

Học tăng bất đắc dĩ đáp: “Thiền sư! “Lâm tế lục” của thầy chỉ là một bài về kiếm hả?”

Bấy giờ thiền sư Thiết Chu mới khai thị khấn thiết nói: “Ta là kiếm khách, nên ta chỉ đề xướng Kiếm đạo, mặc dù ta cũng theo thiền sư học Thiền, nhưng không muốn học những hành vi của Thiền giả, trước tiên nên biết “Lâm tế lục” tuyệt đối chẳng phải chuyện bàn về binh pháp trên giấy, càng không phải chuyện có thể hiểu được từ lời lẽ trên miệng lưỡi, còn lời giảng của thiền sư Trích Thủy ta càng không thể học được, vì thế, ta chẳng phải là Loa truyền thanh!”

Học tăng không cho là như vậy, nói: “Theo cách này của thiền sư, tổ sư Đại Đức xưa nay truyền Pháp truyền tâm chẳng phải là Loa truyền thanh sao?”

Thiền sư Thiết Chu lại nói với Học tăng rằng: “Truyền pháp truyền tâm là Truyền pháp truyền tâm, Loa truyền thanh vẫn là Loa truyền thanh.”

TRÍ TUỆ THIỀN:

Không phải là Loa truyền thanh, đó chính là phong cách độc đáo của Thiền giả, người nói cũng là nói, đó là

Thiền Anh vũ, khác với Truyền pháp truyền tâm. Bởi vậy, mọi Thiền lý học thuyết thường bắt đầu bằng việc tự tiêu hóa, sau khi hòa nhập thông suốt, biết thì nói là biết thể mới trở thành lời nói.

NÚI CAO

SAO NGĂN NỔ MÂY BAY

Hòa thượng Thiện Tịnh khi 27 tuổi bỏ quan xuất gia. Ông tới núi Lạc Phổ theo thiền sư Nguyên An, thiền sư nhận Thiện Tịnh vào chùa làm quản lý vườn rau, để ông tu hành trong quá trình lao động.

Một hôm, trong chùa có một vị Tăng nhân cho là mình đã tu nghiệp thành công, có thể xuống núi vân du rồi, vì thế bèn tới chỗ của thiền sư Nguyên An xin cáo từ. Đương nhiên, xuống núi phải được sự đồng ý của thiền sư.

Thiền sư Nguyên An nghe Tăng nhân thỉnh cầu, cười nói: “Bốn phía đều là núi, con đi về phương nào?”

Tăng nhân không thể nghĩ ra được Thiền lý hàm nghĩa trong đó, chỉ quay người bỏ về.

Vô hình chung Tăng nhân đó đi tới vườn rau trong chùa.

Thiện Tịnh đang cuốc cỏ, trông thấy Tăng nhân với bộ dạng râu rĩ liền ngạc nhiên hỏi: “Sur huynh tại sao khổ não thế?”

Tăng nhân bèn thuật lại rành mạch câu chuyện cho ông.

Thiện Tịnh liền nghĩ thầm tới “Khó khăn trùng trùng”, “Lốp lốp trở ngại” từ câu “Bốn phía là núi”. Trên thực tế thiền sư Nguyên An muốn kiểm tra niềm tin và quyết tâm của Tăng nhân. Đáng tiếc, Tăng nhân không hiểu thấu ý chỉ của thầy, vì thế cười nói với Tăng nhân: “Trúc dày đầu ngăn nổi nước chảy qua, Núi cao làm sao ngăn được mây bay.” Ý “chỉ cần có quyết tâm, nghị lực, ngọn núi cao nào cũng không thể ngăn cản.

Vì thế Tăng nhân quay trở lại chỗ thiền sư Nguyên An, nói với thiền sư: “Trúc dày đầu ngăn nổi nước chảy qua, Núi cao làm sao ngăn được mây bay.”

Tăng nhân cho là thầy nhất định sẽ hoan hỷ khen ngợi mình, sau đó đồng ý cho xuống núi. Ai ngờ thiền sư Nguyên An sau khi nghe xong, trước tiên là sợ, tiếp theo nhíu mày, hai mắt nhìn thẳng vào Tăng nhân nói: “Đó có chắc là đáp án con định trả lời! Là ai giúp con vậy?”

Tăng nhân thấy thầy đã phát giác ra, vì thế chỉ biết nói ra tên của hòa thượng Thiện Tịnh.

Thiền sư Nguyên An nói với Tăng nhân: “Tăng nhân quản lý vườn rau là hòa thượng Thiện Tịnh, tương lai nhất định sẽ làm nên việc lớn! Học nhiều thêm chút đi, con đừng

nhắc tới việc xuống núi nữa, con còn phải xuống núi đúng không?”¹

TRÍ TUỆ THIÊN:

Trên thế gian chẳng có việc khó, chỉ sợ người không có lòng! Trên thế gian chẳng có trở ngại nào không thể vượt qua, quan trọng ở bản thân, chỉ cần hạ quyết tâm, mọi khó khăn đều có thể vượt qua.

-
1. Bí ẩn về giới tính của Quan Âm Bồ Tát - Quan Âm Bồ Tát rất cuộc là đàn ông hay đàn bà, nếu đứng ở góc độ tạo hình, đại thể có chia làm hai loại: Một loại là đàn ông, một loại là đàn bà. Tượng Quan Âm trước đời Đường đa số có thể cách cương kiện, tướng mạo thanh tú và không phải tướng đàn bà; tượng Quan Âm sau đời Đường mặt mày dần dà đầy đặn, tròn trịa hơn, ít lâu sau thì vẻ mặt càng lộ rõ vẻ xinh đẹp, hai mày nhỏ dài, tóc đen bông hơn, trở thành hình tướng nữ giới. Quan Âm Bồ Tát từ đàn ông tới đàn bà chỉ nhằm giúp cho nữ tín đồ cung phụng dễ dàng hơn mà hóa thân thành nữ giới. Kỳ thực trong Phật học nói Bồ Tát không có sự phân biệt về giới tính.

BÁNH VẼ LÓT DẠ

Hương Nghiêm Trí Nhàn sau khi thiền sư Bách Trượng viên tịch bèn tới chỗ sư huynh là thiền sư Vi Sơn Linh Hựu theo học, Vi Sơn vừa thấy Hương Nghiêm Trí Nhàn bèn hỏi: “Ta nghe nói thầy trước ở chỗ thầy Bách Trượng học 1 hiểu 10, học 10 hiểu 100, chẳng qua đó chỉ là những câu trả lời về hiểu biết. Bây giờ ta chẳng hỏi thầy những hiểu biết bình thường và kiến thức nhớ trong sách vở, nhưng ta muốn hỏi thầy những điều trước khi sinh ra, việc bốn phận của thầy là gì? Thử nói một câu xem xem, ta sẽ ấn chứng cho thầy.”

Hương Nghiêm Trí Nhàn không biết ứng đối thế nào, sau khi trầm tư một hồi, mới nói: “Xin sư huynh nói hộ dùm!”

Thiền sư Vi Sơn nói: “Ta nói, đó là kiến giải của ta, đối với thầy, còn có ích gì chứ?”

Vì thế, Hương Nghiêm Trí Nhàn trở về Tăng đường, đem hết những cuốn ghi chép về kinh ra, giở hết trang này trang khác, thế mà chẳng có câu trả lời nào thích hợp, bèn than rằng: “Nói ăn không thể no, bánh vẽ làm sao có thể lót dạ?” Vì thế bèn đốt hết mọi sách vở kinh điển đi, thề rằng: “Cả đời này chẳng cần nghiên cứu nghĩa học nữa, từ đó về

sau, cố gắng làm một người nấu cơm cháo, để tránh uống phí tâm thần.”

Hương Nghiêm Trí Nhân bái từ thiền sư Vi Sơn, tới tu ở di chỉ Cẩm Túc Tiềm quốc sư Huệ Trung, Nam Dương. Một hôm, khi đang cắt cỏ dại, vô ý mảnh gạch văng vào cây tre phát ra tiếng. Ông hoắc nhiên đại ngộ, nói câu Kệ rằng:

Nhất kích vong sở tri, Cánh bất giả tu trì;

Động dung dương cổ đạo, Bất trụ tiêu nhiên cơ

Xứ xứ vô tông tích, Thanh sắc ngoại uy nghi;

Chư phương đạt đạo giả, Hàm ngôn thượng thượng cơ.

Xét từ công án trên có thể biết rõ được kiến thức là kiến thức, ngộ đạo là ngộ đạo. Kiến thức được nhận biết từ ý thức khu biệt, ngộ đạo được hình thành từ sự thể chứng về trí tuệ bất phân.¹

-
1. Phúc Tinh - Phúc Tinh được tạo tác từ hình tượng của Thiên Quan Lại Bộ. Tay chấp Như ý, lưng dắt dây đai, bụng lớn hiên ngang, bộ dạng sung túc, gọi là phúc tướng. Hàm nghĩa của Phúc Tinh rất lớn, xưa gọi sao Một trên trời là Tuế tinh, theo Truyền thuyết trong Tuế tinh có sao Phúc Tinh chiếu thì có thể giáng phúc cho dân, nên gọi là Phúc Tinh. Lý Thương Ẩn đời Đường có thơ rằng: “Đồng hữu thanh long tây bạch hồ, Trung hàm phúc tinh bao thể độ.” Trong đó thời cổ gọi Phúc Quý Thọ Khảo là Phúc Tinh. “Hong phạm trong Kinh thư” viết: “Ngũ phúc: thứ nhất là Thọ, thứ hai là Phú; thứ ba là Khang ninh, thứ tư là Du hiếu đức, thứ năm là Khảo chung mệnh.” Đại khu hành chính đời Tống gọi là Lộ, về sau lấy chữ “lộ” để chỉ đường xá. Câu Nhất lộ phúc tinh trở thành lời nói

TRÍ TUỆ THIỀN:

Thiền chẳng phải thứ có thể ngộ được từ việc ngồi thiền chết cứng, Thiền vẫn phải trải qua ý thức khu biệt cho tới trí tuệ bất phân.

chúc con người ta lên đường bình an.

THIỀN LÀ VÔ NGÔN

Có một Học tăng tên gọi Đạo Niệm, xuất gia được mấy chục năm, đi khắp nơi học đều chưa thể khai ngộ. Một hôm, thầy nhờ thiền sư Thạch Lâu chỉ bảo, nói: “Chưa nhận ra bản tính của bản thân, nhờ thiền sư vui lòng chỉ giúp.”

Thạch Lâu nói: “Thạch Lâu chẳng có miệng.”

Đạo Niệm nói: “Học tăng chí thành, rửa tai thành kính lắng nghe.”

Thạch Lâu nói: “Ngươi nghe cái gì vậy?”

Đạo Niệm nói: “Học tăng tự biết tội nghiệp quá nặng.”

Thạch Lâu nói: “Lão tăng tội lỗi cũng không ít.”

Đạo Niệm nói: “Thiền sư làm sai điều gì?”

Thạch Lâu nói: “Sai ở chỗ Nhữ phi.”

Đạo Niệm nói: “Có thể sám hối được chăng?”

Thạch Lâu nói: “Tội lỗi vốn từ không do tâm làm ra có, khi tâm bị diệt thì tội cũng sẽ tiêu vong.”

Đạo Niệm vội bái lạy, thiền sư Thạch Lầu liền đánh, đánh xong rồi hỏi: “Gần đây người ở nơi nào mới tới chốn này?”

Đạo Niệm nói: “Lương Đường Tấn Hán Chu, đi hành hương vân du khắp chốn.”

Thạch Lầu nói: “Những chủ nhân đó còn coi trọng Phật pháp không?”

Đạo Niệm nói: “May là thiền sư hỏi con, nếu hỏi người khác, e rằng chuốc họa rồi.”

Thạch Lầu nói: “Tại sao vậy?”

Đạo Niệm trả lời: “Vì, những đấng quân chủ đó không thích người khác hoài nghi.”

Thạch Lầu nói: “Con người con chưa gặp, làm sao có thể coi trọng Phật pháp?”

Đạo Niệm nói: “Xin thầy nói cho con, làm sao để Phật pháp trở lại được?”

Thạch Lầu nói: “Người thọ giới đã bao năm rồi?”

Đạo Niệm trả lời: “Hơn 10 năm rồi.”

Thạch Lầu nói: “Hơn 10 năm mà còn chưa biết Trọng pháp, hôm nay hỏi ta, miệng ta làm sao nói cho thật rõ? Tại người làm sao nghe vào được?”

Đạo Niệm cuối cùng đại ngộ.

TRÍ TUỆ THIỀN:

Học mười mấy năm ở Thiền môn mà không thấm thía chút nào, cơ duyên vừa tới, đắc lai chẳng hề phí uổng hết cả đâu. Thiền sư Thạch Lâu chẳng có miệng, chỉ nói thiền là vô ngôn. Đạo Niệm lắng nghe thành kính, coi như đã được rửa tai, nhưng chưa thể nhập tâm, làm gì cực chẳng đã vậy?

NHU NGƯỜI UỐNG NƯỚC, NÓNG LẠNH TỰ BIẾT

Trong “Đạo đức kinh” Lão Tử than rằng: “Đạo khả đạo, Phi thường đạo”, ý nói: Đạo có thể dùng lời lẽ để nói ra, nhưng đó chẳng phải ý nghĩa thông thường của Đạo. Song, Thiên tông thì cho rằng, nếu có thể nói ra được, đó chẳng phải là Đạo.

Có một học Tăng nhờ thiền sư Từ Thụ dạy cho ý nghĩa chân chính của “Đạo”, cùng với thiền sư đối thoại rằng: “Thiền sư, khi Thiền giả ngộ đạo, có thể biểu đạt cảnh giới ngộ đạo và những sự vật cảm thụ được chứ?”

“Đã là ngộ đạo, thì giống như bắt gió trong hư không, không thể nói được sự diệu kỳ của nó.”

“Thiền sư có thể nói tượng hình một chút sự ngộ đạo mà không thể nói ra được rốt cuộc như thế nào chẳng?”

“Giống như cầm được ăn mật.”

“Thiền giả khi không ngộ đạo, lời lẽ giỏi giang, giảng giải rành mạch, lời lẽ của họ được coi là lời Thiền không?”

“Đã chưa ngộ đạo, làm sao có thể coi là lời Thiền, đó chẳng qua là miệng lưỡi kết thôi.”

“Câm được ăn mật và kết học nói có gì khác nhau chứ?”

“Câm ăn mật là biết, như người uống nước, nóng lạnh tự biết; kết học nói là không biết, như trẻ con học vẹt, không hiểu ý nghĩa bên trong.”

Nói tới đây, Học tăng thông minh bỗng hỏi: “Nói thế thì thiền sư đang biết hay là không biết thế?”

Từ Thụ cười ngất nói: “Ta đang giống như câm được ăn hoàng liên, đắng mà chẳng nói ra được, cũng tựa như con vẹt học nói, nói giống người hết sức. Con nói xem, ta rốt cuộc biết hay không biết nhỉ?”

Học tăng nói lời bái phục, luôn miệng cảm tạ: “Đa tạ thiền sư chỉ bảo, đệ tử vô cùng cảm kích!”

TRÍ TUỆ THIỀN:

“Ý nghĩa số 1 của Thiền tông” là không thể đắc đạo được ngoài dựa vào chính bản thân mình. Nếu ta nói với anh, đó chính là “ý nghĩa thứ 2” rồi!

TU DI TẠNG GIỚI TỬ

Thư viện Bạch Lộc Động “hàng đầu các thư viện trong nước” là một thư viện hoàn bị nhất trong lịch sử Trung Quốc. Anh em Lý Bột đời Đường sống ẩn dật ở nơi này để đọc sách. Lý Bột nuôi một con hươu trắng, cả ngày quần quýt nhau, nên người đời gọi là tiên sinh Bạch Lộc. Về sau Lý Bột làm Thích sử Giang Châu, vì thế xây dựng đình đài lầu các, khơi suối, trồng cây cối, hoa cỏ, trở thành một điểm du lịch. Năm Thăng Nguyên Ngũ đại Nam đường, “Quốc học Lư Sơn” từng được xây dựng ở đây. Đó chính là tiền thân của thư viện Bạch Lộc Động.

Khi Lý Bột làm Thích sử Giang Châu, có lần hỏi thiền sư Trí Thường rằng: “Tu Di tạng Giới Tử, Giới Tử nạp Tu Di” trong Kinh Phật chưa hề mất đi sự huyền kỳ, Giới Tử nhỏ nhoi, làm sao có thể dung nạp được một ngọn núi lớn như Tu Di nhỉ? Có phải đánh lừa người ta chăng?”

Thiền sư Trí Thường nghe rồi cười, hỏi: “Người ta nói thầy săn lùng thư tịch tới cả vạn cuốn, có người nói là Lý Vạn Quyền, có chuyện này không vậy?”

“Tất nhiên! Đương nhiên rồi! Tôi đâu chỉ đọc có vạn cuốn.” Lý Bột với bộ dạng tự đắc hơn hờ nói.

“Vậy, cả vạn cuốn sách thầy đọc ngày nay ở đâu thế?”

Lý Bật ngẩng đầu lấy tay trở vào đầu nói: “Đều trong này cả!”

Thiền sư Trí Thường nói: “Kỳ lạ, tôi thấy đầu thầy chỉ to bằng một quả dưa, vậy thầy làm sao nhét được cả vạn cuốn sách vào cái đầu nhỏ thế nhỉ? Trừ phi thầy lừa người chăng?”

Sau khi Lý Bật nghe xong, trong đầu bỗng lóe lên, liền đại ngộ.

Phân tích Sự lý, có lúc phải nói từ bản chất sự việc, có lúc nên lý giải nguyên tắc. Muốn biết vạn vật, mọi sự nơi thế gian, trong sự có lý, trong lý có sự, nếu muốn tìm hiểu hết toàn bộ bản thân sự việc, thì sẽ bỏ mất mảy may, làm lỗi ngàn dặm rồi.¹

1. Đường Bá Hổ tham quan chùa Quốc Thanh – Hơn 400 năm trước, Đường Bá Hổ (Đường Dần) tới chùa Quốc Thanh ở núi Thiên Đài, Triết Giang, khi vào điện Quan Âm, Quan Âm khắp nơi, ánh vàng lóe mắt đã khiến cho Đường Dần lưu chân xét kỹ. Ánh mắt chuyển động trên từng bức tượng Quan Âm, Quan Âm Sứ Hoa đã làm ông chú ý, chỉ thấy tay Quan Âm Sứ Hoa cầm một bông hoa tươi, mặt mày từ bi và trang nghiêm. Đường Bá Hổ bỗng nảy lòng thành kính, bất giác kiền thành bái lạy, buột miệng khen rằng: “Niêm hoa vi tiêu phá đàn thân, Ngộ đắc trần ai sắc tướng thân. Biện thủ phượng quan dữ hà bí, Thiên đài minh nguyệt lễ Phật chân”. Về sau Đường Bá Hổ vẽ rất nhiều tượng Quan Âm, hễ hạ bút bèn vẽ ra hình tượng trang trọng điển nhã của Quan Âm Sứ Hoa trong chùa Quốc Thanh, đủ để thấy tượng Quan Âm với nghệ thuật tạo hình cao siêu ở chùa Quốc Thanh đã để lại ấn tượng sâu sắc trong Đường Bá Hổ.

TÍCH PHÚC CÓ PHÚC

Ba thiền sư Tuyết Phong, Nhan Đầu và Khâm Thiên kết bạn đi chu du bốn phương hoằng pháp. Một hôm hành hương qua một con sông, đang định tới nơi nào đó thác bát khát thực thì trông thấy trên sông có một đám rau rất xanh tươi đang trôi nổi.

Khâm Sơn nói: “Rau đẹp như vậy thế mà để cuốn trôi đi thực đáng tiếc quá!”

Tuyết Phong nói: “Dân làng chẳng tiếc phúc như vậy không đáng được giáo hóa, chúng ta còn phải tới làng khác để khát hóa thôi!” Khi ba người họ mỗi người một câu bàn luận, trông thấy một người đang vội vàng chạy lại từ thượng nguồn, hỏi: “Thầy ơi! Các thầy có trông thấy bó rau trong đám lá trôi qua không? Vì tôi vừa đang lúc rửa rau, không cẩn thận để rau bị nước cuốn mất. Tôi đang tìm đám rau bị mất, nếu không tìm được thực đáng tiếc quá”. Sau khi Tuyết Phong và hai người bạn nghe xong, cười lớn, bắt giắc cùng nói: “Chúng ta tới nhà anh ta hoằng pháp ngủ nhờ đi!”

TRÍ TUỆ THIỀN:

Tiếc đồ gọi là tích phúc, chỉ có người biết tích phúc mới có được phúc.

NƯỚC ĐẦY TỰ TRÀN

Trong lịch sử, huyện Phụng Hóa, Minh Châu có hai bảo bối sống nổi tiếng gần xa: thứ nhất là hòa thượng Bồ Đại hóa duyên ven đường; thứ hai là cư sĩ Tịnh Bình bế quan tu luyện. Họ có hành vi cổ quái, lời lẽ ngông cuồng, nhưng người địa phương lại cho họ là những cao tăng đắc đạo.

Một hôm, một cậu thanh niên hiếu sự tỏ ra hiếu kỳ quyết định đi thăm họ. Cậu ta trước tiên gặp hòa thượng Bồ Đại trong con hẻm vừa bẩn vừa hôi. Hòa thượng Bồ Đại vừa lùn vừa mập, giống như quả bóng, tùy tiện ngủ khò trên mặt đất.

Cậu thanh niên mời hòa thượng Bồ Đại đi ăn cơm, lại để Tiểu Nhị ở quán đem tới một lô gà, vịt, thịt cá, xem hòa thượng Bồ Đại làm gì. Kết quả hòa thượng Bồ Đại chấp hai tay lại, thành kính niệm: “Nhân duyên! Nhân duyên!” Sau khi bái xong ăn uống thỏa thuê, không hề né tránh, song ngài ăn mỗi món đều bỏ một chút vào trong túi vải, cười với chàng trai.

“Thế này mà gọi là cao tăng đắc đạo ư?” Cậu thanh niên vô cùng thất vọng, rồi đi gặp cư sĩ Tịnh Bình, hy vọng ông có thể chỉ bảo cho mình chút gì có ích.

Khi cậu tới, cư sĩ Tịnh Bình đang ở nhà tham thiền ngộ đạo, ông thấy chàng trai tới thì chẳng nói câu nào, nhắc bình trà lên đổ vào bình một cách cung kính, nước tràn ra mà chẳng dừng tay.

“Cư sĩ, bình của ông tràn rồi, làm sao có thể đổ tiếp nữa chứ? Chàng trai không nhận được nhắc nhở ông.

“Thế à?” Cư sĩ đổ trà tiếp, hỏi lại, “Vậy, cậu thì sao?”

Chàng trai hoắc nhiên đại ngộ, than rằng: “Quả nhiên là cao tăng hữu đạo! Là do ta lúc đó ngu muội!”

“Nói nghe nào?” Cư sĩ hỏi một cách bình thản.

“Đại sư dạy con làm người khiêm tốn, có dung mới lớn, không được kiêu căng tự mãn, một vì kiến thức; sau khi con tham ngộ mới phát hiện đại sư Bồ Đại cũng dạy con rút ra bài học kinh nghiệm từ mỗi ngày, rèn luyện chăm chỉ. Được hai thầy dạy cho con hai Pháp bảo, con sẽ không còn phải phiền não nữa rồi.”

TRÍ TUỆ THIỀN:

Thành công đòi hỏi phải có hai thứ quý giá: Hư không sâu tận như bình trống và trải qua năm tháng tích góp trong túi vải.

BUÔNG

Một lần, thiền sư Thản Sơn và Đồng Tham đi hành hương, đúng lúc gặp phải trời mưa lớn, một con rãnh liền bị nước xối thành dòng sông.

Họ đang chuẩn bị lội qua con sông nhỏ thì thấy một cô gái mặc áo lụa đứng một bên lưỡng lự không tiến lên được. Hiển nhiên, cô không muốn làm dơ quần áo khi qua con sông nhỏ.

“Cô gái, đề đó.” Thản Sơn nói rồi đưa hai tay ra, sau đó ôm cô gái qua sông nhỏ.

Đồng Tham thấy tình cảnh đó, rầu rĩ không vui, chẳng nói lời nào, cho tới lúc trời tối vào ngủ ở nhà trọ mới không nhịn được nói với Thản Sơn rằng: “Chúng ta người xuất gia không gần nữ sắc, đặc biệt là những cô gái trẻ đẹp, họ rất nguy hiểm. Tại sao thầy muốn phạm giới?”

“Ấy, thầy nói cô gái qua đường đó hả?” Thản Sơn hỏi, “Tôi đã bỏ cô ta xuống từ lâu rồi, thầy vẫn còn ôm cô ta sao!”

TRÍ TUỆ THIỀN:

Buông xuống là trí tuệ lớn nhất trong cuộc đời con người, như “Tâm kinh” nói: “Tâm không có trắc trở, không có nỗi sợ hãi, xa rời giấc mơ điên đảo, niết bàn bền đọi.” Tự nhiên toàn thân nhẹ nhõm, tự do tự tại, giải phóng không còn trắc trở, sung sướng tốt cùng.

BẠCH ẪN SINH CON

Bạch Ẩn là cao tăng nổi tiếng trong Thiền tông Nhật Bản, người thầy dạy dỗ ông là thiền sư Chính Thụ, tình cảm của hai thầy trò vô cùng sâu sắc. Khi Bạch Ẩn muốn đi vân du, thầy tặng cho lời từ biệt là: Tự li đô vi hữu, Như ảnh tùy thân hành.

Đó là lời bịn rịn không rời xa của Chính Thụ đối với Bạch Ẩn, nhưng chẳng phải nổi quuyến luyến thế tục, mà là sự chuyển hóa những thăng hoa của ông thành tâm nguyện vĩ đại, kỳ vọng Bạch Ẩn lĩnh hội được trong lòng không chỉ có tình cảm ấm áp của hai người, quan trọng hơn là chân tình xuất phát từ trí tuệ và từ bi của Phật.

Bạch Ẩn chẳng hề phụ lòng kỳ vọng của Chính Thụ, dưới đây là câu chuyện cảm động lòng người, đủ để nói rõ y bát chân truyền mà Bạch Ẩn đã tận đắc từ Chính Thụ.

Thiền sư Bạch Ẩn vốn nổi tiếng với cuộc sống thuần khiết, không ngờ có một hôm lại bị nói là làm cho một cô gái ở gần có bầu, cha mẹ cô gái không chịu được, bực tức đi tìm Bạch Ẩn nói lý, vì cô gái xinh đẹp này bị cha mẹ bức hỏi nên nói rằng cha của đứa bé là Bạch Ẩn.

Bạch Ân trầm ngâm nghe những lời chỉ trích xa xả trong cơn phẫn uất của cha mẹ cô, cuối cùng chỉ nói một câu: “Là thế hả?”

Sau khi đưa con ra đời, đương nhiên giao cho “cha” Bạch Ân. Lúc đó, thanh danh của đại sư tan biến, ác danh truyền đi khắp nơi, nhưng ông chẳng hề để ý, chỉ chăm sóc đứa bé chu đáo, sữa và tất cả đồ dùng cho đứa bé đều do ông đi xin được của hàng xóm.

Một năm sau, người mẹ của đứa bé chưa lấy chồng này không chịu đựng được sự dày vò về lương tâm; nói rõ sự tình với cha mẹ, cha đẻ của đứa bé kỳ thực chính là một chàng trai làm việc ở chợ cá.

Cha mẹ cô liền đưa cô tới chỗ Bạch Ân, xin lỗi thiền sư, xin thiền sư lượng thứ, đồng thời nhận đứa bé về. Bạch Ân cũng chẳng nói gì, khi giao đứa bé, chỉ nói: “Vậy à?”

Đối diện với nỗi ám ức lớn, mọi người đổi đãi bất công, hiểu lầm, thiền sư Bạch Ân lại nhẫn nhịn lớn vậy, chỉ nói một câu “vậy à?” một cách nhẹ tênh.¹

-
1. Thọ Tinh - Thọ Tinh là một trong những biểu hiện thường thấy trong tác phẩm nghệ thuật, ngụ ý trường thọ cát tường. Tóc dài, trán rộng của Thọ Tinh là sự mô phỏng trán lồi của La Hán đời Tống, định hình vào đời Minh. Thọ Tinh mày từ mắt thiện, nụ cười rạng ngời, hiền hòa, tay phải cầm trượng, tay trái cầm một trái đào. Đào trong quan niệm của người xưa là tượng trưng cho sự trường thọ. Râu của Thọ Tinh có màu sắc thần bí, thoạt nhìn giống như có ba chòm trên núi, rồi tựa như cây kiếm tuốt ra khỏi vỏ, sắc bén vô cùng.

TRÍ TUỆ THIỀN:

Quá trình sống giống như một chuyến du hành, nếu gánh hết mọi thành bại được mất trong một giai đoạn lên vai, thì con đường nay mai đi bạn sẽ không thể nào tiếp tục được nữa. Bởi vậy, bạn phải bỏ đi một số thứ cũ kỹ, nói lời tạm biệt với quá khứ, sai bước hướng tới mục tiêu lớn hơn.

BUÔNG BỎ ĐẮC ĐẠO

Một lão hòa thượng quải một cái gánh trên vai bước đi tùy ý, trên quang gánh treo đầy bình gốm đựng canh đậu xanh. Ông không cẩn thận vấp ngã một cái, bình vỡ, canh đổ ra, vị hòa thượng đó vẫn bước tiếp như không hề có chuyện gì xảy ra.

Bấy giờ, có một người chạy lại nói: “Ông không biết bình đã vỡ rồi sao?”

“Ta biết.” Lão hòa thượng thông thả đáp.

“Vậy sao ngài không quay lại xem phải làm gì chứ?”

“Nó đã vỡ nát rồi, canh cũng đổ hết rồi, ta quay lại có thể làm được gì?”¹

-
1. Nguồn gốc tông phái trong Phật giáo – Sau khi Phật giáo truyền tới một khu vực, vì chịu ảnh hưởng bởi xã hội, chính trị, văn hóa của nơi đó, hình thức và nội dung đều có những thay đổi tương ứng, làm hình thành nhiều tông phái khác nhau. Trung Quốc có ba hệ thống lớn là hệ thống Hán ngữ, Tạng ngữ và Pali. Trong quá trình phát triển chúng làm hình thành một số học phái và tông phái riêng biệt. Phật giáo hệ Hán ngữ chủ yếu có Thiên Đài tông, Tam Luận tông, Pháp Tướng tông, Luật tông, Tịnh Độ tông, Thiền tông, Hoa Nghiêm tông, Mật tông; Phật giáo hệ thống Tạng ngữ chủ yếu có Ninh Mã phái, Cát Đường phái, Cát Cừ phái, Tát Ca phái, Cách Lỗ phái. Ngoài ra còn có 9 môn phái nhỏ, như Hy Giải,

LÀM 1 ĐƯỢC 10

Một hôm, một vị thiền sư nghe thấy tiếng đàn vui tai, đi lại gần vừa nhìn thì ra là tiếng đàn của một người trẻ tuổi.

“Dây đàn của cậu đã lên căng chưa vậy?” thiền sư hỏi.

Chàng trai đáp: “Chưa ạ”.

“Vậy, cậu đã buông chùng chưa? Thiền sư lại hỏi.

Cậu đáp: “Chưa ạ”.

“Vậy cậu chỉnh thế nào?” thiền sư cố tình ra điều chưa hiểu.

Cậu trả lời: “Không chùng không căng, như vậy mới đàn được những âm thanh hay.”

Thiền sư hoan hỷ nói: “Sự sống là một trò chơi, giống như cây đàn này vậy. Nếu chúng sinh đối xử với mỗi việc đều nhẹ nhàng thì có thể đạt được hiệu quả làm 1 được 10.

Giác Vũ, Giác Tương, Hạ Lễ... Trong đó Cát Lễ phái có quy mô lớn nhất. Phật giáo hệ thống Pali ngữ chủ yếu có Nhuận (lại chia làm hai chi Bài Bãi và Bài Tôn), Bài Trang, Đa Liệt (lại chia thành bốn chi Đạt Củng Đán, Tô Đặc Mạn, Nhụy Cánh, Miễn Tọa), Tả Đế tứ phái.

Chỉ có khi dây đàn không chùng không căng mới có thể đàn được bài ca sự sống một cách mỹ miều.”

Sau khi chàng trai nghe xong, tạ ơn thiền sư đã chỉ bảo, nhập tâm vào cảnh cảm ngộ trong cuộc sống này, dần dần đạt được nguồn hứng thú thực sự của cuộc đời.

TRÍ TUỆ THIỀN:

Trong cuộc sống, vừa phải theo đuổi sự nghiệp, vật chất và quyền lợi, cũng phải chú ý tới sự trưởng thành và thăng hoa về nội tâm, mới có thể giữ được sự quân bình, sung túc và sung sướng trong cuộc sống.

TÂM TỊNH THỔ TỊNH

Thiền sư Triệu Châu khi bàn về Phật pháp với đồ đệ Văn Yển, có một tín đồ gửi một chiếc bánh kem tới cho hai người. Thiền sư Triệu Châu nói với đồ đệ Văn Yển rằng: “Chiếc bánh này hai chúng ta ăn làm sao đây? Thầy trò đánh cược, nếu ai có thể ví mình với thứ gì dơ nhất, tiện nhất, người đó sẽ thắng được chiếc bánh này!”

“Thầy là sư phụ, thì thầy hãy bắt đầu trước đi!” Văn Yển nói.

Thiền sư Triệu Châu nói: “Ta là một con lừa.”

Văn Yển nói tiếp: “Con là cái mông con lừa.”

Thiền sư Triệu Châu lại tiếp: “Ta là cứt trong đít con lừa.”

Văn Yển không chịu nói tiếp: “Con là con trùng trong đồng phân.”

Thiền sư Triệu Châu hết cách so sánh tiếp, hỏi lại rằng: “Con trùng của con làm gì trong đồng phân vậy?”

Văn Yển trả lời: “Con tránh nóng hóng mát trong đồng phân đấy!”

TRÍ TUỆ THIỀN:

Chúng ta cho là nơi dơ bẩn nhất mà thiền sư lại có thể tiêu diêu tự tại. Vì họ có Thiền, thế giới đã khác biệt, bởi vậy bất cứ nơi đâu đều là vùng đất thanh tịnh. Trong lòng các thiền sư thanh tịnh và dơ bẩn đều là một, “tùy kỳ tâm tịnh, tắc quốc thổ tịnh.”

ĂN CHÁO VÀ UỐNG TRÀ

Thiền sư Triệu Châu vô cùng chú trọng Phật giáo trong đời sống, ông luôn thể hiện phong thái Thiền từ các góc độ trong cuộc sống. Có rất nhiều Học tăng tới hỏi ông về Thiền, một người hỏi rằng: “Đệ tử mới nhập môn, nhờ thầy chỉ bảo giúp!”

Thiền sư Triệu Châu không trả lời mà hỏi lại: “Con đã ăn cháo chưa?”

Học tăng đáp: “Ăn rồi ạ!”

Thiền sư Triệu Châu chỉ thị: “Đi rửa bát đi!”

Học tăng đó vì thế mà được khai ngộ, người thứ hai lại tới hỏi: “Đệ tử mới nhập môn, nhờ thầy khai thị giúp!”

Thiền sư Triệu Châu chẳng trả lời mà hỏi lại: “Tới bao lâu rồi?”

Học tăng đáp: “Vừa tới hôm nay!”

Thiền sư Triệu Châu lại hỏi: “Đã uống trà chưa?”

Học tăng đáp: “Uống rồi ạ!”

Thiền sư Triệu Châu chỉ thị: “Tới Khách đường thông báo đi!” Học tăng cũng ngộ liền.

Học tăng thứ ba vì tham học hơn 10 năm ở Viện Quan Âm nơi thiền sư Triệu Châu ở, nên cũng tới hỏi: “Đệ tử tới học đã hơn 10 năm, nhờ ơn thầy chỉ bảo, hôm nay muốn tới xin được xuống núi để tìm nơi khác để học!”

Thiền sư Triệu Châu sau khi nghe xong, cố làm ra vẻ ngạc nhiên: “Con làm sao lại oan uổng thầy như vậy? Từ ngày con tới đây, hằng ngày con đưa trà cho thầy uống! Con đem cơm cho thầy ăn; con chấp tay, thầy nhú mày; con đội lễ, thầy cúi đầu, làm gì có chỗ nào không chỉ bảo cho con chứ? Làm sao còn nói càn oan uổng với thầy thế!”

Sau khi Học tăng nghe xong, suy xét trong lòng. Thiền sư Triệu Châu nói: “Biết thì biết, giả sử có lòng này khác, tư duy sẽ xa đạo đó!”

Học tăng dường như ngộ ra, nhưng lại hỏi: “Tại sao giữ được chứ?”

Thiền sư Triệu Châu chỉ bảo: “Mong tận, nếu rời vọng duyên, tức như Đức Phật Như Lai.” Học tăng đón ngộ.

TRÍ TUỆ THIỀN:

Phật pháp, Thiền tâm đều phải không được xa rời đời sống. Ăn cơm hợp khẩu vị, đó chính là Thiền; Ngủ được an nhiên, cũng chính là Thiền. Xa rời đời sống, Phật pháp có thể dùng được gì? Người tu đạo bây giờ, chỉ trọng sinh tử, không trọng cuộc sống, thực là xa đạo vậy!

MÂY TRÊN TRỜI XANH, NƯỚC TRONG BÌNH

Lý Ngao, Hàn Dụ, Liễu Tông Nguyên, Lưu Vũ Tích đời Đường đều là những người kết nhau vì văn, quan hệ khác sâu sắc. Tác phẩm “Phục tính thư” của Lý Ngao chính là một trước tác chuyển từ Thiền vào Nho. Về mặt này, kiến giải của ông cao hơn nhiều so với Hàn Dụ, vì thế cũng được các nhà Lý học đời Tống tiếp thu, nên nó được coi là dấu hiệu của Lý học.

Lý Ngao rất hâm mộ đức hạnh của thiền sư Duy Nghiêm, khi làm Thích sử Lăng Châu, từng nhiều lần mời thiền sư Duy Nghiêm xuống nói tham thiền luận đạo, đều bị Duy Nghiêm từ chối. Bởi vậy, Lý Ngao chỉ biết đích thân tới gặp thiền sư Duy Nghiêm, hôm tới đó, vừa đúng lúc thiền sư đang đọc Kinh dưới cây ở ven núi.

Mặc dù là Thái thú đích thân tới thăm viếng mình, thiền sư lại chẳng hề có ý nghênh đón, chẳng thềm đếm xỉa đến Lý Ngao. Thị giả nhắc nhở Duy Nghiêm nói: “Thái thú đã chờ thầy nhiều giờ rồi đó.” Thiền sư Duy Nghiêm chẳng để ý gì, chỉ nhắm mắt dưỡng thần.

Lý Ngao lại là một người nóng vội, thấy thiền sư với thái độ chẳng thèm ngó ngang như vậy, không nhịn được la mắng: “Thực là gặp mặt chẳng giống như nghe danh!” Nói rồi phúi áo định đi.

Bấy giờ thiền sư Duy Nghiêm mới từ từ mở mắt ra, chậm rãi hỏi: “Tại sao Thái thú nghe qua lời đồn mà coi thường việc nhìn tận mắt chứ?”

Lời nói đó điểm trúng huyệt “Trăm nghe không bằng một thấy” của Lý Ngao. Lý Ngao nghe xong bèn thất kinh, liền quay người chấp tay tạ tội, đồng thời nhờ giảng giải thể nào là “Giới định tuệ”.

“Giới định tuệ” là hình thức tiệm tu do Thiền Tú đời Tống khởi xướng, tức trước tiên thọ Giới, sau mới Định, rồi nảy sinh Tuệ. Nhưng, thiền sư Duy Nghiêm là Pháp tự của thiền sư Thạch Đầu Hy Thiên, thuộc Nam Tông của Huệ Năng, chẳng chú tâm đến tiệm tu, mà là Pháp môn Đốn ngộ.

Vì vậy, thiền sư Duy Nghiêm trả lời: “Ta ở đây chẳng có loại đồ vô dụng, rách việc đó!”¹

-
1. Đàm Tự Đồng và Phật giáo – Đàm Tự Đồng (1865 – 1898) là nhà cách mạng Dân chủ nổi tiếng thời cận đại. Đàm Tự Đồng có kiến thức sâu rộng, giao thiệp rất nhiều với các học giả Phật giáo, có những hiểu biết sâu sắc về Phật học. Ông cảm nhận được “Bình nhật sở học, Mang vô khả ỷ”, “Đồ cụ thâm bi”, đồng thời tiến hành nghiên cứu một cách hệ thống về tư tưởng của Phật giáo. Mùa hè năm 1896, Đàm Tự Đồng tới Nam Kinh, kết giao với cư sĩ

Lý Ngao chẳng biết đầu cua tai nheo ra sao, chỉ biết hỏi: “Xin hỏi quý tánh của đại sư?” Thiền sư Duy Nghiêm nói: “Chính là lúc này.”

Lý Ngao càng mù tịt, ông lên hỏi Tổng giám trong chùa đang đứng cạnh đó, vừa rồi câu trả lời của đại sư có nghĩa gì? Tổng giám nói: “Thiền sư họ Hàn, Hàn chính là lạnh vậy. Bây giờ đang là mùa đông, chẳng phải là “Hàn” sao?”

Sau khi thiền sư Duy Nghiêm nghe thấy thế, nói: “Nói càn! Nếu anh ta tới vào mùa hạ cũng trả lời như vậy, chẳng lẽ là “Nhiệt” à?”

Lý Ngao không nhịn được, bật cười thành tiếng, không khí bỗng trở nên nhẹ nhàng lên nhiều. Ông lại hỏi thiền sư Đạo là gì. Thiền sư Duy Nghiêm dùng tay trở lên trời, rồi chỉ xuống đất, sau đó hỏi ông: “Hiếu chưa?” Lý Ngao lắc đầu nói: “Chẳng hiếu.”

Câu “Mây trên trời xanh, nước trong bình” của thiền sư Duy Nghiêm đại thể có hai tầng nghĩa, một là mây trên không trung, nước trong bình, giống như mắt ngang mũi thẳng vậy, đều là bản lai diện mục của sự vật, chẳng có gì

Dương Nhân Sơn nhà Phật học nổi tiếng thời cận đại, theo Dương Nhân Sơn học tập Phật học 1 năm. Đối với Đàm Tự Đồng mà nói, tinh thần tích cực nhập thế và phổ độ chúng sinh của Phật giáo và “Không Mạnh thế chi thâm tâm” là hoàn toàn thống nhất với nhau. Tác phẩm “Nhân học” của ông chính là sự thể hiện tư tưởng Dĩ Phật pháp cầu thế pháp, tích cực nhập thế của Phật học.

khác lạ. Bạn chỉ cần lĩnh hội được bản chất của sự vật, ngộ kiến được bản lai diện mục, cũng hiểu thế nào là Đạo. Hai là nói, nước ở trong bình dường như lòng người, chỉ cần giữ được sự thanh tĩnh, không ô tạp, tâm giống như nước tinh khiết, bất luận đựng thứ gì trong đó đều có khả năng tùy phương mà tròn, có năng lực thích ứng mạnh mẽ, có thể cương, nhu, lớn nhỏ, giống như mây trắng trên trời, tự do tự tại.

Bấy giờ, đột nhiên một tia mặt trời chiếu xuống, đúng lúc chiếu vào nước trong bình, Lý Ngao liền ngộ ra, không dùng được buột miệng đọc một bài Kệ:

Luyện đắc thân hình tựa hạc hình, Thiên châu từng hạ lưỡng hàm kinh

Ngã lai vấn đạo vô dư thuyết, Vân tại thiên thanh thủy tại bình.

Không biết ông có lĩnh hội được thiền cơ trong lời nói của Duy Nghiêm hay là khen ngợi thiền sư già nói hay, cũng có thể nói là lão thiền sư đạo hạnh cao xa. Dù sao bài thơ này đã trở thành Thiền kệ tuyệt xướng thiên cổ.¹

-
1. “Tây du ký” – Giới thiệu cuốn tiểu thuyết kinh điển Phật giáo – “Tác giả cuốn “Tây du ký” là Ngô Thừa Ân, tự Nhữ Trung, hiệu Xạ Dương Sơn Nhân, người đời Minh. Tác phẩm “Tây du ký” này có hình ảnh chân thực trong lịch sử, tức sự kiện Huyền Trang đi xa sang Tây Vực lấy Kinh vào năm Trinh Quan. “Đại Đường Tây Vực ký” và “Đại Đường Từ An tự Pháp sư truyện” đều có ghi chép tường tận sự kiện đó. Toàn bộ “Tây du ký” có 100 hồi, được tổ

Mới đầu thiền sư Duy Nghiêm cố tình chẳng thèm ngó ngang tới Lý Ngao, là muốn làm nhụt ngạo khí và hòa khí của ông, nhằm tiến vào tâm cảnh nhập thiền vẫn đạo được dễ dàng. Vì thế, cuối cùng sau khi thấy khí hòa và tâm bình của ông, mới nói giá trị thực của đạo người là Mây trên trời xanh, nước trong bình.

TRÍ TUỆ THIỀN:

Tâm bình thường thì không cần ra bộ, sống tự nhiên vượt qua sự tạp nhiễm, là sự thể hiện toàn nhiên của tâm tự tính thanh tịnh. Tâm thái ôn hòa có khả năng diệt trừ khí chất hẹp hòi và ngông cuồng, bỏ đi sự phù du và hư hoa, đối diện thẳng với đời người bằng trái tim bình thường, bước đi trên đời bằng mỗi bước chân thực.

thành từ hai câu chuyện cơ bản, từ hồi 1 đến hồi 7 viết Tôn Ngộ Không xuất thế cho tới đại náo Thiên cung, biểu hiện tấn bi kịch về việc theo đuổi và đấu tranh cho tự do vô hạn của Tôn Ngộ Không cuối cùng bị thất bại, thể hiện cảnh ngộ mâu thuẫn về bản chất tự do của nhân tính và những ràng buộc trong đời sống hiện thực. Từ hồi 8 đến 100, nói chung viết về 81 nạn mà thầy trò Đường Tăng trải qua, tới chùa Đại Lô ở Tây Thiên lấy kinh, bao hàm việc con người có trải những gian nan tất yếu mới có thể đạt được thành công, hạnh phúc, giá trị đích thực của đời sống.

THIỀN KÍNH CHIẾU TÍNH

Đối với một chiếc gương sáng, bất luận là hoa hồng xinh đẹp nhất hay đồng phân dơ dáy nhất đều sẽ hiển hiện rõ ràng diện mạo; bất kể là áng mây trắng trôi bồng bềnh hay cánh đồng xanh yên ả, vô tận cũng đều có thể tự do thể hiện trạng thái của chúng.

Thiền sư Quang Trạch Huệ Trung đời Đường tu hành sâu sắc tuyệt diệu, được Đường Tiều Tông vời vào Kinh Đô, dùng sự lễ để đối đãi, triều dã đều tôn làm quốc sư.

Một hôm, khi đại thần Ngưu Chiếu Ân tới bái kiến quốc sư, hỏi: “Cái gì là vô minh, vô minh bắt đầu từ khi nào?”

Quốc sư Huệ Trung chẳng khách khí nói: “Phật pháp sắp suy tàn rồi, người như ngài cũng biết hỏi về Phật pháp!”

Ngưu Chiếu Ân chưa từng bị sỉ nhục như thế bao giờ, liền đột nhiên biến sắc, đang định ra oai, quốc sư nói: “Đó là vô minh, vô minh bắt đầu từ đây.”

Quốc sư Huệ Trung nói, đó là vô minh che mất tâm tính, tâm tính bị che khuất chính là được bắt đầu như vậy. Ngưu Chiếu Ân liền tỉnh ngộ, từ đó càng kính trọng quốc sư Huệ Trung hơn.

Kỳ thực, tâm thiền nói với chúng ta rằng, mọi hỷ lạc nơi nhân gian chúng ta phải tỏ tường, khổ nạn của cuộc đời chúng ta cũng phải biết gánh chịu, vì tới cảnh giới cuối cùng, hỷ lạc là nụ cười được phản ánh trong gương, khổ nạn là bóng đen thỉnh thoảng bay qua mặt nước. Bóng đen bay qua không trung khiến người ta buồn bực, nụ cười đọng lại trên gương khiến người ta hoài niệm, nhưng cũng chỉ là hình ảnh phản chiếu ngẫu nhiên thôi!

TRÍ TUỆ THIỀN:

Thiền là thế giới chân thực, nó chẳng dạy ta coi đồng phân là hoa hồng, mà dạy chúng ta coi phân là phân, hoa hồng là hoa hồng.

ĂN MẬT TẠ TỘI

Khi thiền sư Nhất Huru còn là một tiểu Sa Di đã rất có phong thái thiền. Có một tín đồ tặng thầy cậu một chai mật ong. Hôm thầy muốn ra ngoài, trong bụng nghĩ: chai mật này để ở trong phòng rất không an toàn, Nhất Huru có thể ăn mất, vì thế mới gọi Nhất Huru tới dặn dò: “Nhất Huru! Vừa rồi có tín đồ tặng chai thuốc độc này, được tính rất mạnh, vô cùng nguy hiểm, con nhớ đừng có tham ăn nhé.”

Nhất Huru là một người rất sáng dạ, cậu đương nhiên hiểu ý của thầy. Sau khi thầy đi, cậu uống sạch chai mật ong, sau khi uống đã, trong lòng nghĩ tới khi thầy về sẽ làm sao đây? Suy nghĩ nhanh nhạy bèn tiện tay đập vỡ một bình hoa mà thầy yêu thích nhất, khi thầy về, Nhất Huru giả bộ ngồi khóc rống trên đất, vừa khóc vừa nói với thầy: “Thầy ạ! Con đã mắc phải tội không thể tha được rồi.”

“Nhất Huru! Con đã làm gì sai thế?”

“Thầy ơi! Con đã làm vỡ chiếc bình hoa thầy yêu quý rồi!”

“Nhất Huru, làm sao con sơ ý lơ là vậy, làm vỡ mất chiếc bình quý giá như vậy?”

Nhất Hưu nói như vô cùng hối hận rằng: “Thầy! Con biết không được làm vỡ chiếc bình hoa của thầy, vì muốn sám hối, chỉ còn biết lấy cái chết để tạ tội với thầy, bởi vậy con uống hết chai thuốc độc luôn!”

Cách tạ tội như vậy khiến cho thầy như ngậm bồ hòn khen ngọt, đỡ khóc đỡ cười chẳng xong!

TRÍ TUỆ THIỀN:

Thiền pháp, dùng vào việc tu đạo, cố nhiên có thể minh tâm kiến tánh, sử dụng vào những việc khác trong đời sống cũng có chỗ kỳ diệu của nó. Thiền pháp là trí năng, là trí năng Ban Nhược, trí năng hài hước. Nhất Hưu tuổi nhỏ mà đã nhanh trí như vậy, dùng cách đó để tạ tội, sám hối, đó chẳng phải là sự khôi hài trong Thiền pháp hay sao?

BÚT MÂY NHÌN TRỜI

Có một tín sĩ hỏi thiền sư Phật Quang rằng: “Trong Kinh nói: Cúng dường thiên chư Phật, bất như cúng dường nhất vô tâm đạo nhân. Bất tri bách thiên chư Phật hữu hà quá? Vô tâm đạo nhân hữu hà đức?”

Thiền sư Đạo Quang dùng câu thơ Kệ đáp: “Nhất phiến bạch vân hoành cốc khẩu, Kỳ đa quy điều tận mê sào.” Câu đó có ý nói, chỉ vì nhiều thêm một áng mây, chim sẽ về tổ đều bị lầm đường, bay chẳng về nhà. Vì cúng dường chư Phật, có được đối tượng, ngược lại lạc mất bản thân; cúng dường Vô Tâm Đạo Nhân, chính là vượt lên tất cả bằng sự chẳng phân biệt. Bách thiên chư Phật, mặc dù không lỗi lầm, nhưng, vì Vô Tâm Đạo Nhân mà có thể nhận ra mình.

Tín sĩ lại hỏi: “Đã là Phật Già Lam thanh tịnh, làm sao còn gõ mõ và đánh trống?”

Thiền sư Đạo Quang dùng câu thơ Kệ đáp: “Trực tu đã xuất thanh tiêu ngoại, Miễn kiến long môn điểm đầu nhân.” Câu đó ý nói, đạo tràng tự viện Thanh Tịnh, nên phải gõ mõ, đánh trống da, hoàn toàn chẳng có thâm ý khác. Chẳng hạn như gõ mõ, là vì cá (mõ) ở trong nước, chẳng bao giờ nhắm mắt, nên phải tỏ bày tình tấn không

một mối bằng mộc ngư (mõ); đánh trống, chỉ vì tiêu nghiệp tăng phúc. Tiếng mõ, tiếng trống, trên thâu tới ngoài chân mây, hà tất còn phải chịu nỗi khổ luân hồi?

Tín sĩ lại hỏi: “Ồ nhà đã có thể học Phật đạo, hà tất phải xuất gia làm tăng?”

Thiền sư Đạo Quang lại dùng câu thơ Kệ đáp: “Khổng tước tuy hữu sắc nghiêm thân, Bất như hồng hộc cao phi.” Ý những câu đó là nói tu đạo tại gia cố nhiên rất tốt, nhưng rốt cuộc không thể so được với việc xuất gia đi tu càng có thể tinh chuyên nhất chí, màu sắc của con công tuy đẹp mắt, nhưng không thể bay cao bằng chim nhạn!

Mây vẫn trong lòng tín sĩ cuối cùng đã được thiền sư Đạo Quang xua tan. Có những vấn đề khi chẳng thể nghĩ thấu, thực là như trăm mối tơ vò trong lòng, nhưng sau khi giải thích giống như bút mây thấy được trời xanh vậy.¹

-
1. Giới thiệu về thầy trò Đường Tăng và Bạch Long Mã trong “Tây du ký” – 1. Đường Tăng được vua Thái Tông Lý Thế Dân ban cho pháp danh Tam Tạng, phái tới Tây Thiên lấy Kinh, phong làm Đức Phật Chiên Đàn Công. 2. Người thầy đầu tiên của Tôn Ngộ Không là tổ sư Bồ Đề, sau khi đại náo Thiên cung bị Phật Tổ Như Lai ép xuống núi Ngũ Hành, sau quy y Phật môn, Đường Tăng đặt tên cho là “Tôn Hành Giả”, lập nhiều công lao trên đường đi Tây Thiên lấy kinh, sau được phong làm Đẩu Chiến Thắng Phật. 3. Trư Bát Giới còn gọi là Trư Ngộ Năng, vốn là Thiên Bồng Nguyên soái cai quản binh sông Thiên Hà, bị tội đày xuống phạm, đầu thai làm heo, sau khi Bồ Tát điểm hóa, bảo vệ Đường Tăng đi lấy kinh, được thành chánh quả, phong làm Tịnh Đàn sứ giả. 4. Sa Tăng cũng gọi là Sa Ngộ Tịnh, vốn là đại tướng Quyển Liêm ở Thiên đình, bị giáng

CHIỀU DÀI CỦA SINH MẠNG

Một hôm, khi Phật Tổ chờ các đệ tử đi khát thực trở về và hỏi: “Các đệ tử! Hôm nay các con bận rộn thác bát khát thực, cuối cùng là tại sao thế?”

Các đệ tử chấp tay, cung kính đáp: “Phật Tổ! Chúng con vì muốn di dưỡng cơ thể, để nuôi lâu sắc thân nhằm cầu thanh tịnh, giải thoát cho sinh mạng ạ.”

Phật Tổ nhìn các đệ tử bằng ánh mắt trong, trầm tĩnh hỏi: “Vậy, các con hãy nói xem sinh mạng của nhục thể rốt cuộc dài bao lâu nhỉ?”

“Phật Tổ! Loài chúng sinh hữu tình bình quân sống được vài chục năm.” Một đệ tử trả lời tự tin.

Phật Tổ lắc đầu, nói: “Con chẳng hề hiểu về chân tướng của sự sống.”

Một đệ tử khác thấy vậy, nói nghiêm trang rằng: “Sự sống của loài người tựa như hoa cỏ, mùa xuân đâm chồi

xuống Hạ giới, bảo vệ Đường Tăng đi lấy kinh, được thành chánh quả, phong làm Kim Thân La Hán. 5. Bạch Long Mã vốn là thái tử thứ 3 Tiểu Bạch Long của Tây Hải Long Vương, vì làm trái lệnh cha đầy làm Ưng Sâu Gián, sau hóa thành ngựa trắng để cho Đường Tăng cưỡi trên đường đi lấy kinh, được phong làm Bát Bộ Thiên Long Quảng Lực Bồ Tát.

nảy lộc, xán lạn như bông; mùa đông khô héo điêu linh, biến thành cát bụi.”

Phật Tổ để lộ nụ cười tán thành, nói: “Ừ, con có thể lãnh hội được sự tạm thời chóng vánh của sinh mạng, nhưng đối với sự hiểu biết về Phật pháp vẫn giới hạn ở bề ngoài.”

Rồi nghe được một giọng vô cùng bi thiết, nói: “Phật Tổ! Con cảm nhận được sự sống trôi nổi như con trùng, ban sáng mới sinh ra, chiều đã chết, dài nhất chẳng qua thời gian một ngày đêm!”

“Ừ! Con có thể quan sát được chỗ nhỏ nhoi về sự sớm nở tối tàn trong các hiện tượng của sinh mạng, đã có những nhận thức tiến vào đến nhục thể của Phật pháp, nhưng vẫn chưa thể đi sâu hơn.”

Trong khi Phật Tổ không ngừng phủ nhận, gợi mở, linh tính của các đệ tử càng ngày càng được kích thích. Rồi một đệ tử nữa nói: “Phật Tổ ! Kỳ thực sinh mạng của chúng ta chẳng khác gì sương móc lúc sáng mai, xem ra chẳng thiếu vẻ quyến rũ, nhưng chỉ cần một tia nắng chiếu vào, công phu trong chớp mắt nó đã bị tiêu tan.”

Phật Tổ cười thâm không nói. Các đệ tử càng thảo luận về độ dài của sinh mạng sôi nổi hơn. Bây giờ, chỉ thấy một đệ tử đứng dậy, nói làm bốn bên phải thất kinh: “Phật Tổ! Theo như các đệ tử, sinh mạng con người ta chỉ là một hơi thở.”

Lời nói vừa dứt, bốn phía ngạc nhiên, mọi người đều ngưng thần dõi nhìn Phật Tổ, mong sự khai thị của ngài.

“Ừ, nói đúng! Các đệ tử, các con nhớ đừng có lười nhác tham nhàn, cho là sinh mạng dài lắm, giống như giọt sương tồn tại mấy may, giống như phù du trôi nổi một đêm ngày, giống như hoa cỏ có một mùa, giống như người thường được vài chục năm. Sinh mạng chỉ là một thở ra, một hít vào! Phải nắm lấy từng phút giây của sinh mạng, mỗi một thời khắc, phấn đấu không ngừng, dừng cảm tinh tiến!”

TRÍ TUỆ THIÊN:

Độ dài của sinh mạng chính là một thở ra, một hít vào. Chỉ có nhận thức được sinh mạng như vậy mới thực thể chứng được tinh túy của sinh mạng.¹

-
1. Nhân duyên của Trịnh Bản Kiều và Phật môn - Trịnh Bản Kiều (1693 – 1766), là họa sĩ, nhà văn đứng đầu trong “Bát quái Dương Châu” về hội họa, người Hưng Hóa, Giang Tô, có tác phẩm “Bản Kiều toàn tập”. Trịnh Bản Kiều tự xưng là cư sĩ, kết bạn rộng rãi, thường tá túc trong chùa, có trình độ nghiên cứu Kinh Phật thâm sâu. Ông có bài phú Phá y nói về việc Phật Tổ xuất gia khổ hạnh rằng: “Nạp y hà nhật phá, Tứ thập hữu dư niên, Bạch thủ nhưng phùng điện, Thanh xuân dĩ kết xuyên, Thấu lương kinh hạ hảo, Đăng thâm nhập thu tiện, Cố hữu vô như thử, Tướng khán hộ hữu liên”. Năm Trịnh Bản Kiều 40 tuổi, tới Hàng Châu du lãm, ở am Thao Quang, hứng chí viết một bài thơ dài “Thao Quang”, hai câu cuối là: “Ngã dĩ vô gia bất nguyên quy, Thỉnh lai liễu thử tiền sinh quả”, ý tại ngôn ngoại, muốn xuất gia làm tăng ở am Thao Quang, người chưa xuất gia lại có ý muốn xuất gia.

NHU NƯỚC VỀ NƯỚC

Thiền sư Huyền Sa gặp thiền sư Tuyết Phong trên đường, thiền sư Tuyết Phong nói: “Có một tăng nhân từ xa đến, tôi qua không may qua đời, tôi cảm thấy rất đau lòng, điều này khiến tôi nhớ tới câu hỏi mấy hôm trước có người hỏi mình.”

Huyền Sa hỏi: “Là vấn đề gì vậy?”

Thiền sư Tuyết Phong nói: “Người ta hỏi tôi, sau khi con người ta chết thì sẽ ra sao?”

Huyền Sa hỏi: “Thầy trả lời ra sao?”

Tuyết Phong nói: Tôi nói với anh ta: “Sau khi người ta chết, như băng trở về nước.”

Huyền Sa quay người, nhìn vào trời đêm một màn đen tăm tối, chậm rãi nói: “Ừ, như thế cũng có lý nhất định, nhưng tôi lại không cho là như thế, mặc dầu vậy, câu trả lời của thầy cũng có những gợi ý cho tôi.”

Tuyết Phong hỏi: “Vậy, thầy cảm thấy nên trả lời thế nào?”

Huyền Sa cúi đầu, chấp tay nói: “Sau khi người ta chết như nước trở về nước.”

Tuyệt Phong nghe xong, vô cùng kính phục.

Hôm sau, có một hòa thượng hỏi Huyền Sa: “Cuộc sống chân chính của tôi là gì?”

Huyền Sa đáp lạnh lùng: “Thầy muốn sự sống chân chính của thầy là gì chứ?”

Sinh mạng nói chung là muốn mất muốn được, có được có mất. Sợ chết chính là sinh; ghét sinh chính là vượt qua cái chết. Trông bề ngoài, sẽ chẳng để ý tới sỏi phía trước chân.

TRÍ TUỆ THIỀN:

Thiền chẳng thần bí, ngược lại, nó là một thứ nghệ thuật sống, có thể khơi gợi linh tính của chúng ta, vun bón cho bông hoa sinh mạng nở, làm cho chúng ta đối với cuộc sống của mình có được nụ cười và niềm vui, giúp chúng ta tìm được giá trị chân thực cho bản thân.

CHÙA ĐẸP

Phật Tổ rất giỏi về việc giải thích Thiền lý cho các đệ tử thông qua những câu chuyện, các đệ tử nghe mãi không chán. Hôm đó, Phật Tổ kể một câu chuyện thế này cho các đệ tử.

Có một ông vua muốn sửa lại một ngôi chùa trong Kinh thành. Ngài sai người đi tìm những nhà thiết kế có kỹ nghệ cao siêu, hy vọng có thể chỉnh trang ngôi miếu đẹp đẽ, trang nghiêm.

Có hai nhóm nhân viên được tìm tới, trong đó một nhóm là những thợ mộc và họa sĩ rất nổi tiếng, một nhóm khác là vài hòa thượng. Vì, vua chẳng biết cuối cùng tay nghề của nhóm nào giỏi hơn, nên quyết định cho họ một cơ hội thi thố công bằng.

Vua yêu cầu nhân viên hai nhóm tự chỉnh trang một ngôi chùa nhỏ, mà hai ngôi chùa này nằm đối diện nhau. Sau ba ngày, vua muốn tới nghiệm thu thành quả.

Các thợ mộc xin vua hàng hơn trăm thứ sơn với nhiều sắc, rồi muốn rất nhiều công cụ; mà nhà vua rất lấy làm lạ là, các hòa thượng thế mà chỉ cần một số dụng cụ sạch sẽ đơn giản như vải lau và xô nước.

Sau ba ngày, vua tới nghiệm thu kết quả tu sửa chùa của hai nhóm. Trước tiên ngài xem ngôi chùa của các thợ mộc, các thợ mộc khua chiêng gõ trống khánh thành công trình hoàn thành, màu sắc họ dùng vô cùng nhiều, tu sửa với nghệ thuật tinh xảo, màu sắc sặc sỡ, nhà vua rất hài lòng gật gù đầu. Tiếp theo trở lại xem ngôi chùa mà những hòa thượng phụ trách. Ngài vừa xem thì ngó ra, ngôi chùa các hòa thượng chỉnh trang chẳng quét lên bất cứ màu mè gì, chỉ lau thật sạch tường, bàn ghế, cửa sổ... các vật phẩm trong chùa đều hiển hiện màu sắc vốn có của nó, mà bề ngoài sáng bóng như gương, phản chiếu màu sáng lấp lánh từ ngoài chiếu vào. Những màu mây sắc sỡ biến thiên bên trời, bóng cây đung đưa theo làn gió, thậm chí ngôi chùa màu sắc sặc sỡ đối diện cũng trở thành một bộ phận trong sắc màu, vẻ đẹp của ngôi chùa này, mà ngôi chùa chỉ là nơi tiếp nhận mọi sự bình yên đó.

TRÍ TUỆ THIỀN:

Tâm chúng ta giống như một ngôi chùa, chẳng cần phải làm đẹp bằng các loại trang sức tinh xảo, chỉ cần gột rửa cho lòng trong sạch, để cho vẻ đẹp nội tại vốn có được phơi bày.

THỜI GIAN KHÔNG GIÀ

Đệ tử Đại Trí môn hạ của thiền sư Phật Quang sau khi đi học 20 năm trở về đang nói với thiền sư Phật Quang những kiến văn mà mình đi học trong đợt này. Thiền sư Phật Quang thường tỏ ra lắng nghe với nụ cười miên cưỡng, cuối cùng Đại Trí hỏi: “Thầy ạ! 20 năm nay, thầy vẫn khỏe chứ?”

Thiền sư Phật Quang đáp: “Rất khỏe! Khỏe lắm! Giảng học, Thuyết pháp, Chú giải, Viết kinh, hằng ngày ngao du nơi biển Pháp, trên thế gian chẳng có cuộc sống nào vui hơn thế nữa, mỗi ngày, thầy bận việc vui lắm.”

Đại Trí hỏi một cách ân cần: “Thầy ạ! Phải nghỉ ngơi nhiều một chút chứ!”

Đêm khuya, thiền sư Phật Quang nói với Đại Trí: “Con đi nghỉ đi! Có điều gì chúng ta từ từ nói sau.”

Sớm mai trong giấc mộng, Đại Trí thấp thoáng nghe thấy phòng thiền sư Phật Quang vắng đến từng đợt tiếng mõ tụng kinh, thiền sư Bạch Thiên Phật Quang khai thị cho từng đợt tín chúng tới lễ Phật một cách không mệt mỏi, giảng giải Phật pháp, một lát Thiền đường không có những Học tăng báo cáo về những việc mình tâm đắc thì lại chuẩn bị tài liệu cho tín đồ, hằng ngày thường bận rộn chẳng hết việc.

Rất khó thấy thiền sư Phật Quang vừa dứt lời với các tín đồ, Đại Trí tranh thủ được lúc rảnh đó, cướp lời hỏi thiền sư Phật Quang rằng: “Thầy ạ! Xa nhau 20 năm nay, cuộc sống hằng ngày của thầy vẫn bận rộn như vậy, làm sao chẳng thấy thầy già nhỉ?”

Thiền sư Phật Quang đáp: “Thầy chẳng cảm nhận được thời gian già đi!”¹

TRÍ TUỆ THIỀN:

“Chẳng có thời gian già”, kỳ thực chính là trong lòng chẳng có quan niệm già. Không Tử nói: “Kỳ vi nhân già, Phát phần vong thực, Lạc dĩ vong ưu, bất tri lão chi tương chí.”

-
1. Hang đá Long Môn – Một trong những hang đá Phật giáo Trung Quốc nổi tiếng - Hang đá Long Môn nằm ở bên bờ sông Y Thủy ngoại thành phía nam Lạc Dương, bắt đầu được tạo tác từ thời Bắc Ngụy, là một trong bốn hang động lớn nhất của Trung Quốc. Hang đá Long Môn dài tới 1 km, tổng cộng có hơn 9700 pho tượng Phật, hơn 1.300 động. Đề ký và bia khắc có hơn 3.600 tác phẩm. Chùa Phụng Tiên là một hang động lớn nhất trong hang đá Long Môn, dài rộng hơn 30m. Điều phi thường ở chùa Phụng Tiên nằm ở pho tượng khắc Lư Xá Na vĩ đại nằm ở giữa, thực là một tác phẩm nghệ thuật tinh xảo tuyệt thế. Pho tượng Lư Xá Na đó cao 17,14m, đầu cao 4m, tai dài 1,9m. Theo Kinh Phật nói, Lư Xá Na có ý chỉ ánh sáng phủ chiếu khắp nơi. Sức hấp dẫn về nghệ thuật của hang đá Long Môn là một kho báu về nghệ thuật điêu khắc đá với những đặc trưng riêng của nó mà nổi tiếng thế giới.

TRÀ ĐẠO ĐỆ NHẤT

Thiên Lợi Hưu là thủy tổ về trà đạo Nhật Bản, đồng thời cũng là đệ tử đắc ý của thiền sư Nhất Hưu nổi tiếng. Đương thời ông có địa vị vô cùng tôn quý trong xã hội Nhật Bản.

Một lần, ở Vũ Trị có một người tên là Thượng Lâm Trúc Am mời Thiên Lợi Hưu tham gia buổi hội trà của mình. Thế mà Thiên Lợi Hưu đồng ý, đồng thời dẫn vài đệ tử tới đó.

Trúc Am vô cùng vui mừng, đồng thời cũng rất căng thẳng. Sau khi Thiên Lợi Hưu và các đệ tử vào phòng trà, ông bắt đầu đích thân rót trà cho mọi người. Nhưng, vì ông quá căng thẳng, tay rót trà run lên, khiến cho thìa trà trên hộp trà rót xuống, bình trà đổ xuống, nước trà trong bình tràn ra, rõ ràng vô cùng bất nhã. Đệ tử của Thiên Lợi Hưu cười thầm trong bụng.

Nhưng, hội trà vừa kết thúc, Thiên Lợi Hưu là người khách khen ngợi nói: “Buổi hội trà hôm nay chủ nhân điểm trà bậc nhất trong thiên hạ.”

Các đệ tử cảm thấy lời nói của Thiên Lợi Hưu không thể tưởng tượng nổi, bèn hỏi Thiên Lợi Hưu trên đường về

rằng: “Điểm trà như vậy chẳng thích đáng, tại sao bậc nhất thiên hạ được?”

Thiên Lợi Hưu trả lời: “Đó là vì Trúc Am muốn chúng ta uống được loại trà ngon nhất, nhất tâm nhất ý làm ra duyên cớ đó. Bởi vậy, ông ta chẳng lưu ý có để xảy ra thất bại như vậy, chỉ nhất tâm pha trà. Tâm ý này là quan trọng nhất.”

Nói về trà đạo, quan trọng ở tâm. Bất kể điểm trà có đẹp dễ thế nào, đồ uống trà cao quý đến đâu, không có lòng chân thành, có thể nói là chẳng còn ý nghĩa gì.

TRÍ TUỆ THIÊN:

Trong thế giới tự nhiên, giống như những hạt đào, lê nhỏ bé có thể mọc lên quả đào, lê vô lượng, so với những nhân quả ngoài chúng, nhân quả nội tâm càng hiển hiện rõ ràng với sự cảm hóa nhỏ thành lớn. Bởi vậy, tu nghiệp nhất định phải cần hai chữ “thành kính”.

KIẾM ĐẠO PHẢI DỨT KHOÁT

Thời cận đại ở Nhật Bản có hai kiếm khách thượng thặng, một là Cung Mộc Vũ Tàng, một là Liễu Sinh Hựu Thọ Lang. Cung Mộc là sư phụ của Liễu Sinh. Bây giờ khi Liễu Sinh báỉ Cung Mộc làm thầy học võ thì làm thế nào để trở thành một kiếm khách thượng thặng, giữa thầy trò họ có đoạn đối thoại như sau.

“Thầy ạ, con cố gắng học, phải cần bao nhiêu năm mới có thể trở thành một bậc thầy về kiếm chứ?” Hựu Thọ Lang hỏi.

“Cả đời con.” Vũ Tàng trả lời.

“Con không thể chờ lâu như vậy.” Hựu Thọ Lang giải thích nói, “Chỉ cần thầy chịu dạy con, con cam tâm chịu mọi khổ luyện để đạt được mục đích. Nếu con làm người hầu trung thành của thầy, cần bao nhiêu lâu?”

“Ồ, vậy có lẽ phải 10 năm.” Vũ Tàng trả lời chậm rãi.

“Cha ở nhà tuổi ngày càng cao, ít lâu con phải về phục dịch ông rồi.” Hựu Thọ Lang chẳng cam tâm bèn nói tiếp, “nếu con càng chịu khó tập luyện, cần bao nhiêu lâu?”

“Ồ, có lẽ 30 năm.” Vũ Tàng đáp.

“Nói thế nào nhỉ?” Hựu Thọ Lang hỏi, “Thầy nói 10 trước rồi lại nói 30 năm, con chẳng sợ bất cứ khổ ải gì, phải tinh thông võ nghệ trong thời gian ngắn nhất!”

“Ồ”, Vũ Tàng nói, “Nói thế, con phải theo thầy 70 năm mới được, giống như con loại người nóng vội háms lợi thường muốn nhanh chẳng thể đạt được đâu.”

“Được”, Hựu Thọ Lang nói, cậu cuối cùng hiểu ra được đạo lý bên trong, rồi ở lại học kiếm với Vũ Tàng.

Vũ Tàng dạy cho Hựu Thọ Lang là: không chỉ không được luận bàn về kiếm thuật, đến ngay cả kiếm cũng không cho đụng vào. Chỉ cần cậu nấu cơm, rửa bát, trải giường, quét dọn sân và chăm nom vườn hoa, chẳng hề nhắc đến một chữ về kiếm thuật.

Thời gian 3 năm trôi qua như thế, Hựu Thọ Lang vẫn làm khổ dịch như vậy, mỗi khi nghĩ tới tiền đồ của mình, trong lòng không tránh khỏi mông lung, mịt mù...

Một hôm, đúng lúc Vũ Tàng tiến lên từ phía sau lưng cậu, đánh một cái thật mạnh bằng cây gậy. Hôm sau, Hựu Thọ Lang đang bận nấu cơm, Vũ Tàng lại đánh cậu một cái đúng lúc chẳng để ý.

Từ đó về sau, bất kể ngày đêm, Hựu Thọ Lang đều ở trong trạng thái phòng ngự có thể bị tấn công bất cứ lúc nào. Một ngày 24 giờ, bất cứ lúc nào cậu cũng đều nếm phải mùi vị của kiếm học.

Cậu bỗng ngộ ra được nghĩa lý của nó, dần dà đạt tới cảnh giới cao, Vũ Tàng cũng nở được nụ cười hài lòng.

Về sau, Hựu Thọ Lang trở thành tay kiếm sừng sở nhất của cả nước Nhật.

TRÍ TUỆ THIÊN:

Bất chấp Pháp tướng, một mình vượt ra khỏi ngoại vật, tiến tới sự giải thoát tuyệt đối là cảnh giới của Thiên tông.

Ngộ đạo thiết giới, Cường giải cường ngộ, làm việc phải nhớ không được miễn cưỡng cố chấp, thì việc lớn chẳng còn khó nữa.

BIẾT CHẴNG PHẢI THÌ BỎ

Thiền sư Huệ Viễn khi còn trẻ thích vân du tứ xứ. Có một lần, ông gặp một người đi đường thích hút thuốc, hai người đi một đoạn đường núi rất dài với nhau, sau đó ngồi nghỉ bên vờ sông, người đó đưa cho thiền sư Huệ Viễn một túi thuốc, thiền sư Huệ Viễn vui mừng nhận món quà của người đồng hành, sau đó hai người nói chuyện, vì vô cùng tâm đầu ý hợp, người đó còn tặng cho ông một ống thuốc và một ít thuốc.

Thiền sư Huệ Viễn sau khi chia tay với người đó, trong lòng nghĩ: “Thứ này khiến người ta cảm thấy rất thoải mái, chắc sẽ làm phiền tới Thiền định của ta, thời gian lâu rồi nhất định sẽ khó bỏ được thói quen đó, hay là cai sớm đi thì tốt hơn.” Vì thế bèn ném đi cả ống thuốc và thuốc.

Rồi vài năm qua đi, thiền sư Huệ Viễn lại bị mê hoặc bởi “Kính dịch”. Bấy giờ đúng vào mùa đông, trời lạnh cóng, ông viết lá thư cho thầy của mình hỏi gửi cho một ít áo bông, nhưng thư đã gửi đi rất lâu mà mùa đông đã đi qua, tuyết trên núi cũng bắt đầu tan, thầy vẫn chưa gửi áo đến, người đưa thư cũng biệt vô âm tín. Thiền sư Huệ Viễn vì thế bèn dùng Kính dịch bói cho mình một quẻ, kết quả tính ra là phong thư đó chẳng hề tới được nơi của thầy.

Ông nghĩ trong bụng, “Kinh dịch bói chắc là chuẩn xác, nhưng nếu ta mê mẩn đạo này, làm sao có thể toàn tâm toàn ý tham Thiền cơ chứ?” Từ đó về sau ông lại không tiếp xúc với thuật trong Kinh dịch nữa.

Về sau Huệ Viễn lại mê Thư pháp một dạo, nghiên cứu hằng ngày, thế mà cũng có chút thành tựu nho nhỏ, một số nhà Thư pháp khen ngợi ông hết lời. Ông đổi ý rồi nghĩ: “Ta lại xa rời đạo của mình rồi, cứ như thế này, ta có thể trở thành nhà thư pháp mà chẳng thành thiền sư được.” Vì thế ông nhất tâm tham ngộ, bỏ đi mọi thứ chẳng liên quan tới Thiền, cuối cùng trở thành một bậc thầy về Thiền tông.

TRÍ TUỆ THIỀN:

Hiểu ra mục tiêu của mình cố nhiên đáng quý, nhưng càng quý hơn là phải vì mục tiêu mà có tinh thần kiên trì không biết mệt mỏi. Đồng thời một ngày biết được mình đã xa rời mục tiêu thì phải sửa chữa liền.

THÀNH THỰC CHẲNG LỪA DỐI

Thời Tống có một thiền sư tên là Đạo Khải, ông tu hành nhiều năm cuối cùng sau khi đắc đạo bắt đầu vân du tứ phương, giảng giải về đạo lý của Thiền tông cho đại chúng hiểu.

Thiền sư Đạo Khải đi rất nhiều nơi, từng đảm nhận trụ trì chùa Tịnh Nhân và Thiên Ninh.

Tiếng tăm của thiền sư được hoàng thượng đương triều nghe biết, vô cùng ngưỡng mộ những việc làm của thiền sư, vì thế quyết định ban tặng cho ông một tấm áo cà sa, nhằm tuyên dương thánh đức hoàng dương Phật pháp của ông, đồng thời còn tăng danh hiệu là thiền sư Định Chiếu.

Sau khi thiền sư Đạo Khải nghe biết tin ấy, ngoài sức tưởng tượng là ông vẫn kiên quyết không chịu nhận những vinh dự đó. Vì thế hoàng thượng phải phái Lý Hiệu Thợ ở phủ Khai Phong đích thân tới chỗ của thiền sư, thay nhà vua truyền đạt ý tốt của triều đình đến thiền sư Đạo Khải. Nhưng, thiền sư vẫn không chịu nhận. Hoàng thượng bị chọc tức từ phản ứng hết lần này tới lần khác lạnh lùng từ chối của ông, hạ lệnh cho Châu Quan bắt thiền sư, muốn

xem việc xử phạt có thể làm cho thiền sư hồi tâm chuyển ý hay không.

Châu Quan trước kia từng nghe thiền sư giảng kinh, ông hiểu được sâu sắc việc làm của thiền sư trung hậu trung thành biết bao. Khi ông tới chùa, dặn dò thuộc hạ lánh đi, hạ giọng nói: “Thiền sư, sức khỏe của thầy xem ra rất yếu, sắc mặt cũng xanh xao tiêu tụy, hay là có bệnh gì?”

Thiền sư Đạo Khải lắc đầu nói: “Đâu có”

Châu Quan thấy gợi ý của mình không có tác dụng, liền nhụt lòng, nói trực tiếp với thiền sư: “Thiền sư, nếu thầy nói mình có bệnh, hoàng thượng nhất định sẽ miễn tội cho việc thầy trước kia vất vả đi tứ xứ giảng đạo.”

Thiền sư vẫn lắc đầu, vẫn nói với giọng bình tĩnh: “Không có bệnh thì là không có bệnh, ta làm sao có thể vì miễn bị xử phạt mà giả vờ mắc bệnh chứ?”

Châu Quan nghe lời của thiền sư vừa cảm động, vừa cực chẳng đã, chỉ biết bất đắc dĩ ép thiền sư tới Tư Châu.

TRÍ TUỆ THIỀN:

Thành thực không gian dối, không giả bộ, giữ lời hứa, thực tế cầu tiến. Thành thực là một thành trì của nhân cách.

KHÔNG CHỊU ẢNH HƯỞNG BỞI MÂU THUẦN

Có một vị lão hòa thượng dạy tiểu Sa Di giữ nắm hương. Lão hòa thượng dạy tiểu Sa Di dùng những chiếc túi ni lông bọc từng cây nắm hương lại, tiểu hòa thượng chẳng biết tại sao, trong bụng nghĩ: thầy làm như vậy thật phiền phức. Nhưng, vẫn làm theo lời thầy.

Tới mùa thu, thầy muốn tiểu hòa thượng lấy nắm hương ngày trước cất đi ra ăn, tiểu hòa thượng nghe dặn dò rồi đi lấy.

Chốc lát, vội vàng chạy về nói: “Thầy ơi không được rồi, nắm hương mục hết cả, không ăn được nữa!”

Thầy thông thả nói: “Con mở tiếp những cây khác ra xem sao.”

Tiểu hòa thượng lại chạy đi lấy, lần này tiểu hòa thượng cười tít nói với thầy: “Giỏ nắm hương này chỉ bị hư mất một cây, những cây khác đều còn nguyên, có thể ăn được.”

Bấy giờ thầy mới mượn câu chuyện đó nói với Sa Di: “Đời người cũng là kết quả của sự mâu thuẫn giống như giỏ nắm, chỉ cần đóng gói từng cây mâu thuẫn lại cẩn thận,

giống như gói nấm hương thì phải dùng bao ni long bọc kỹ thì những vấp ngã, thất bại cục bộ không hề ảnh hưởng tới thành công lớn hơn, như nấm hương trong chiếc giỏ đó chỉ có vài cây hư, đại bộ phận vẫn còn nguyên, có thể ăn được.”

Bởi vậy Thiên nói, thất bại cục bộ là chắc chắn, nhưng phải tin tưởng nay mai sẽ gặt hái được những thành công lớn hơn, đừng vì những sai lầm nho nhỏ mà cúi đầu và nhụt chí.¹

-
1. Hang đá Đại Túc – Một trong những hang đá Phật giáo nổi tiếng Trung Quốc – Đá khắc Đại Túc là một trong những hang đá tạo tượng quan trọng của Trung Quốc, bắt đầu được tạo tác từ đầu năm Cảnh Phúc, triều Đường (892), nằm ở huyện Đại Túc, thành phố Trùng Khánh. Trải qua thời Ngũ đại, tới Tống đạt tới đỉnh cao, cuối cùng chỉ có một số điêu khắc vụn vặt vào cuối thời Nam Tống, Minh và Thanh. Đề tài tạo tượng bao la, thủ pháp nghệ thuật phong phú, phản ánh cuộc sống sinh động và màu sắc địa phương rõ rệt. Núi bắc Đại Túc chủ yếu là những loại tượng được những địa chủ, quan lại địa phương tạc để cầu phúc vào cuối đời Đường, Ngũ Đại và Tống. Núi Bảo Đỉnh là tượng xây dựng với mục đích truyền giáo đạo tràng của tín đồ Mật tông Triệu Trí Phụng thời Nam Tống. Đá khắc Đại Túc mặc dù chủ yếu là tượng Phật giáo, nhưng các thợ tạc các đời lại phát huy được đặc điểm về ngôn ngữ nghệ thuật tạo hình, thâm hóa được lý tưởng về cái đẹp của họ vào công việc tạc tượng, cho tới hôm nay vẫn có thể đem lại sự hưởng thụ về cái đẹp cho chúng ta.

TRÍ TUỆ THIỀN:

Mâu thuẫn là thứ không thể diệt trừ được trong vạn vật, nhưng làm sao điều tiết được nó mới quan trọng. Có thể đối diện với mọi sự tương phản bằng tấm lòng ôn hòa, vậy tự nhiên cũng không ảnh hưởng bởi sợ mâu thuẫn.

KHÔNG LÀM KHÔNG ĂN

Thiền sư Bách Trượng Hoài Hải đời Đường từng nói: “Đã chẳng có công việc, tại sao có thể ăn được chứ? Một ngày không làm thì cả ngày không ăn.” Tinh thần đó đã trở thành khuôn mẫu cho Tùng Lâm hàng nghìn năm nay.

Thiền sư Bách Trượng Hoài Hải sau khi kế thừa thiền sư Mã Tổ Đạo Nhất - người khai sáng ra Tùng Lâm – lập hàng loạt những quy củ, như Quy củ Tùng Lâm, Thanh quy Bách Trượng, mang tính hệ thống cho Tùng Lâm. Câu “Mã Tổ sáng Tùng Lâm, Bách Trượng lập Thanh quy” nhằm thể hiện ý đó. Thiền sư Bách Trượng chủ trương đời sống Thiền nông: một ngày không làm, cả ngày không ăn. Ông từng gặp phải rất nhiều khó khăn, vì Phật giáo xưa nay lấy Giới làm Quy để sinh sống, còn thiền sư Bách Trượng thay đổi chế độ, lấy nông Thiền để sinh sống, thậm chí có người phê bình ông là kẻ ngoại đạo. Vì Tùng Lâm mà ông trụ trì ở trên tuyệt đỉnh của núi Bách Trượng, nên cũng gọi là thiền sư Bách Trượng.

Hàng ngày thiền sư ngoài việc lãnh chúng tu hành, tất phải đích thân lao động, làm việc mệt nhọc. Tự cung tự cấp trong cuộc sống, đối với những việc vất vả trong thường nhật chẳng hề để người khác làm. Dần dà thiền sư Bách

Trượng tuổi cao, nhưng hằng ngày vẫn theo mọi người lên núi gánh củi, xuống ruộng trồng cây, vì thế cuộc sống nông Thiئن chính là phương thức tự cấp tự túc.

Các đệ tử rút cuộc không nhẫn tâm để thầy tuổi cao làm những công việc nặng nhọc. Vì thế, mọi người khẩn cầu thầy đừng theo họ lên dốc, nhưng thiئن sư Bách Trượng vẫn kiên trì quan điểm của mình nói: “Ta người làm lưng vô đức, con người ở đời, nếu không tự làm lưng, chẳng phải thành phế nhân sao?”

Các đệ tử chẳng cản trở được việc thầy trồng trọt dưới ruộng, chỉ còn biết giấu quang gánh, lưỡi cày, những công cụ thầy dùng đi, không để thầy làm việc. Thiئن sư Bách Trượng bất đắc dĩ chỉ còn biết kháng cự bằng hành vi tuyệt thực, các đệ tử sốt ruột nói: “Tại sao thầy không ăn không uống?”. Thầy đáp: “Một ngày không làm, cả ngày chẳng ăn.”

Các đệ tử cực chẳng đã chỉ còn biết trả về cho thầy dụng cụ, để ông sống tùy chúng.

Thiئن sư Bách Trượng vì muốn cứu vãn căn bệnh của thiئن giả, không chỉ theo đuổi cuộc sống một ngày không làm, cả ngày chẳng ăn, thậm chí còn kêu gọi khẩu hiệu “gánh củi gánh nước cũng là thiئن”. Bất kể niệm Phật hay tham Thiئن, tu hành chẳng phải là viện cớ lười biếng, làm

việc là gốc của mọi việc, phải có tinh thần “không làm không ăn”.¹

TRÍ TUỆ THIỀN:

Có người cho rằng tham Thiền phải cách tuyệt trần duyên, thậm chí công việc cũng chẳng phải làm, chỉ cần gõ mõ là được. Kỳ thực, không làm việc, xa rời cuộc sống, còn đâu là Thiền nữa?

-
1. Hang đá Đôn Hoàng - Một trong những hang đá Phật giáo nổi tiếng Trung Quốc – Hang đá Mạc Cao Đôn Hoàng nằm ở khu vực phía đông cách huyện Đôn Hoàng, tỉnh Cam Túc 25 km, hang đá bắt đầu được tạo tác từ năm 366, trải qua thời Bắc Ngụy, Tây Ngụy, Bắc Chu, Tùy, Đường, Ngũ đại, Tống, Tây Hạ, Nguyên cho tới thế kỷ XIV vẫn tiếp tục được tạo dựng, trở thành quần thể động hùmg vĩ. Hang hiện tồn có 492 cái, với hơn 2400 pho tượng màu, trong đó hang động Bắc Triều gần 40 cái. Hang đá đa phần tạc tượng Phật Trang Di Lặc, Ý Tọa Di Lặc và Bồ Tát Di Lặc, cột đá trung tâm hang đa số là những bức tượng tạc trên trụ và hang Thiên Phật với Thiên Phật bích họa (cộng thêm với những câu chuyện về Phật giáo). Hang Đôn Hoàng là một trong những di sản văn hóa lịch sử quý giá nổi tiếng thế giới của nước Trung Quốc.

LẤY TĨNH CHẾ ĐỘNG

Một vị thiền sư trên đường chu du đụng phải một người ghét mình. Vài ngày liền, người đó dùng đủ mọi thủ đoạn để thóa mạ ông.

Cuối cùng, thiền sư quay lại hỏi người đó: “Nếu có người tặng anh một món quà, nhưng anh lại từ chối nhận, vậy món quà đó thuộc về ai chứ?”

Người đó đáp: “Thuộc về người chủ tặng quà.”

Thiền sư cười nói: “Đúng thế. Nếu tôi chẳng nhận lời thóa mạ của anh, vậy anh chửi mình rồi.”

Lục Tổ nói, con người có sáu Căn, sống chung với nó, chúng ta không thể đoạn được chính là sáu Căn. Chúng ta không thể dứt bỏ được mối quan hệ giữa cảm quan và đối tượng. Vậy, chúng ta phải hạ quyết tâm không khiến cho tâm mình nhiễm Vạn cảnh, không chịu ảnh hưởng bởi ngoại giới ngoài cảm quan của chúng ta, để đạt tới chân tính thường tự tại.

TRÍ TUỆ THIỀN:

Giống như thiền sư nói, tâm không bị người khác khuấy nhiễu, lấy tĩnh chế động, lấy định chế ác, như thế sẽ không đau khổ, bị mê hoặc bởi bất kỳ sự xâm nhập nào từ ngoại giới.

TUYẾT ĐẬU

KHÔNG NGƯỜI ĐƯA THU

Chùa Tuyết Đậu ở núi Tứ Minh, Ninh Ba, Triết Giang, nhiều đời xuất hiện cao tăng, đều lấy tên là Tuyết Đậu, nhưng thiền sư Tuyết Đậu trong công án Thiền tông là chỉ thiền sư Tuyết Đậu Trùng Hiên dòng chánh, không thể ngộ nhận được.

Đại sư Tuyết Đậu từ bi tâm thiết, truyền bá ý nghĩa Phật pháp không biết mệt mỏi, khiến cho người đời hiểu được ý nghĩa gốc của đời sống, ông lập nên nét riêng, mới lạ trong rừng Thiền. Học nhân, sĩ tử, nạp tử kỳ tăng khắp nơi, ganh đua phần đầu, dùi mài ẩn chứng.

Đại sư sau khi tới chùa Tuyết Đậu, trang nghiêm nơi đất Phật, không khí thay đổi trở thành Tổ đình mới của tông pháp Vân Môn Thiền Lâm. Bấy giờ, những môn phái Thiền tông khác đều suy tàn, duy có Vân Môn vẫn thịnh vượng, bởi vậy thiên hạ gọi là “Vân Môn trung hưng”.

Ban đầu, thiền sư Tuyết Đậu gặp thái thú Tăng Hội bên bờ Hoài Thủy. Tăng Hội hỏi: “Thiền sư, thầy đi đâu thế?”

Tuyết Đậu trả lời lễ phép rằng: “Có lẽ ra Tiền Đường, có thể tới Thiền Đài xem sao.”

Tăng Hội bèn kiến nghị: “Trụ trì chùa Linh Ẩn là thiền sư San rất tốt với tôi, tôi viết một lá thư đưa cho thầy mang đi, ông ta nhất định sẽ đối xử tử tế với thầy.”

Nhưng, khi thiền sư Tuyết Đậu tới chùa Linh Ẩn, lại không đưa thư giới thiệu ra cầu kiến trụ trì, cứ ở cùng với mọi người trong 3 năm. Sau 3 năm Tăng Hội vâng lệnh đi sứ Triết Giang bèn tới chùa Linh Ẩn để tìm Tuyết Đậu, nhưng các tăng trong chùa lại không ai biết về con người này. Tăng Hội không tin, bèn tự mình tới Phòng tăng chỗ mọi người ở, tìm đi tìm lại trong đám tăng chúng thấy được Tuyết Đậu bèn hỏi: “Tại sao thầy không đi gặp trụ trì mà trốn ở đây? Chẳng lẽ thầy làm mất thư giới thiệu của tôi rồi hả?”

Tuyết Đậu đáp: “Chẳng dám, chẳng dám, nhưng ta là tăng Tuyết Thủy, chẳng cầu điều gì, nên không thể làm người đưa thư của ông!”

Tuyết Đậu nói xong lấy lá thư giới thiệu chưa hề đựng tới đưa lại cho Tăng Hội, hai bên cười ha hả. Tăng Hội đưa Tuyết Đậu tới gặp thiền sư Sa trụ trì, thiền sư Sa rất yêu mến tài năng của ông, sau chùa Thúy Phong ở Tô Châu khi thiếu trụ trì bèn tiến cử Tuyết Đậu tới làm trụ trì ở đó.

TRÍ TUỆ THIÊN:

“Vô cầu phẩm tự cao”, cầu người chẳng bằng cầu mình. Chỉ cần tự mình cố gắng thì sợ gì tài hoa bị mai một, thứ trả giá sẽ có một ngày được đền đáp.

PHƯỜNG NHUỘM CAO VĨ

Thiền sư kể chuyện thường ngoài sức dự đoán, trong công án Thiền tông ở Nhật Bản của một câu chuyện tình kinh điển như thế này.

Thời Giang Hộ ở Nhật Bản, nghề kỹ thịnh hành trong xã hội. Loại nghề kỹ này đều tuyển lựa một cách kỹ càng những cô gái xinh đẹp, thông minh. Họ tinh thông cầm, kỳ, thư, họa, tâm lý, đa tình, chuyên phụ trách những hoạt động tiếp xúc với giới quan lại, quý tộc thượng lưu, có địa vị khá cao trong xã hội. Người ưu tú nhất trong số họ được gọi là “Đại phu”, chỉ có vương hầu, tướng tài mới có thể đi lại với họ.

Bấy giờ Giang Hộ nổi tiếng nhất là Đại phu Cao Vĩ. Nàng có quyền uy cực lớn, thường chỉ tiếp đãi những bậc chư hầu hoặc phú thương, mỗi lần tiếp đãi đều phải ra giá hàng 15 lượng vàng.

Có một thợ nhuộm tên là Lão Cửu. Cậu rất ngưỡng mộ Đại phu Cao Vĩ. Nhưng, với thân phận địa vị của mình, cậu không thể tiếp cận được với nàng, làm sao đây?

Về sau, cuối cùng cậu nghĩ ra một cách. Cậu bỏ ra 3 năm tần tiện, nhờ vào sự chăm chỉ, làm lụng của bản thân

để kiếm được 15 lượng vàng, sau đó nói dối rằng mình là một phú thương đến từ Đại Bản, muốn được tiếp xúc với Đại phu Cao Vĩ.

Kết quả mục đích của cậu thực sự đã đạt được. Lão Cửu cuối cùng gặp được người ngày đêm mong nhớ là Đại phu Cao Vĩ.

Khi chia tay, Đại phu Cao Vĩ nói với cậu: “Xin mời tới nữa.”

Người khác nói chung sẽ nói những lời như “ta sẽ lại đến nữa”, nhưng Lão Cửu thành thực trả lời: “Sau 3 năm ta mới có thể lại tới lần nữa...”

Đại phu Cao Vĩ vô cùng làm lạ, sau một hồi hỏi dồn mới biết được anh chàng này vì muốn gặp mình, đã phải làm cật lực trong 3 năm, vì thế năng vô cùng cảm động.

“Đội thiếp hết hạn được trở về tự do, thiếp sẽ lấy chàng. Để bày tỏ thủ tín, thiếp giao lại cho chàng 300 lượng vàng tích góp được để làm tin.” Cao Vĩ nói với Lão Cửu.

Về sau Đại phu Cao Vĩ làm hết hạn thuận lời, rồi lấy Lão Cửu. Hai vợ chồng đồng tâm hiệp sức, sáng lập ra phường nhuộm số 1 ở Giang Hộ.¹

1. Hang đá Mạch Tích Sơn - Một trong những hang đá Phật giáo nổi tiếng Trung Quốc - Hang đá núi Mạch Tích nằm ở thành phố Thiên Thủy phía đông tỉnh Cam Túc, vì ngọn núi ở đây có hình thù giống như gò mạch mà có tên như vậy. Hang đá núi Mạch Tích đã bắt đầu được kiến tạo từ thời Hậu Tần, sau thời vua Ngụy Hiếu

TRÍ TUỆ THIÊN:

Mọi sự đều có nhân quả, có được tiền nhân mới có thể có hậu quả. Thành thực là thiện nhân lớn nhất, tự nhiên sẽ có được thiện quả lớn nhất.

Văn dần dần phát triển hơn. Chết đá núi Mạch Tích chẳng dễ đục khắc, tượng Phật nói chung đều là đất nặn. Trải qua hàng nghìn năm, tượng đất không còn bị hư hại. Hang đá có 194 động, tượng đất nặn và đá khắc có hơn 7.000 pho, bích họa có hơn 1.300 m², đặc biệt với nghệ thuật đất nặn sở trường được mệnh danh là “Bảo tàng nghệ thuật tạo hình phương Đông”. Hang đá núi Mạch Tích là một nơi có nhiều chùa hang với cảnh sắc xinh đẹp ở Trung Quốc, được nổi tiếng với lầu Thất Phật, động Vạn Phật, đường Ngưu Kỳ, Tịch Lăng... Đất nặn với thủ pháp tạo hình truyền thần, thần và hình đều hoàn hảo, nội dung phản ánh cuộc sống sinh động nòng nân và điển hình của thể tục một cách triệt để. Thủ pháp tạo hình là dùng màu mà chẳng coi trọng màu, nét đặc sắc rất rõ rệt.

TẤT THẢY ĐỀU KHÔNG

Ra đời làm người đều chẳng phải vì chịu đựng đau khổ, mà nhằm cầu được hạnh phúc. Còn hạnh phúc như thế thường rất ngắn ngủi, đau khổ thường không dứt. Toàn nhân loại đều không biết nguyên nhân ở đâu? Vì thế, cả nhân loại hữu vô đồng nhiên, có người khổ vì có, chẳng có ai khổ vì không, mà căn nguyên của nỗi khổ là gì? Điều đó đòi hỏi con người ta phải tự mình thử nghiệm, dần dần ngộ ra cái lý của nó. Phủ định đau khổ, như thế mới dần dần thoát khỏi đau khổ, cầu được hạnh phúc.

Thiền sư Đạo Quang có một lần hỏi thiền sư Đại Chu Huệ Hải: “Thiền sư! Thầy bình thường dụng công, là tu đạo bằng trái tim gì thế?”

Đại Chu: “Lão tăng vô tâm khả dụng, vô đạo khả tu.”

Đạo Quang: “Đã vô tâm khả dụng, vô đạo khả tu, vậy tại sao hằng ngày còn phải tự chúng, khuyên răn người ta tham thiền tu đạo?”

Đại Chu: “Lão tăng trên chẳng có đến một viên ngói, dưới không có mảnh đất cắm dùi, đâu có chỗ nào có thể tự chúng?”

Đạo Quang: “Trên thực tế hằng ngày thầy tự chúng luận đạo, chẳng lẽ đó chẳng phải là thuyết pháp độ chúng?”

Đại Chu: “Thầy đừng có làm tôi oan uổng, ngay cả lời tôi cũng chẳng nói, làm gì có chuyện luận đạo? Ngay cả một người tôi cũng chẳng trông thấy, thầy làm sao nói tôi độ chúng chứ?”

Đạo Quang: “Thiền sư, thầy đừng có vọng ngữ nữa.”

Đại Chu: “Lão tăng ngay cả lưỡi cũng chẳng có, làm sao vọng ngữ được?”

Đạo Quang: “Chẳng lẽ trong trần thế, có tình thế gian, sự tồn tại của thầy và tôi, sự thực về việc tham thiền thuyết pháp đều là giả sao?”

Đại Chu: “Đều là thực!”

Đạo Quang: “Đã là thực, tại sao thầy đều muốn phủ nhận?”

Đại Chu: “Giả phải phủ định; thực cũng phải phủ định!”

Đạo Quang cuối cùng đại ngộ.

Thiền sư Đại Chu Huệ Hải phủ định mọi trang sức cho câu cú, đó chẳng phải là vọng ngữ, vì phủ định mọi thứ mới là khẳng định tất cả.¹

1. Tháp Xá Lợi Phất ở núi Tây, Bắc Kinh – Tháp này được xây dựng vào thời Liêu, gạch trên tháp và trên lộ bàn có khắc kinh văn, đều là những câu giảng giải về giáo nghĩa duyên khởi. Trên gạch tháp

TRÍ TUỆ THIỀN:

Nhất thiết vì không, chỉ có trong sự phủ nhận triệt để này mới có thể có được sự khẳng định tuyệt đối.

có khắc một bài kệ Duyên khởi, viết tắt của chữ Kệ Đà, với ý nghĩa: Chư pháp nhân duyên sinh, Duyên tạ pháp hoàn diệt, Ngô sư đại sa môn, Thường tác như thị thuyết. Trên Lộ bàn khắc một bài kệ bằng chữ Phạn. Thập Phật thời cổ đại nói chung đều khắc bài kệ này để cung phụng Xá Lợi. Vì, Phật từng nói: “Kiến duyên khởi tức kiến pháp, Kiến pháp tức kiến Phật”. Vì thế mà bài kệ này được gọi là bài kệ Pháp thân xá lợi. Đó cũng nói rõ Giáo nghĩa duyên khởi chiếm địa vị quan trọng trong Phật giáo.

TÂM TỊNH THÌ TỊNH

Có một tín đồ kiên thành, hằng ngày đều đem hoa tươi tới cúng Phật ở chùa, thiền sư Vô Đức hoan hỷ nói: “Theo Kinh điển ghi chép, người thường dâng hoa cúng Phật, kiếp sau được hưởng phúc với tướng mạo trang nghiêm.”

Tín đồ nói: “Con hằng ngày khi tới chùa lễ Phật, tự cảm thấy tâm hồn mình giống như được tẩy rửa tinh khiết, nhưng về tới nhà, lòng con vẫn phiền loạn. Xin hỏi thiền sư làm thế nào giữ được một trái tim tinh khiết trong thành phố ồn ào?”

Thiền sư Vô Đức hỏi lại: “Con cúng Phật bằng hoa tươi, rồi con làm sao để giữ được hoa tươi chứ?”

Tín đồ đáp: “Phương pháp giữ cho hoa tươi không cách nào khác ngoài phải thay nước hằng ngày, đồng thời khi thay nước phải cắt đi cuống hoa, vì đầu cuống hoa ngâm trong nước dễ bị thối rữa, sau khi thối rữa, khó hấp thu nước, dễ khô héo!”

Thiền sư Vô Đức nói: “Giữ cho một trái tim trong sạch, nguyên lý của nó cũng vậy. Hoàn cảnh sống của chúng ta giống như nước trong bình, chúng ta là hoa. Chỉ có không ngừng làm sạch thân tâm của chúng ta, thay đổi

khí chất của chúng ta, đồng thời không ngừng sám hối, kiểm điểm, thay đổi những thói quen xấu, khuyết điểm mới có thể không ngừng hấp thu được thực phẩm của thiên nhiên.”

Sau khi tín đồ nghe xong hoan hỷ ra lễ, rồi cảm tạ nói: “Cảm ơn thiền sư khai thị, hy vọng về sau có cơ hội được gần gũi thiền sư, được hưởng cuộc sống của thiền giả ở chùa, nghe tiếng chuông sớm trống chiều, sự bình yên qua những bài Phạn Bồ Đề.”

Thiền sư Vô đức nói: “Hơi thở của con chính là bài Phạn, mạch đập của con chính là tiếng chuông, tiếng trống, thân thể chính là chùa chiền, hai tai là Bồ Đề, chẳng đâu không bình yên cả, hà tất phải chờ cơ hội tới sống ở chùa nữa?”

Nếu bản thân không trừ được vọng tưởng, dù có ở trong chùa cỏ sâu trong núi, cũng không thể nào duy trì, coi trọng “hiện tại” được như thiền giả, hà tất chờ ngày mai? “Tham thiền chẳng cần nơi núi non, diệt được thì lửa lòng cũng mát”.

TRÍ TUỆ THIỀN:

Vị Tổ thứ 28 Bồ Đề Đạt Ma tới Trung Quốc, truyền tới Huệ Khả, cuối cùng tới Huệ Năng, những câu chuyện của họ khiến cho người ta tâm thần phiêu diêu. Câu Giáo ngoại biệt truyền, Bất lập văn tự, thực là chân cơ, như Pháp sư Hoàng Nhất nói: “Thiền chính là tự nhiên, chẳng hề miễn cưỡng!”

ĂN MÀY MUA BÁNH

Có một vị trưởng lão ở trong tự viện Thiền tông rất giỏi về làm bánh lớn. Bánh lớn làm ở tự viện của họ vừa thơm vừa ngọt, những hương khách lên núi rất thích, nườm nượp đi mua loại sản phẩm đó để thưởng thức, hương hỏa ở đây vì thế mà được hưng thịnh.

Một hôm, có một người ăn mày ăn mặc rách rưới từ nơi xa tới tự viện, nhao nhao lên đòi được thử ăn bánh lớn. Các tiểu hòa thượng thấy bộ dạng nhếch nhác, bản thiù của người ăn mày, không muốn cho vào trong nhà bếp, hai bên giằng co nhau mãi.

Bấy giờ trưởng lão xuất hiện, ông khuyên các đồ đệ: “Người xuất gia lòng dạ từ bi, các con tại sao có thể như vậy được?” Vì thế, ông đích thân chọn một chiếc bánh lớn cúng kính đưa cho người ăn mày ăn.

Người ăn mày vô cùng cảm động, sau khi ăn xong lấy ra 3 đồng duy nhất nói: “Đây là toàn bộ số tiền tôi đi xin được, hy vọng trưởng lão có thể nhận cho.” Vị trưởng lão thể mà cảm lấy, hai tay chấp lại nói: “Thí chủ lên đường bình an!”

Các đệ tử vô cùng buồn rầu, hỏi trưởng lão: “Đã bỏ thí cho kẻ ăn mày, làm sao còn nhận tiền cơ chứ?” Trưởng lão đáp: “Người ta chẳng ngại đến đây từ ngàn dặm, chỉ vì muốn được thưởng thức bánh lớn, bởi vậy, muốn cho người ta được ăn miễn phí; song, chẳng lẽ người ăn mày có lòng thượng tiến như thế, là người hiểu đạo đối nhân xử thế, nên phải nhận ba đồng của người đó chứ. Có được sự cảm kích vì được tôn trọng này, tương lai sự thành đạt của người ấy nhất định không thể lường được.”

Các đệ tử vốn chẳng cho như thế, trong lòng nghĩ sự phụ của mình thực là một lão hồ đồ, dường như đang nói mơ.

Mấy chục năm sau, có một thương nhân rất giàu sang chuyên lên núi bái tạ bữa ăn mang ơn năm đó, điều đó khiến cho rất nhiều lão hòa thượng lạ, người đó chính là tên ăn mày bỏ ra ba đồng để được ăn bánh lớn năm xưa.¹

-
1. Chùa và miếu có gì khác biệt – Trước khi Phật giáo truyền vào Trung Quốc, “Tự” là tên gọi của các Quan thự lúc bấy giờ. Theo truyền thuyết, thời vua Hán Minh, Thái Âm Lang Trung, Thái Cảnh mời cao tăng Pháp Lam và Nhiếp Ma Đằng của Thiên Trúc (nay là Ấn Độ) tới Đông Thổ truyền pháp. Vua Minh đích thân ra tiếp kiến hai vị cao tăng, sắp xếp họ tới ở chùa Hồng Lư. Từ đó về sau, “Tự” trở thành nơi tăng nhân chứa kinh, giảng Phật và cư trú. Nhà để cúng tổ tiên, thần vị thời cổ Trung Quốc gọi chung là miếu, vì miếu là nơi người ta tôn kính nhất, nên về sau, cung điện của vua cũng được gọi là “Miếu đường” hoặc “Lang miếu”. Đối sách của vua và đại thần cũng được gọi là miếu toán hoặc miếu nghị. Giữa miếu và chùa có những khác biệt về bản chất: chùa là nơi

TRÍ TUỆ THIỀN:

Bổ thí bánh lớn có thể khiến cho người ăn xin thoát khỏi nỗi khổ vì đói khát, nhận tiền bánh của người ăn mày lại có thể làm thỏa lòng tự tôn, xét về nhân cách con người. Ăn no bụng chỉ có thể giải quyết được nhu cầu nhất thời, còn lòng tự trọng xét về mặt tinh thần mới có thể động viên được con người cả đời.

tuyên giảng tôn giáo, đối tượng thờ tự là Phật, là chôn siêu nhiên ngoại thế; còn đối tượng thờ tự của miếu thần, là người được thần tượng hóa.

MỘT LÀNG HƯƠNG CÚC

Một hôm, thiền sư từ ngoại ô đem về cây hoa cúc, bèn trồng nó vào trong Thiền viện. Tới mùa thu năm thứ 3, cả Thiền viện đều nở đầy hoa cúc, dường như trở thành một vườn hoa cúc. Hương thơm ngát, người dân làng dưới núi đều có thể ngửi thấy mùi thơm của nó.

Vì thế, người dân làng lên núi thưởng thức hoa cúc, họ đều không khỏi khen rằng: “Hoa đẹp quá!”, đồng thời xin thiền sư cho vài cây đem về vườn nhà trồng. Sau khi được thiền sư đồng ý, họ liền đào gốc hoa lên. Người đến xin hoa đua nhau không ngớt, cứ như vậy chẳng bao lâu, hoa cúc trong Thiền viện bị đào hết.

Khu vườn chẳng có hoa cúc rõ ràng tịch mịch, sau khi các đệ tử thấy cả vườn thê lương thì than thở với thiền sư: “Đáng tiếc thật, vốn nơi đây tràn đầy sắc hương.”

Thiền sư cười, nói tiếp: “Như vậy càng tốt hơn! Sau ba năm có thể nơi đây sẽ là một làng cúc thơm.”

Sau khi các đệ tử nghe nói cũng nhìn thầy cười, nụ cười rạng rỡ làm sao.

TRÍ TUỆ THIỀN:

Một mình vui thú chẳng bằng mọi người đều vui, Nho gia cũng vậy, thiền giả cũng vậy.

PHIỀN NÃO CHÍNH LÀ BỒ ĐỀ

Có ba tín đồ mặt mày buồn trĩu tới nhờ Vô Đức khai thị cho cùng một vấn đề.

Thầy thiền sư bèn hỏi: “Xin hỏi thiền sư, làm thế nào mới có thể sống vui vẻ?”

Thiền sư hỏi lại: “Tại sao các vị sống thế?”

Tín đồ thứ nhất đáp: “Vì con chẳng muốn chết, nên sống ạ.”

Tín đồ thứ hai đáp: “Vì con muốn con cháu đầy nhà khi về già, sẽ tốt hơn bây giờ, nên con sống.”

Tín đồ thứ ba đáp: “Vì cả nhà con dựa vào con. Con không thể chết, nên con sống.”

Thiền sư nói: “VẬY, các con mãi mãi cũng chẳng thể sống được sung sướng đâu.”

Ba người bỗng không còn thấy buồn nữa, nhờ thiền sư khai thị.

Thiền sư lại nói: “Các con sống trong nỗi sợ chết, đợi chờ tuổi già và bức bối trách nhiệm, những cái đó đều chẳng phải là ước nguyện của lòng mình. Chúng chẳng có

lý tưởng gì, chẳng có ý nghĩa gì, sinh mạng đó làm sao có thể có được sung sướng chứ?”

“Niềm vui mà các con quan niệm là gì?” Thiền sư hỏi tiếp.

Người thứ nhất nói: “Con cho rằng có tiền sẽ có được niềm vui.”

Người thứ hai nói: “Con cho rằng có tình yêu sẽ có được niềm vui.”

Người thứ ba nói: “Con cho rằng có danh tiếng mới có được niềm vui.”

Thiền sư nói: “Chẳng phải vậy, nếu con đợi tới sau khi mình có được những thứ đó, sẽ càng đau khổ hơn.”

Ba người lại mù tịt, khẩn cầu thiền sư giáo hóa.

Thiền sư nói: “Nếu sau khi các con có được tiền bạc, ái tình, danh tiếng, phiền não, u uất, thậm chí những dục vọng lớn hơn sẽ không ngừng bám theo các con, đương nhiên càng đau khổ hơn. Nếu muốn thoải mái tất phải có quan niệm từ bỏ, làm chuyển hóa tư tưởng. Tiền bạc phải được bố thí mới có được niềm vui, ái tình phải dâng tặng mới đem lại niềm vui, danh tiếng phải dùng để phục vụ mọi người mới thấy sung sướng, các con sẽ làm được chăng?”

Ba tín đồ liền đốn ngộ.

TRÍ TUỆ THIỀN:

Theo đuổi vạn vật nơi thế gian đều không thể miễn cưỡng, mọi thứ đều phải thuận theo lẽ trời. Dâng tặng mới có được sự đền đáp, muốn được báo đáp thì phải ban phát cho người, tuần tự xoay chuyển như thế mới có được niềm vui sướng. Thiết lập lý tưởng chân chính, có ý nghĩa, tiến thủ tích cực mới loại trừ được phiền não, cầu được thoải mái.

RĂNG ĐẸP ĐẦY HÀM

Thiền sư Phật Quang đối với tín chúng xưa nay rất từ bi, đặc biệt quan tâm tới những việc bốc thuốc chữa bệnh, người đi học xa, những nhu cầu thường nhật, mọi việc đều suy xét chu đáo, đốc thúc chấp pháp giả thường trú phải cung ứng cho các đệ tử thức ăn, đồ mặc, không được để cho thiếu thốn để họ có được cuộc sống lý tưởng của tăng đoàn và đồng quân.

Một hôm thầy cai quản về kế toán đem đến một chồng hóa đơn thu tiền, trau mày nói với thiền sư: “Thầy ạ! Gần đây những người bị bệnh đau răng rất nhiều, mặc dù đau răng chẳng phải bệnh nặng, nhưng đau lại rất khó chịu. Thường trú cố gắng tạo điều kiện cho mọi người, ngắt nổi thuốc chữa đau răng vô cùng đắt đỏ, một người trồng vài cái răng, cần tới hàng trăm nghìn đồng, thực tế phải lo toan rất lớn.”

“Không thể lo toan cũng phải nghĩ cách lo toan.” Thiền sư giữ ý kiến của mình.

Kế toán lại nói: “Những người này được hưởng ân trạch Thường trú, không chỉ không biết báo đáp, nói lời hay ý đẹp, ngược lại còn phê bình Thường trú, không hài

lòng về họ. Theo con, thực chẳng đáng bỏ ra đồng tiền oan uổng này cho họ.”

Thiền sư Phật Quang như nói một mình: “Những người này trong miệng tuy nói ra những lời chẳng đáng nói, nhưng lại không thể không lấp cho họ một hàm răng đẹp!”

Thay răng tốt cho mọi người, cho mọi người đều được hưởng cái đẹp của cuộc đời, đó là niềm vui của thiền. Còn chúng sinh có thể nói những lời hay ý đẹp để báo đáp hay không, đối với những vị thiền sư thâm hiểu sâu sắc sở đắc của cái không chẳng đáng để bụng, đó là việc thân nhiên như không của nhà tăng mà.¹

-
1. Phật giáo Tiểu thừa - Phật giáo Tiểu thừa nói chung chủ trương “Ngã không pháp hữu”, tức phủ định chủ đề tinh thần chủ quan của cá nhân, nhưng đối với việc phủ định thế giới khách quan lại chưa triệt để, có bộ phận Phật giáo Tiểu thừa thông qua phương pháp “phân tích” để phủ định sự vật khách quan, trên thực tế lại thừa nhận sự tồn tại “cực nhĩ” của nhân tố tổ hợp cơ bản trong sự vật, có khuynh hướng tư tưởng duy vật. Phật giáo Tiểu thừa cho rằng, sự giải thoát của chúng sinh nằm ở sự tu luyện bản thân, cuối cùng đạt tới Niết bàn, vì thế mà thoát khỏi luân hồi, giải thoát đau khổ. Về mục đích tu hành, Phật giáo Tiểu thừa coi việc chứng đắc quả “A La Hán” là mục tiêu cao nhất trong tu hành. Kinh điển chủ yếu của nó có: “Kinh Trường a hàm”, “Kinh Trung a hàm”, “Kinh Tăng nhất a hàm”, “Kinh Tạp a hàm”...

TRÍ TUỆ THIỀN:

Chư Phật thánh hiền chỉ mong được phục vụ chúng sinh, không chỉ vì muốn chúng sinh được thay một hàm răng đẹp, quan trọng là muốn chúng sinh được thay một trái tim tốt, Phật tính tốt.

CHẤP MÊ KHÓ NGỘ

Có một người đi ra ngoài làm việc, vượt non lội suối, thật vất vả. Vừa lúc ngang qua dốc núi cheo leo, không cẩn thận bị rớt xuống cốc sâu. Con người này thấy mạng sống đang bị lâm nguy, hai tay vói lên không chung, đứng lúc bám được một cành cây khô trên vách núi, coi như có thể giữ được tính mạng. Nhưng, cuối cùng vách núi giữa không trung, không thể lên xuống được.

Bỗng thấy Phật Tổ đang đứng trên vách núi, nhìn mình với vẻ từ bi. Người này liền cầu cứu nói: “Phật Tổ, xin ngài nhũ lòng từ bi cứu con đi!”

Phật Tổ nói: “Cứu con không khó, nhưng con phải làm theo lời chỉ bảo của ta.”

Người đó bèn nói: “Đã tới nước này, con làm sao dám không nghe lời chứ? Con sẽ nghe theo lời ngài hết.”

“Vậy, con hãy buông tay bám vào cành cây ra đi!” Phật Tổ nói.

Người đó vừa nghe, trong bụng nghĩ, bỏ tay ra tất sẽ rơi xuống vực sâu vạn trượng, ngã tan nát xương thịt, đâu còn giữ được mạng sống? Vì thế, càng ra sức bám chặt

cành cây hơn, Phật Tổ thấy người này chấp mê khó ngộ, chỉ còn biết bỏ đi.

Nếu có được ý kiến của trưởng giả nhiều công đức, chớ đừng coi thường, phải tranh thủ tiếp thu kinh nghiệm tốt đó, tất có thể giải được nghi hoặc trước mắt. Nếu tự kiêu căng, hoặc chấp mê khó ngộ, tất sẽ khó thoát khỏi cảnh khốn đốn.¹

TRÍ TUỆ THIÊN:

Phật nói, Nhất thiết pháp, vi độ nhất thiết nhân, chấp pháp bất ngộ, thực vi tự tính sở bất ngộ, tiện nan dĩ ngộ Phật, nan dĩ đắc độ, khả thán khả liên. Quay đầu là vách, nhất định phải tự tỉnh tự ngộ, giải tỏa nghi hoặc chính tại đây.

-
1. “Kinh 42 chương”, kinh điển Phật giáo được dịch sớm nhất ở Trung Quốc. Toàn bộ có 42 chương, gói gọn trong cuốn 17 “Đại chính tạng”, nên được gọi là Kinh 42 chương. Nội dung từng chương đơn giản thiết yếu, dài nhất chỉ có hơn trăm chữ, ngắn nhất có hơn 20 chữ. Điểm quan trọng trong kinh nói rõ giáo nghĩa cơ bản của Phật giáo trong thời kỳ đầu, trọng điểm nói về Chính quả của Sa môn, Thiện ác chư nghiệp, Tâm chính, Viễn ly chư dục, nhân mạng vô thường... trình bày yếu nghĩa của việc xuất gia tu đạo với phương thức thuyết lý, bình dị sáng sủa, là cuốn sách nhập môn Phật giáo.

BẢO TÀNG BẢN TÍNH

Thiền sư Thạch Ốc đi ra ngoài gặp một chàng trai, mãi nói chuyện không để ý trời đã tối, hai người vì vậy phải vào nhà trọ nghỉ.

Nửa đêm, thiền sư nghe thấy có người thúc tay đập chân vào phòng mình, thiền sư hét lên: “Ai?”

Người đó sợ quá quỳ thụp xuống, thiền sư lật chiếc vải đen che mặt người ấy ra vừa nhìn, thì ra là chàng trai đi cùng mình ban sáng.

Thiền sư Thạch Ốc nói: “Ấy! Thì ra cậu là tên ăn trộm, từ trước tới nay cậu đã trộm được bao nhiêu vụ rồi?”

Chàng trai đáp: “Không đếm xuể.”

Thiền sư Thạch Ốc hỏi: “Mỗi lần trộm, có thể sung sướng được bao lâu?”

Chàng trai đáp: “Thế thì phải xem thứ lấy được giá trị bao nhiêu!”

Thiền sư Thạch Ốc hỏi dồn: “Lúc đã nhất có thể kéo dài bao lâu?”

Chàng trai đáp: “Vài ngày thôi, sau đó vẫn chẳng sung sướng gì.”

Thiền sư Thạch Ốc nói: “Vốn là một tên trộm, tại sao không làm một mẻ lớn?”

Chàng trai hỏi: “Thầy có kinh nghiệm không? Thầy trộm tất cả bao nhiêu lần rồi?”

Thiền sư Thạch Ốc trả lời: “Chỉ có một lần.”

Chàng trai nghi hoặc nói: “Chỉ có một lần, như vậy có đủ dùng chăng?”

Thiền sư Thạch Ốc đáp: “Mặc dù chỉ có một lần, nhưng cả đời dùng không hết.”

Chàng trai hỏi gấp: “Thứ đó lấy được ở đâu vậy? Có thể dạy cho tôi được chứ?”

Thiền sư bỗng nắm chặt lấy ngực áo chàng trai, nói nghiêm khắc: “Cái này người hiểu không? Đó là bảo bối vô cùng vô tận, người nên dâng tặng một đời chân chính cho sự nghiệp, cả đời dùng chẳng hết, hiểu chưa?”

Thực là một câu làm người trong mộng thất kinh tỉnh giấc. Tham lam những tài sản ngoài mình, tự tâm vốn là một bảo tàng vô cùng mà chẳng hay biết, thường vì những khoái lạc nhất thời mà lâm vào đường rẽ, đánh mất bản tính, như thế làm sao có được niềm vui mãi mãi chứ? Người này từ đó cải tà quy chính bái hòa thượng Thạch Ốc làm thầy, về sau thế mà trở thành một thiền tăng nổi tiếng.

TRÍ TUỆ THIỀN:

Khi chúng ta cho rằng mình chẳng có gì, chúng ta đừng quên, chúng ta còn có một tâm hồn cao quý. Thất bại đáng là gì, chỉ bằng làm lại từ đầu. Chúng ta chớ dừng tự mình cam chịu vấp ngã, tin hay không tùy bạn, thiên đường và địa ngục cùng tồn tại trong một quan niệm.

TÂM TÍNH KHÓ ĐÚC

Người có tâm thiện, chẳng ngại nhân gian hủy hoại danh dự, mưu cầu những cái mình bạch để cứu nhân độ thế, tấm lòng này có được bao người hiểu?

Thiền sư Nguyệt Thuyền là một họa sĩ nổi tiếng, nhưng ông từng nói: “Vẽ hổ vẽ da khó vẽ xương, vẽ người vẽ mặt khó vẽ lòng.” Đó không chỉ nhằm thể hiện mục đích theo đuổi về nghệ thuật của ông, mà vốn còn có một tầng ý nghĩa sâu sắc hơn thế.

Thiền sư Nguyệt Thuyền có một thói quen, trước khi vẽ tranh, tất kiên trì nguyên tắc người mua phải trả tiền trước, nếu không chẳng chịu động bút. Một hôm, có một nữ sĩ nhờ thiền sư Nguyệt Thuyền giúp mình vẽ một bức tranh, thiền sư Nguyệt Thuyền hỏi: “Cô có thể trả được bao nhiêu tiền thù lao?”

“Thầy muốn bao nhiêu trả bấy nhiêu!” Nữ sĩ đó trả lời một cách khinh miệt, “nhưng, tôi muốn thầy tới nhà tôi để múa bút trước bàn dân thiên hạ.”

Thiền sư Nguyệt Thuyền chấp nhận đi, vốn cô gái đó đang tiếp khách ở nhà, thiền sư Nguyệt Thuyền đem cây bút tốt đi vẽ tranh cho cô, sau khi vẽ xong, khi cầm thù lao

chuẩn bị ra đi, nữ sĩ đó nói với mọi người: “Họa sĩ này chỉ biết tiền, mặc dù vẽ đẹp, nhưng bụng dạ dơ bẩn; tiền bạc làm ô nhiễm thiện mỹ của thầy ta, còn vọng cuồng muốn làm một cao tăng. Loại tác phẩm được sáng tác bởi tâm hồn dơ bẩn này không đáng được treo ở phòng khách, nó chỉ có thể dùng để trang sức cho chiếc váy của tôi.

Nói rồi cởi chiếc váy của mình đang mặc ra, muốn thiên sư Nguyệt Thuyền vẽ tranh vào sau nó, thiên sư Nguyệt Thuyền bèn hỏi: “Cô trả bao nhiêu tiền?”

Nữ sĩ đáp: “Tùy thầy muốn bao nhiêu.”

Nguyệt Thuyền đưa ra một giá vô cùng cao, sau đó vẽ một bức tranh theo yêu cầu của nữ sĩ, vẽ xong lập tức ra đi.

Mọi người đều nghi hoặc, tại sao vị cao tăng lại hám của đến thế? Mà chẳng hề để ý gì đến bất cứ sự sỉ nhục nào?

Thì ra, nơi ở của thiên sư Nguyệt Thuyền thường bị mất mùa, người giàu không chịu bỏ tiền ra cứu giúp người nghèo, vì thế, ông dựng một cái kho, chứa gạo để dùng vào việc cứu tế. Rồi vì thầy của ông khi còn sống phát nguyện xây một ngôi chùa, nhưng không may đã qua đời trước khi trí nguyện được hoàn thành, thiên sư Nguyệt Thuyền muốn hoàn thành tâm nguyện của thầy.

Sau khi nguyện vọng của thiên sư Nguyệt Thuyền được hoàn thành, liền vứt bỏ bút vẽ, lui về núi rừng ở ẩn,

từ đó không còn vẽ tranh nữa. Sau khi nữ sĩ đó biết chuyện, trong lòng áy náy không thôi, nhưng cũng ngộ ra được.

TRÍ TUỆ THIỀN:

Tiền bạc là thứ bỉ ổi, cũng là cái có thể dùng; lòng là thứ trong sạch, cũng là thứ từ bi. Trong xã hội phồn tạp ngày nay, người đời làm gì còn để ý tới những lời nói vô tội vạ của tha nhân, lòng sạch tự tĩnh, trong lòng có cái tôi, tự nhiên cũng có thể an lòng hiểu được.

TÂM TÍNH NHƯ MỘT

Có một học tăng tới chỗ quốc sư Huệ Trung ở Nam Dương theo học, nhờ thị đạo: “Thiền là tên gọi khác của tâm, còn tâm là ở Phật bất tăng, phàm trong thực tính chân như không suy giảm, các tổ sư Thiền tông đem Tâm này đơn giản hóa thành Tính, xin hỏi thiền sư, tâm và tính có gì khác biệt?”

Huệ Tăng chẳng hề né tránh đáp: “Khi mê thì có khác biệt, khi ngộ thì chẳng khác biệt.”

Học tăng lại hỏi thêm: “Trong kinh nói: Phật tính thị thường, Tâm thị vô thường, tại sao thầy nói là không khác biệt chứ?”

Quốc sư Huệ Trung nhẫn nại lấy ví dụ để minh họa: “Anh chỉ để ý tới lời nói mà chẳng coi trọng ý nghĩa, chẳng hạn khi lạnh nước kết thành băng, khi ấm băng tan ra thành nước; khi mê tính kết thành tâm, khi ngộ, tâm hòa ra thành tính, tâm tính bản đồng, dựa vào mê ngộ mà có khác biệt.” Học tăng cuối cùng đã thể hội được tâm.

Mê ngộ mặc dù có khác biệt, tâm tính thì vô thường. Như vàng là một, nhưng có thể làm ra khuyên tai, nhẫn, vòng đeo tay, các thứ kim loại khác nhau, nên kim loại tuy

khác nhau, nhưng thực đều là vàng cả. Rõ ràng ở đây, tâm và tính tuy khác, thực đều là bản tính của chúng ta cả.

Trong Phật giáo, biệt danh của tâm tính có rất nhiều, như “Bản lại diện mục”, “Như lai tàng”, “Pháp thân”, “Thực tướng”, “Tự tính”, “Chân như”, “Bản thể”, “Chân tâm”, “Bán nhược”, “Thiền”... Chúng đều chẳng ngoài việc dùng nhiều cách khác nhau để muốn chúng ta nhận thức được mình.

TRÍ TUỆ THIỀN:

Tức tâm tức Phật, tâm tính nhất như, Phật tính bình đẳng, tự tín tự lập, đó chính là tư tưởng cơ bản của người tu hành.

GIÁO DỤC THIỀN

Trong thiền viện nơi thiền sư Tiên Nhai ở có một Học tăng thường nhân lúc trời tối lén trèo qua tường ra ngoài vui chơi. Khi thiền sư Tiên Nhai đi kiểm tra đêm phát hiện góc tường có một chiếc ghế cao, mới biết có người trốn ra ngoài. Ông chẳng làm kinh động tới người khác, tiện tay cất chiếc ghế đi, mình thì đứng ở chỗ cái ghế chờ Học tăng về.

Đêm khuya khi học tăng đi chơi trở về, không biết chiếc ghế đã cất đi rồi, vừa nhảy xuống thì đập lên đầu thiền sư Tiên Nhai, rồi nhảy tiếp xuống đất, lúc đó mới nhìn rõ thiền sư, cuống quýt chẳng biết làm sao.

Nhưng, thiền sư Tiên Nhai chẳng hề trách cứ mà an ủi nói: “Đêm khuya sương nặng, cẩn thận sức khỏe, đừng để bị lạnh, nhanh về mặc thêm quần áo vào đi.”

Một lần khác, có đôi vợ chồng đang cãi cọ nhau. Thiền sư Tiên Nhai khuyên đôi vợ chồng đang cãi nhau nói, băng tuyết dày hơn, khi mặt trời lên còn bị tan; cơm nguội hơn, khi củi đốt sẽ nóng chín. Vợ chồng có duyên mới sống cùng nhau, phải làm mặt trời để sưởi ấm người kia; làm lửa để làm người kia nóng nản. Hy vọng hai vợ

chồng kính trọng thương yêu nhau!” Bấy giờ đôi vợ chồng này không cãi nhau nữa, trở về cuộc sống bình yên.¹

TRÍ TUỆ THIÊN:

Giáo dục tốt nhất chính là tình yêu, với cách động viên thay cho trách mắng, dùng sự quan tâm thay cho trừng phạt, để đem lại hiệu quả giáo dục hơn.

-
1. Tại sao hòa thượng gõ mõ – Mõ là một loại pháp khí trong Phật giáo, tất cả có hai chiếc. Chiếc thường thấy nhất là hình tròn, lớn nhỏ khác nhau, chiếc lớn đặt ở Phật điện, chiếc nhỏ đặt ở Phật án. Cả hai chiếc đều làm bằng gỗ cứng, trong rỗng, khi hòa thượng tụng kinh thì phải gõ mõ, nó phát ra những âm thanh ngân nga. Tác dụng của nó là nhằm tạo ra tiết tấu và điều tiết âm lượng đọc kinh. Hòa thượng gõ mõ ngoài mục đích trên ra, còn có hàm nghĩa sâu sắc hơn, đó chính là việc “Tự cảnh”. Vì “Cá (mõ) đêm ngày chẳng hề nhắm mắt, cũng muốn người tu hành đêm ngày không ngủ hướng tới đạo”. Câu nói này đã quá rõ, “những “Cảnh chúng” và “Tự cảnh” (không ngủ) trong tu hành của tín đồ Phật giáo chính là nội hàm tôn giáo qua việc gõ mõ.

THIỀN MÔN TĨNH MẶC

Lưu Vương Hậu Hán thời Ngũ đại giữ thiền sư Vân Môn và mọi người trong chùa vào cung nghỉ hè.

Sau khi các pháp sư vào cung, được cung nữ lễ phép hỏi về Pháp, đặc biệt Lưu Vương là người sùng tín trọng pháp, nên việc tu Thiền thuyết pháp diễn ra hằng ngày. Vì thế ngày đêm râm ran ríu ran, vô cùng náo nhiệt.

Thị túc trong chùa cũng thuyết pháp cho cung nữ và Thái giám. Nhưng, duy có thiền sư Vân Môn lại tọa thiền yên lặng một bên, khiến cho các cung nữ không dám thân cận nhờ khai thị.

Có một vị quan Trục điện cố tình hỏi thiền sư Vân Môn về Pháp yếu, thiền sư Vân Môn vẫn trầm mặc, quan Trục điện không những không cho là càn, ngược lại càng tôn kính thêm và dán một bài thơ trước điện Bích Ngọc: “Đại trí tu hành thủ thị thiền, Thiền môn nghi mặc bất nghi huyền, Vạn bản xảo thuyết tranh như thực, Thân khước Thiền môn tổng bất ngôn.”

Thiền giả, trầm mặc như sấm, tuy chẳng thốt lời, thực là sự khai thị như sấm động trời, bậc tu thiền cao siêu chân chính, xưa nay như mây ngàn hạc nội, khi ở trong núi rừng,

khi ở bên ven sông, ba bộ quần áo, di chuyển tùy duyên, dù cho Pháp duyên thù thắng, Vương cung lầu son, cũng chẳng bị mê hoặc, không bị lung lay bởi quyền uy. Đó mới là chính đạt tới cảnh giới Thiền chân chính, tất được người đời sùng kính.¹

TRÍ TUỆ THIỀN:

Tĩnh mặc là phương thức, phương pháp điều tiết tốt nhất của thiền gia, trước tiên động công, sau tĩnh công, trước đứng sao ngồi, trước Ngân bàn sau Kim bàn, dần dần tiến tới cảnh giới tĩnh tọa tu trì, tu tới cảnh giới vô nhân vô ngã, tà ma bên ngoài không thể xâm nhập.

-
1. “Đại tạng kinh” - “Đại tạng kinh” là sách kinh điển quan trọng của Phật giáo, là tên gọi chung của mọi loại kinh. Vì được tổ hợp bởi ba bộ phận “Kinh”, “Luật”, “Luận”, bởi vậy cũng gọi là “Tam tạng kinh” hoặc “Kinh tạng”. Trong đó, nó nhằm chỉ lý luận tu hành của Phật gia, Luật nhằm chỉ những quy tắc mà Phật gia phải tuân thủ, Luận nhằm chỉ các trước tác của các nhà luận bàn về Phật giáo, Tạng nhằm chỉ ý nghĩa nội tạng dung nạp. “Đại tạng kinh” không chỉ có nội dung phong phú, mà còn bao hàm những Trân bản, Cô bản hiếm có trên đời, bảo tồn rất nhiều kinh điển Phật giáo đã sớm bị thất truyền ở Ấn Độ. Ngoài thư tịch Phật giáo, cũng bao quát một số thư tịch ngoài Phật giáo như Triết học, Văn học, Nghệ thuật, Ngôn ngữ, Lô gích, Thiên văn, Lịch toán, Y học, Công nghệ, Kiến trúc...

MẮT TỤC KHÔNG TRÔNG

Khi Phật Tổ ở hội Linh Sơn, cầm một viên ngọc Ma Ni thập sắc trong tay, hỏi Thiên vương bốn phương rằng: “Các vị xem xem viên Ma Ni này có màu gì?”

Thiên vương bốn phương sau khi xem xong, mỗi người nói một khác, là xanh, vàng, đỏ, trắng, Phật Tổ thu viên Ma Ni về, buông tay hỏi tiếp: “Viên Ma Ni trong tay ta bây giờ có màu gì?”

Thiên vương bốn phương không hiểu Phật Tổ có ý gì, đều đồng thanh đáp: “Phật Tổ! Trong tay ngài bấy giờ chẳng có gì cả, làm gì có viên ngọc Ma Ni nào?”

Phật Tổ nói thực với Thiên vương bốn phương rằng: “Ta đưa viên ngọc thể tục thường cho các vị xem, các vị đều phân biệt được màu sắc của nó, nhưng hòn ngọc quý thực sự trước mắt các vị, thì chẳng thêm để ý, đó là điều điên đảo biết bao!”

Sau khi Thiên vương bốn phương nghe xong đều cảm ngộ.

Ngọc Ma Ni được dùng để ví như Phật tính chân tâm của chúng ta. Mọi người nơi thế gian hằng ngày đều bận

rộn, nên những thứ mong cầu chẳng ngoài vinh hoa phú quý.

TRÍ TUỆ THIỀN:

Thiền coi trọng bản tâm đồn ngộ, triệt kiến tự tính. Còn người đời thường khó thoát khỏi sự mê hoặc của sắc, dục, lợi, quần quanh đánh mất tự tính. Thiền khởi phát tự tính cho mọi người, khai giải quan nhân, quan sự, quan vật, quan cảnh, quan lý, quan tâm của chúng ta, phải thật lòng tự tại.

GIỌT NƯỚC KHAI NGỘ

Thiền sư Nghi Sơn là người rất sạch sẽ, mỗi buổi chiều thường tắm rửa sáng khoái.

Một hôm, vì nước tắm nóng quá, ông gọi cậu đệ tử cạnh mình mang lại xô nước lạnh.

Cậu đệ tử này vâng lời mang đến xô nước lạnh, lấy nước nóng để tắm, sau đó tiện tay té chỗ nước thừa ra nền đất.

Nghi Sơn thấy vậy, giận trách mắng: “Khờ quá, tại sao để phí một giọt nước! Mọi sự vật lớn nhỏ khác nhau đều có chỗ đắc dụng, sao không vận dụng linh hoạt? Tươi cây cây cũng mát lòng, tươi hoa hoa cũng hoan hỷ, đồng thời nước cũng sống được.”

Nghe thấy vậy, cậu đệ tử trẻ tuổi ngộ ra, vì thế đổi pháp hiệu của mình thành “Trích Thủy.” Vị hòa thượng này chính là “hòa thượng Trích Thủy” sau này được người đời tôn trọng.

TRÍ TUỆ THIỀN:

Hành động của mình đối với người khác những lúc cần có thể nói giống như “tặng củi khi lạnh” vậy.

ĐÓ CHÍNH LÀ ĐỊA NGỤC

Thiền sư Bạch Ẩn là thiền tăng thời kỳ Giang Hộ của Nhật Bản, cũng là tổ sư trung hưng của pháp Lâm Tế. Ông không màng danh lợi, cả đời ở trong những ngôi miếu nhỏ nơi thôn quê, phổ độ chúng sinh bằng cách viết lách và thuyết pháp. Môn hạ của ông như Đông Lĩnh Viên Từ, Nga Sơn Từ Tiêu... đều là những người tài trí xuất chúng.

Có một võ sĩ tới viếng thăm thiền sư Bạch Ẩn nổi tiếng, nhờ ông thỉnh thị nói: “Thiền sư, địa ngục và cực lạc thầy nói rốt cuộc có thực không, hay là bịa đặt thế? Nếu là thực, có thể đích thân đưa tôi đi thăm quan một lần chứ?”

Thiền sư Bạch Ẩn liền dùng lời lẽ ác độc công kích đạo đức phẩm hạnh của võ sĩ, trách hấn là hạng ngụy quân tử hư danh, tên lưu manh lừa tiền hámsắc.

Võ sĩ vô cùng kinh ngạc, nhưng vẫn nhẫn nại, cố gắng khắc chế mình bằng phẩm hạnh vốn có của một võ sĩ, không nổi giận.

Chẳng ngờ tới lúc thiền sư Bạch Ẩn chửi cho sừng miệng, chọc đến mức nói kiếm của võ sĩ đến cả chuột cũng chém không chết, còn mặt mũi nào hỏi về đạo tham thiền.

Võ sĩ không nhin được nữa, bèn tuốt kiếm ra khỏi vỏ muốn giết thiền sư Bạch Ẩn, chửi rằng: “Tên đầu trọc này thực là đồ vô lại! Ta khiêm tốn thành khẩn tới hỏi về đạo, người làm sao có thể ngậm máu phun người?”

Võ sĩ trợn trừng hai mắt rục máu, toàn thân sát khí đằng đằng, mũi kiếm trở vào mũi thiền sư, từng bước ép thiền sư Bạch Ẩn vào một góc.

Thiền sư Bạch Ẩn nấp sau một cây trụ, mặt chẳng hề đổi sắc nói: “Chẳng phải anh muốn tôi đưa anh đi tham quan địa ngục sao? Anh thấy đó, bây giờ chẳng phải là địa ngục thì là gì?”

Võ sĩ vừa ngỡ ngàng, phát giác ra mình đã thất thái, hiểu rõ được khổ tâm của thiền sư, vội vàng quỳ xuống xin lỗi nói: “Xin thứ lỗi, thiền sư! Vừa rồi là tôi đã lỡ mồm thất thái! Xin lượng thứ.”

Thiền sư Bạch Ẩn cười mỉm, nói: “Anh thấy đó, đây chính là cực lạc!”

Thiền ngữ có câu: Niệm chính thiên đường lộ, niệm tà địa ngục môn, vạn pháp do tâm sinh, vạn sự do tâm diệt. Khi cái thiện khởi phát cũng chính là thiên đường cực lạc, cái ác nổi lên chính là địa ngục Tu la. Thiền sư Bạch Ẩn muốn nói với võ sĩ sự thực là đây.¹

1. “Kinh Kim cang Ban nhược bà la mật” do Cưu Ma La Thập đời Hậu Tần dịch, gọi tắt là kinh Kim cang ban nhược, kinh Kim cang, được chép ở quyển 8 của “Đại chính tạng” với nội dung đề cập

MỌI THỨ ĐỀU VÌ CÁI TÔI

Thiền sư Đạo Khiêm kết bạn với Tông Viên đi hành hương, trên đường vì Tông Viên không chịu được cái khổ phải lội suối trèo non, nhiều lần gây sự muốn đòi về.

Đạo Khiêm an ủi anh nói: “Chúng mình đã phát tâm đi tham học, đồng thời cũng đã đi được đoạn đường dài như thế, bây giờ giữa đường bỏ về thực đáng tiếc lắm. Như vậy nhé, bắt đầu từ bây giờ, nếu những việc có thể làm được thay anh trên đường, ta nhất định sẽ làm, nhưng chỉ có bốn việc ta không thể giúp được.”

Tông Viên hỏi: “Là bốn việc gì vậy?”

Đạo Khiêm nói rất tự nhiên rằng: “Mặc quần áo, ăn cơm, đi tiểu, đi đường.”

Lời của Đạo Khiêm cuối cùng giúp cho Tông Viên đại ngộ liền, từ đó chẳng còn dám kêu khổ nữa.

tới nguyên lý Nhất thiết pháp vô ngã. Xưa nay nói rằng kinh này có rất nhiều, đặc biệt được coi trọng hơn từ thời Huệ Năng, vị tổ thứ 6 của Thiền tông. Kinh văn của cuốn kinh này từ “Như thị ngã văn” tới “Quả báo diệc bất khả tư nghị” là nửa đầu, từ “Nhĩ thời tu nhược đề bạch Phật ngôn” tới hết cuốn là nửa cuối, theo những nghiên cứu của các học giả các đời, thì những câu nói trong kinh văn và ý nghĩa của nó rõ ràng có những biểu hiện khác thường.

Thiền nói, duyên khởi được hình thành bởi mê đồ thường là vì mình, kẻ thù lớn nhất chính là bản thân.

TRÍ TUỆ THIỀN:

Vàng theo nước triều chảy lại, cũng phải sớm đào nó lên. Trên thế gian chẳng có thành tựu nào mà chẳng phải bỏ công sức cả, lâu cao vạn trượng bắt đầu từ đất bằng, đường xa vạn lý khởi đầu bằng từng bước. Sống chết, phiền não, người khác chẳng thể nào thay thế được, mọi việc đều phải dựa vào mình.

SƯ CÔ LÀ NỮ

Thiền sư Trí Thông trong khi trở về tham thiền nơi thiền sư Quy Tông, một tối lên tuần đường la lên rằng: “Ta khai ngộ rồi! Ta khai ngộ rồi!”

Nhiều tăng nhân nghe thấy vậy lúc nửa đêm lấy làm ái ngại. Hôm sau lên đường, thiền sư Quy Tông tập hợp mọi người hỏi: “Đêm qua ai tự nói rằng mình đã khai ngộ, xin hãy đứng lên đi!”

Trí Thông chạy ra, nói liền rằng: “Là con!”

Quy Tông cho rằng ông đã ngộ tới thiền chỉ cao sâu làm sao, hỏi: “Thầy ngộ gì vậy?”

Trí Thông đáp: “Đạo của ta ngộ không thể nói được.”

Quy Tông nói: “Như Lai giảng thế, vì thị giáo hỷ lợi, có thể tiện nói cho xem.”

Trí Thông hạ giọng nhỏ nhẹ: “Sư cô vốn là nữ giới.”

Kết quả khiến cho chúng tăng cười rầm cả đường, chỉ có thiền sư Quy Tông lấy làm lạ nhìn vị hoà thượng này nói: “Đúng vậy, thầy quả thực ngộ đạo rồi.”

Sư cô là nữ cư sĩ học Phật tại gia, sư cô là vấn đề của nữ giới, từ xưa chẳng có người nào nghi ngờ cả, nhưng

Trí Thông sau khi trải qua trăm đau nghìn khổ mới hiểu ra được vấn đề này.

Trí Thông nói: “Thầy ạ, bây giờ con xin cáo từ, con muốn xuống núi đi vân du.”

Chúng tăng lại kinh ngạc, vị hòa thượng này ngộ tới mức “sư cô là nữ giới”, vốn chẳng có gì hiếm lạ cả, thế mà vì vậy đòi xuống núi vân du, thực chẳng xem ai ra gì.

Nhưng, thiền sư Quy Tông chẳng hề nghĩ thế, ông cho rằng vị hòa thượng này tới lúc xuống núi rồi, vì thế không giữ ở lại nữa, bèn cầm chiếc nón dẫn chúng tăng tiễn ra khỏi chùa. Tới ngoài cửa chùa, hòa thượng Trí Thông nhận chiếc nón, soải bước ra đi, cũng chẳng có chút lưu luyến gì.

Chúng tăng hỏi thiền sư Quy Tông: “Thầy đó thực ngộ đạo rồi chăng?”

Thiền sư than thở: “Vị hòa thượng này thực là tiền đồ vô lượng, ngay cả “sư cô là nữ giới” cũng nhìn thấu, còn có đạo Thiền nào mà không ngộ được chứ? “Sư cô vốn là nữ”, điều này mọi người đều biết, nhưng có người nào ngộ được Phật lý bên trong chứ? Câu nói này được phát ra từ miệng của Trí Thông, hàm chứa một ý nghĩa đặc thù khác – sự lý nơi thế gian, nhất thông bách thông.”

TRÍ TUỆ THIỀN:

Chân lý kỳ thực rất giản đơn, quá trình tìm kiếm chân lý thường gian khổ phức tạp.

KHOẢNH KHẮC TỨC THÌ

Có một vị tướng cứ bị ám ảnh bởi ba vấn đề, vì thế giả làm dân thường, đích thân lên núi tìm thiền sư để xin lời giải đáp.

Khi vị tướng tìm tới thiền sư, thiền sư này đang cuốc đất ở trong vườn rau, vì thế tướng quân nói: “Tôi có ba câu hỏi xin thiền sư chỉ giúp, thứ nhất là thời gian làm việc tốt nhất là khi nào? Thứ hai là người cộng sự quan trọng nhất là ai? Thứ ba là sự việc nào là quan trọng nhất mỗi lúc?” Thiền sư chẳng hề trả lời, chỉ tiếp tục đào đất. Vị tướng thấy lão già yếu ớt, bèn lấy cuốc làm thay, nói: “Nếu thiền sư không thể trả lời thì cứ nói, tôi sẽ trở về.”

Bấy giờ, có một người bị thương nặng chạy vào, vị tướng bèn băng bó cho anh ta, cho anh ta nằm vào chỗ rào cỏ. Hôm sau, người này tỉnh dậy chẳng biết mình đang ở đâu, thấy vị tướng bèn xin được lượng thứ. Vị tướng nghi ngờ hỏi nguyên do. Người này đáp: “Trong một lần đánh nhau, ngài đã giết anh tôi, cướp tài sản của tôi, tôi đã phải giết ngài. Được biết tướng quân tự lên núi, vì thế bèn mai phục giữa đường, chẳng ngờ bị thuộc hạ của ngài làm thương. Vốn nghĩ chắc sẽ mất mạng, nào ngờ nay được ngài giải cứu, tôi nguyện làm nô bộc của ngài trong những

ngày tháng dư thừa của cuộc đời. Tướng quân chẳng ngờ việc đó lại hóa giải cho mối thù bao nhiêu năm nay của mình.

Trước khi trở về, tướng quân hỏi lại thiền sư ba câu hỏi, thiền sư đáp: “Ta đã trả lời rồi.” Tướng quân nghi hoặc.

Thiền sư lại nói: “Hôm qua nếu anh không thương hại cuộc đất thay ta, anh tất trở về, trên đường khó tránh khỏi bị người đó tấn công. Bởi vậy, khi cuộc đất là thời gian quan trọng nhất của anh. Hôm qua nếu anh không cứu người này, anh ta sẽ mất mạng, không thể giảng hòa được với anh ta. Vì thế, anh ta chính là người quan trọng nhất của anh. Còn việc quan trọng nhất là anh chăm sóc anh ta. Hãy nhớ, thời gian quan trọng nhất không gì bằng hiện tại, nó là thứ duy nhất có thể chi phối; người quan trọng nhất chính là người cùng anh trong hiện tại; còn việc quan trọng nhất là việc khiến người bên mình được vui sướng. Đó chính là mục đích sống trong cuộc đời.” Tướng quân liền đại ngộ và cùng với người đó vui vẻ xuống núi.

TRÍ TUỆ THIỀN:

Duyên khởi duyên diệt, trong sự khởi diệt, chỉ có hiện tại. Vì đạt được mục đích, hãy tiến thủ một cách tích cực nhằm tạo ra điều kiện, nhưng thời gian duy nhất có thể chi phối đó chính là hiện tại.

TÁM GIÓ THỐI CHẴNG LAY, MỘT PHÁT RẮM ĐÁNH QUA SÔNG

Đạo thiền mặc dù là một thứ gì đó vô hình, nhưng lại thể hiện một cách cụ thể trong những hành động thực tế. Thực sự làm được mới có thể thể hiện được ý nghĩa của nó, mới thể hiện được thành quả của người tu thiền, đừng có dùng ngôn ngữ vô hình để trang sức, khoe mẽ bản thân.

Kê thủ thiên trung thiên, Hào quan chiếu Đại Thiên

Bát phong xuy bất động, Đoan tọa tử kim liên.

“Bát phong” nhằm chỉ “xung, cơ, hỷ, dự, lợi, suy, khổ, lạc” tám cảnh giới gặp phải trong cuộc sống của con người, có thể ảnh hưởng tới cảm xúc con người, bởi vậy mà gọi là “gió”.

Bài thơ này là tác phẩm Tô Đông Pha tu trì tự đắc tặng cho thiền sư Phật Ấn. Vốn cho rằng thiền sư nhất định sẽ khen ngợi cảnh giới tu thiền của mình, ai ngờ thiền sư sau khi xem xong, lấy bút phê hai chữ, rồi gọi thư đồng đem thơ trả lại. Tô Đông Pha mở ra vừa xem, chỉ thấy trên mặt viết hai chữ “đánh rắm”, không thể không đốt đi, vì thế bèn đi thuyền qua sông tìm thiền sư tranh luận.

Thiền sư Phật Ấn đã chờ từ sớm ở bên sông, Tô Đông Pha vừa thấy thiền sư bèn giận dữ nói: “Thiền sư và ta là bạn tâm giao, thơ của ta, sự tu hành của ta, nếu chẳng khen ngợi cũng được, có sao nhục mạ người ta vậy?”

Thiền sư cười lớn nói: “Thầy chẳng phải nói “Tám gió thổi chẳng lay” hay sao? Có chi “Một phát rắm đánh qua sông” rồi thế?” Nghe xong câu đó, Tô Đông Pha cứ hồi hận mãi.

Cảnh giới của Thiền vượt khỏi ngôn ngữ văn tự, “Bát phong xuy bất động”, nếu không có sự chứng ngộ chân thực, thì chưa trải qua kiểm nghiệm. Mặc dù Tô Đông Pha tài hoa siêu quần, nhưng đối với “Thiền” lại không tránh khỏi “đốt lòng”, cuối cùng vẫn không qua khỏi thiền sư Phật Ấn.¹

-
1. “Kinh Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai bản nguyện công đức”, bản dịch của Huyền Trang đời Đường, còn gọi là “Kinh Dược Sư Như Lai bản nguyện công đức”, “Kinh Dược Sư”, với nội dung nói về bản nguyện của Dược Sư Như Lai và công đức của ngài, nằm ở quyển thứ 14 “Đại chính tạng”. Kinh văn trần thuật việc Bồ Tát Cứu Thoát nói với A Nan về pháp Tục mệnh phiên đăng, tu pháp này có thể cải tử hoàn sinh, đồng thời nếu gặp phải những tai nạn như: người bị mắc bệnh, nước khác bị xâm lấn, giới tự nhiên thay đổi bất thường, tinh tú phát sinh điều quái gở, nhật thực, nguyệt thực, mưa gió bất thường, mưa quá giờ, nếu có thể cúng dường Dược Sư Như Lai thì biên cương đất nước sẽ được yên ổn, tự bản thân có thể tránh khỏi tai họa.

TRÍ TUỆ THIÊN:

Làm việc giống như tu hành, không thể dựa vào miệng lưỡi. Làm những việc may mắn, tất không thể nào có được thành quả, nên phải hành động mới được, thực thi mới là gốc.

KHIÊM NHƯỜNG ĐÓN NGỘ

Có một vị quan từ nơi xa đến đang trong cơn đói cồn cào cùng ăn cơm với một cao tăng đắc đạo đã vài ngày rồi chưa ăn cơm, trên bàn sắp sẵn hai bát mì một lớn, một nhỏ. Vị quan đẩy bát mì lớn tới trước mặt cao tăng, bày tỏ sự kính trọng. Nhưng, vị cao tăng này chẳng hề khách khí liền ăn hết ngay bát mì đó. Viên quan lại đẩy bát mì nhỏ ra nói: “ Sư phụ, nếu thầy chưa no thì ăn nốt bát này đi.” Cao tăng lại cũng chẳng hề do dự liền ăn hết bát mì này.

Bấy giờ, viên quan đang đói cồn cào bực mình quá nhiech mắng rằng: “Mặc dù thầy là cao tăng đắc đạo, nhưng thực là đồ hư danh, ngay cả lịch sự, khiêm nhường tối thiểu cũng không hiểu. Thầy đói, tôi cũng đói. Thầy chẳng những không giải nạn thay người, ngược lại còn làm khó thêm cho người, nói chi chuyện đắc đạo? Người xuất gia có lòng từ bi, thầy thì lấy gì để phổ độ chúng sinh chứ?”

Cao tăng từ từ nở nụ cười, nó: “Đầu tiên anh đẩy bát lớn cho tôi, còn tôi vốn muốn ăn bát lớn. Nếu tôi lại đẩy cho anh, đó chẳng phải ý muốn của mình, tôi hà tất phải làm như vậy? Sau anh lại nhường bát nhỏ cho tôi ăn, mà bản nguyện của tôi cũng muốn ăn nốt bát nhỏ đó, bởi vậy tôi cũng không việc gì từ chối. Cả hai lần anh khiêm nhường

đối với tôi, là xuất phát từ lòng chân thành của anh chẳng?” Viên quan tức thì đại ngộ, tạ ơn cao tăng đã chỉ dạy.

Mục đích là ăn cơm, ai ăn cũng là ăn, hà tất lại cứ anh đẩy tôi nhường. Trong lòng rành rành vô cùng mong muốn, lại chẳng dám làm, tự áp chế khó chịu. Bề ngoài tỏ ra lễ độ, người ta nói rằng anh hay, nhưng trong bụng lại phản bội lại mình. Không biết rằng lễ nghi là một thứ hình thức, mà câu nệ vào hình thức của lễ nghi chẳng qua là biểu hiện của thói giả tạo.

TRÍ TUỆ THIÊN:

Chân thành thẳng thắn mới là ý nghĩa chân chính của việc làm người, nhưng khiêm nhường chẳng phải là chuyện xấu. Đối với sự khiêm nhường của người khác, đừng đòi trả ơn quá quắt, người đạt tới cảnh giới này mới thoát khỏi phiền não.

TỰ CHE TỰ ĐỘ, TỰ CẦU TỰ CỨU

Có người nọ gặp phải việc khó, bèn tới chùa cầu Quan Âm phát hiện ra trước tượng Quan Âm có người giống hệt Quan Âm cũng đang quỳ lạy. Người này liền hỏi: “Ngài có phải là Quan Âm không?” Người đó đáp: “Ta chính là Quan Âm.” Người này lại hỏi: “Vậy tại sao ngài phải lạy mình?” Quan Âm cười đáp: “Ta cũng gặp phải việc khó, nhưng ta biết, cầu người chẳng bằng cầu mình.” Vì thế con người này liền đại ngộ, tạ ơn rồi rời khỏi chùa.

Tự tính chính là phải làm cho mọi chúng sinh giác ngộ tự tính Phật tính. Tấm lòng chung của mọi chúng sinh cũng là sự luân chuyển sinh tử của mọi chúng sinh, chịu những căn nguyên đau khổ của hư vọng. Phật tính của Phật, ta, chúng sinh chẳng hề khác biệt nhau, tâm chúng sinh của Phật, ta, chúng sinh cũng chẳng khác nhau. Phật có thể tự cầu, vậy chúng sinh đương nhiên càng có thể tự mình cầu mình vậy.

Có một tín giả trú mưa ở dưới hiên gặp một thiền sư đang cầm dù đi qua, vì thế gọi lớn: “Thiền sư! Phở độ chúng sinh chút đi! Cho con đi một đoạn đường được chứ?”

Thiền sư đáp: “Ta đang ở trong mưa, người ở dưới hiên, mà dưới hiên thì chẳng có mưa, người chẳng cần phải ta độ.”

Tín giả liền chạy ra khỏi hiên, đứng ngay dưới mưa, nói: “Bây giờ con cũng đang ở dưới mưa, phải độ cho con thôi!”

Thiền sư: “Ta cũng đang dưới mưa, người cũng dưới mưa, ta không bị mưa ướt, vì có dù; người bị mưa ướt, vì không có dù. Bởi vậy chẳng phải là ta độ người, mà là dù độ ta, người phải được độ, chẳng cần phải tìm ta, xin tự tìm dù đi!” Nói rồi bỏ đi!

Mình có dù thì có thể chẳng bị mưa ướt, giống như bản thân có Phật tính thì có thể chẳng bị ma quỷ mê hoặc. Ngày mưa không mang dù muốn người khác giúp mình, bình thường chẳng chịu tìm tự tính, muốn người khác độ mình, làm sao có thể giúp gì được chứ?¹

TRÍ TUỆ THIÊN:

Tự che tự độ, tự tính tự độ, mọi việc cầu vào bản thân.

-
1. “Kinh Lục Tổ pháp bảo đàn”, gọi chung là kinh Lục Tổ đại sư pháp bảo đàn, cũng gọi là kinh Pháp bảo đàn hay Kinh đàn, tổng cộng chia làm 10 môn: Hành do, Ban nhược, Nghi vấn, Định tuệ, Tọa thiền, Sám hối, Cơ duyên, Đốn tiệm, Tuyên chiếu, Phóng chúc. Kinh Lục Tổ pháp bảo đàn là do vị tổ thứ 6 Huệ Năng thuật, Pháp Hải Tập, Tông Bảo đời Nguyên biên soạn, chép trong quyển 48 “Đại chính tạng”, Bản viết Đôn Hoàng cũng nằm trong cùng một cuốn.

KHÔNG TRANH VÔ GIÁ

Hòa thượng Du Phương hỏi thiền sư Tào Sơn rằng: “Cái gì của con người trên thế gian là quý nhất?”

Thiền sư Tào Sơn dõi nhìn ra xa, chỉ thấy trên chạc cây có vắt một xác chết đen ngòm, vì thế, nói: “Cái đầu của con mèo chết là thứ quý giá nhất!”

Hòa thượng tròn hai con mắt, không hiểu hỏi: “Tại sao vậy? Tại sao người đời cho rằng nó chẳng đáng một đồng, thế mà thiền sư cho rằng là thứ quý giá nhất trên đời này?”

Thiền sư Tào Sơn cười nói: “Cây Xư gốc lớn, nhánh cong, vì thế người đời coi nó là thứ vô dụng, nó mới được sinh tồn; mặc dù cây Nhạc vỏ ngoài tốt, nhưng làm thuyền thì thuyền chìm, làm quan tài dễ mục, làm đồ dùng hay gãy, làm trụ nhà sinh mối, hoàn toàn chẳng có tác dụng gì, duy nhất chỉ có thể dùng để hóng mát. Chính vì thế chỗ vô dụng của chúng mới trở nên quý giá! Đầu mèo chết là quý nhất, vì chẳng có ai ra giá để tranh đoạt cả, cũng chẳng có người nào đưa ra nổi cái giá phải trả bằng sinh mạng!”

Cảnh giới cao nhất của sinh mạng chính là vô tranh, vô giá, bình yên, hạnh phúc. Tài sắc và danh lợi chẳng qua

là bọt và bụi của cuộc đời con người, chớ đừng tranh giành sống chết!¹

TRÍ TUỆ THIÊN:

Để sự sống hao phí vào danh lợi, quay đầu lại chỉ có thể là hư không. Trong sạch, tự tại mới là báu vật của sự sống, nó khiến cho chúng ta cảm nhận được đầy đủ cuộc sống, không bị thế tục làm tổn thương, thấy được bản nguyên của sinh mạng, tìm được niềm vui trong cuộc sống.

-
1. “Kinh Địa tạng”, cũng gọi là “Kinh Địa tạng Bồ Tát bản nguyên công đức”, là Kinh hiệu trong kinh Phật. Phật thuyết pháp cho mẹ ở Đạo Lợi Thiên, tập kết Chư Phật Bồ Tát vô lượng vô biên, Thiên Long Bát Bộ, tất cả cùng tán thán Địa Tạng Bồ Tát “Địa ngục bất không, Thề chẳng thành Phật” vô cùng bi nguyện, thù thắng ở Pháp hội là thứ mà ở mọi Pháp hội Đại tạng kinh không thể nào so sánh được.

LÃO TẶC DẠY CON

Có một tín đồ rất muốn học gõ mõ, nhưng thường không được nhập môn. Một hôm, anh ta lấy sức bình sinh tới chùa gặp thiền sư Vô Tướng, và hết sức thành khẩn nói rằng: “Thầy ạ! Con rất ngu muội, tự biết chẳng thể làm thứ tham Thiền, nhưng núi cao không ngăn nổi, mặc dù chẳng thể đến, nhưng lòng ngóng trông, có thể xin thầy chỉ cho con biết Thiền giống thứ gì không?”

Thiền sư Vô Tướng trả lời: “Thiền sư Pháp Diễn ở núi Ngũ Tô, từng giảng qua một câu chuyện: có một tên trộm, con trai hắn nói với hắn rằng: “Cha! Tuổi cha đã cao, hãy sắp xếp thời gian dạy cho con kỹ thuật trộm cắp đi! Để tránh sau này con không có gì để sống.”

“Làm cha chẳng lẽ chối từ, bèn bằng lòng. Tối hôm đó cha dẫn con tới nhà một người giàu có, dùng chìa khóa vạn năng mở cửa tủ quần áo ra, rồi gọi con tới, sau khi chờ con vào, cha bèn khóa tủ lại, rồi la lớn: “Có trộm! Có trộm!” rồi quay người chạy mất.

“Nhà người giàu nghe thấy nói có trộm, vội vàng đi kiểm tra. Kết quả chẳng bị mất thứ gì, cũng chẳng thấy tên trộm đâu, vì thế vẫn đi ngủ tiếp. Bấy giờ tên trộm đang ở trong tủ, chẳng ngờ có dụng ý gì? Tại sao phải khóa nó

vào trong tủ? Rốt cuộc phải làm sao mới có thể thoát ra khỏi đây? Vì thế, nó suy nghĩ mau lẹ liền học được tiếng chuột gặm quần áo, một lúc người vợ nghe thấy tiếng trong phòng gọi người giúp việc lấy đèn ra xem, rồi nói giống như có tiếng chuột gặm quần áo. Người giúp việc vừa mở tủ quần áo, tên trộm nhảy ra, đẩy ngã người giúp việc, thổi tắt đèn, rồi chạy thoát.

“Sau khi nhà giàu phát giác ra tên trộm, sai người đuổi theo. Đuổi tới bờ sông, tên trộm này trong lúc khó ló cái khôn, liền cầm một hòn đá lớn ném xuống nước, còn mình đi đường khác về nhà, khi trở về, còn nghe thấy tiếng người bên sông nói, tội nghiệp thật, tên trộm bị bức nhảy xuống sông rồi. Sau khi tên trộm về tới nhà, thấy cha đang uống rượu mới trách tại sao khóa nó vào trong tủ? Cha chỉ hỏi nó tại sao ra được? Người con thuật lại chuyện cho cha, cha vô cùng vui mừng nói: “Về sau con chẳng sợ không có cơm ăn rồi!”, biện pháp được sản sinh trong lúc bí bách giống như tên trộm chính là Thiên đó!”

TRÍ TUỆ THIÊN:

Trí năng của thiên xuất phát từ nội tâm của bản thân, không thể cứ bị dẫn dắt bởi người khác, như thiền sư Vô Tướng nói, đó là biện pháp nảy sinh trong lúc bí bách, cái gọi là “Sơn cùng thủy phục nghi vô lộ, Liễu ám hoa minh hựu nhất thôn”, đó chính là Thiên vậy!

TIN NGỰA VÌ CƯƠNG

Một lần, thiền sư Huệ Năng ngủ nhờ ở nhà người khác, đang nghỉ trưa bỗng nghe thấy tiếng người tụng kinh, Huệ Năng ngả người nghe kỹ, cảm thấy có chỗ sai, vì thế mới đứng dậy tới cạnh người đang tụng kinh đó, nói: “Thầy thường tụng kinh, có hiểu ý nghĩa trong đó chứ?”

Người đó lắc đầu nói: “Có những chỗ thực sự khó hiểu!”

Huệ Năng bèn giải thích tường tận chỗ mà người đó vừa tụng. Ông nói: “Khi chúng ta già đi, đầu tóc bạc phơ trong khói mây của hư danh phù phiếm, chúng ta muốn gì? Khi tro tàn của sinh mạng sắp lịm tắt, khi trái tim và hơi thở sắp ngừng, điều gì là hy vọng cuối cùng của chúng ta? Khi thi thể trong mộ rã ra thành xương cốt, trở về cát bụi, đất về với đất, sinh mạng sau khi trở thành hư không chẳng hề cảm nhận được, chúng ta sẽ ở đâu?”

Bấy giờ, trời trong đất tỏ, người đó liền bừng tỉnh trong cơn mù mịt, dường như có thể nhìn thấy ánh sáng của sinh mạng đang ẩn hiện.

Người đó lại hỏi Huệ Năng giải thích thêm vài chữ trong kinh Phật, không ngờ rằng, Huệ Năng cười lớn trả lời: “Ta không biết chữ, thầy hỏi ta ý nghĩa trực tiếp đi!”

Người đó nghe xong lời của ông vô cùng kinh ngạc, nói: “Đến ngay cả chữ thầy cũng không biết, làm sao có thể hiểu được ý nghĩa chữ? Làm sao có thể hiểu Phật lý chữ?”

Huệ Năng cười nói: “Khi cưỡi ngựa, không nhất thiết phải có dây cương, đó là thứ chuẩn bị cho những người mới học, một ngày nhập môn thì có thể thoát khỏi dây cương, tự do tới bất cứ nơi nào muốn đến.”

TRÍ TUỆ THIỀN:

Nghĩa lý huyền diệu của Thiền chẳng hề có quan hệ gì với chữ viết, chữ viết chỉ là công cụ, hiểu biết phải dựa vào lòng, đó là ngộ tính, chứ chẳng phải chữ.

TRAI GÁI CHẴNG KHÁC NHAU

Thiền sư Long Đàm thường tới Trúc Lâm Thiền Tự giảng đạo thuyết pháp cho Tỉ Khâu Ni ở đó, sau khi thuyết pháp xong, thiền sư Long Đàm chiêu lệ cùng luận đạo với Tỉ Khâu Ni, giải đáp nhiều thắc mắc của họ, trong quá trình giảng đạo thuyết pháp đó từng diễn ra buổi đối thoại có ý nghĩa sâu sắc như sau.

Có một vị Tỉ Khâu Ni gần thỉnh giáo thiền sư Long Đàm rằng: “Phải tu trừ thể nào kiếp sau mới có thể chuyển thành tướng đại trượng phu?”

Long Đàm hỏi cô: “Cô xuất gia làm ni được bao lâu rồi?”

Tỉ Khâu Ni đáp: “Quá khứ đã xuất gia bao lâu có quan hệ gì với tương lai chứ? Con chỉ muốn biết, tương lai có thể chuyển thành nam tướng hay không thôi?”

Long Đàm lại hỏi: “Vậy bây giờ con đang là gì?”

Tỉ Khâu Ni đáp: “Con là nữ chúng, chẳng lẽ thiền sư không nhận ra?”

Thiền sư Long Đàm nói: “Con là nữ chúng, ai nhìn ra được con là nữ chúng? Nói về giới tính, theo quan điểm của Phật gia, con tu tới tầng Bồ Tát, nhất loạt đều hiển hiện

là tướng mạo nữ giới, tu tới tầng Như Lai, nhất loạt hiện lên là nam giới”. Tỉ Khâu Ni liền tỉnh ngộ.

TRÍ TUỆ THIÊN:

Trai gái có khác, trai gái không khác nhau là sự thiên biến vạn hóa của thế gian, tự nhiên trong vạn vật, mà đâu chỉ có một thứ này? Diệt trừ sự khác biệt trong lòng để đối đãi với chúng sinh mới có thể không chấp chước.

NHẤT SINH VÔ PHÁP

Có một Điện tọa phụ trách công việc nấu nướng ở một Thiền tự, đó là một trong những chức vụ rất được tôn trọng. Nhưng, muốn làm tốt nhiệm vụ này, không chỉ phải nấu nướng ngon, đặc biệt còn phải tiết kiệm gạo, thức ăn, dầu, muối, không được vung vãi. Thiền sư Thạch Sương đã tham gia ở rất nhiều đạo tràng làm Điện tọa, quản lý việc bếp núc ở chỗ thiền sư Vi Sơn.

Một hôm, khi đang sàng gạo, thiền sư trụ trì Vi Sơn tới nói với ông: “Không thể để rơi vãi một hạt gạo, vì đó là của thí chủ bố thí cho.”

Thạch Sương đáp: “Xưa nay chưa từng rơi vãi.”

Vi Sơn nhìn xung quanh, rồi nhặt lên một hạt gạo ở dưới đất nói: “Thầy nói không để vãi, vậy hạt này từ đâu ra thế?”

Thạch Sương im lặng không nói, chẳng biết phải trả lời sao nữa.

Thiền sư Vi Sơn nói tiếp: “Đừng coi thường một hạt này, vì hàng trăm vạn hạt sinh ra từ một hạt này.”

Thạch Sương liền nắm cơ hội, hỏi: “Vậy hạt này từ đâu mà sinh ra?”

Thiền sư Vi Sơn lại không trả lời được, cười ha ha trở về phòng phương trượng, tới chiều, thiền sư Vi Sơn xuất hiện ở thiền đường. Ông nói: “Mọi người nghe này, trong gạo có một đó!”

Một hạt gạo có thể sinh hàng nghìn, vạn hạt, vậy một hạt sinh ra từ đâu? Đương nhiên sinh ra từ nghìn vạn hạt rồi. “Nhất sinh vạn pháp”, “Vạn pháp quy nhất”, thiền sư Vi Sơn đương nhiên hiểu nguyên lý giản đơn như vậy, nhưng ông phải đợi tới chiều mới nói “trong gạo có một”, cũng là vì muốn khởi phát tăng chúng.¹

-
1. Hiệp hội Phật giáo Trung Quốc – Ngày 15 tháng 11 năm 1952 Hội nghị Phát khởi nhân Hiệp hội Phật giáo Trung Quốc cử hành tại Bắc Kinh. Hiệp hội nghiên cứu tỉ mỉ và thảo luận về tôn chỉ, nhiệm vụ và tổ chức của Hiệp hội Phật giáo Trung Quốc. Ngày 30 tháng 5 năm 1953 mở hội nghị thành lập tại chùa Quảng Tế, Bắc Kinh, bầu chọn Hội trưởng danh dự, Hội trưởng, Phó hội trưởng, Chính, Phó Trưởng thư ký, Thường vụ sự lý và Lý sự. Nhiệm vụ chủ yếu của Hiệp hội Phật giáo Trung Quốc là: Tổ chức rộng rãi việc học tập chủ nghĩa yêu nước, tích cực tham gia cuộc vận động chủ nghĩa yêu nước, kiên định lập trường nhân dân, dưới sự lãnh đạo của Hội Trung ương ủy viên Đảng cộng sản và Chính phủ nhân dân, cùng với nhân dân cả nước cùng cố, kết thành trận tuyến yêu nước thống nhất, hiệp trợ Chính phủ nhân dân quán triệt chính sách tự do tôn giáo, tín ngưỡng, phát huy truyền thống tốt đẹp của Phật giáo.

TRÍ TUỆ THIỀN:

Công án “Nhất sinh vạn pháp” càng tiến gần tới chân lý “Sinh nhi vô sinh” hơn, từ trong vạn vật tốt tươi lại trở về chân tướng bất sinh bất diệt.

ĐỒNG VIÊN CHỦNG TRÍ

Thiền sư Hối Đường Tổ Tâm hiệu là Bảo Giác, Ô Thị Tử, Nam Hùng, Quảng Đông, từng thân cận với thiền sư Hoàng Long Huệ Nam, thường có quan hệ thân thiết với văn nhân Hoàng Sơn Cốc. Một hôm, Hoàng Sơn Cốc tới bàn luận về đạo Thiền, thiền sư Hối Đường hỏi: “Khổng Tử bất vi nhị tam tử ẫn, chẳng nói ra, điều đó có thể cũng giống như Thiền pháp, anh thấy thế nào?”

Hoàng Sơn Cốc đáp: “Điều này, con chẳng rõ lắm.”

Sau hai người cùng đi tuần sơn, thấy hoa nở bạt ngàn khắp núi, hương thơm ngào ngạt.

Thiền sư Hối Đường lại hỏi: “Thế nào? Ngửi thấy mùi thơm không?”

Hoàng Sơn Cốc đáp: “Thấy, thơm quá nhỉ?”

Thiền sư Hối Đường ý muốn nói: “Bởi thế nói đi! Ta chẳng hề giấu anh điều gì!”

Hoàng Sơn Cốc vờ hiểu, nhưng không hiểu, hai người sau khi tuần sơn trở về ăn trưa, Hoàng Sơn Cốc bỗng hỏi: “Thiền sư! Trong kinh nói “Hữu tình vô tình đồng viên chủng trí”, điều này có thực không?”

Thiền sư Hối Đường đáp: “Điều này vốn là thật, nhưng vì nói ra ở miệng anh, nên không thật!”

Hoàng Sơn Cốc hỏi như chẳng hiểu: “Tại sao thế?”

Thiền sư Hối Đường không trả lời Hoàng Sơn Cốc, bấy giờ đúng lúc có một con chó phủ phục dưới gầm bàn, thiền sư Hối Đường tiện tay dùng đũa đánh chó. Con chó “ăng” một tiếng rồi chạy mất. Thiền sư cũng dùng đũa gõ vào bàn một cái, đó mới là câu trả lời: “Chó thuộc loài hữu tình, bị đánh thì chạy, bàn là thứ vô tình, có đánh cũng thế, tình và vô tình, làm sao có thể trở thành một thể được?”

Hoàng Sơn Cốc mơ màng, chẳng biết ra sao.

Nhưng, thiền sư lại tiện mồm đính chính: “Núi có thần núi, nước có thần nước, hoa có thần hoa, cây có thần cây, khắp nơi núi non diệu dụng vô cùng. Trúc xanh mơn mớn không đâu không ban nhược, hoa vàng thơm lừng đều là diệu đế, nên tình và vô tình, đương nhiên có thể đồng viên chủng trí”

Lời nói của thiền sư Hối Đường khiến cho Hoàng Sơn Cốc hoài nghi đầy bụng, cho rằng lời của thiền sư mâu thuẫn với nhau, thiền sư tổng kết nói: “Tài thiệp tư duy, tức phi Thiền đạo, hà tăng vạn vật vị kỷ tai?”

Hoàng Sơn Cốc cuối cùng khế ngộ.¹

1. “Kinh Lăng nghiêm” là tên giản lược của Kinh Đại Phật Đỉnh Như Lai mật nhân tu chính liễu nghĩa chư Bồ Tát vạn hành thủ lăng nghiêm, cũng gọi là kinh Đại Phật đỉnh thủ lăng nghiêm, kinh Đại

TRÍ TUỆ THIỀN:

Tục ngữ nói: Đa tình chi nhân tất quả tình. Tình và vô tình kỳ thực là một, đó chính là trí tuệ của Thiền.

Phật đỉnh, do Sa môn Ban Thích Mật Đế người Thiên Trúc đời Đường dịch, nằm ở cuốn 19 “Đại chính tạng”. Thủ lảng nghiêm là tên của Tam muộn (Tam ma đề) mà Phật sở đắc, gọi chung là Vạn hạnh. Kinh này nói rõ tường tận con đường Liễu Viên đốn Thiền, đặc biệt là Đại Thế Trí Bồ Tát niệm Phật viên thông, Quan Thế Âm Bồ Tát nhĩ căn viên thông, càng gần hơn với những học nhân về Thiền, Tịnh. Và bút dịch hoa mỹ cũng được những người yêu văn học thích thú, từ sau đời Tống Nguyên, chú Lăng nghiêm trở thành một trong những bài học đầu tiên ở Tùng Lâm.

BÌNH TĨNH XỬ SỰ

Khi đại sư Bàn Bang nói về Thiền, các tông phái và những người ở những giới khác đều vui vẻ đón nhận. Ông thuyết pháp vừa chẳng dẫn dắt căn cứ trong kinh, cũng chẳng lạm bàn về học thuật, lời lẽ của ông đi vào lòng người.

Người nghe của ông ngày một đông hơn, kết quả làm mêch lòng một pháp sư ở phái Nhật Liên, vì tín đồ của pháp sư này đều tới chỗ Bàn Bang nghe về Thiền.

Vị pháp sư đó là người tự lấy mình làm trung tâm, trong lòng rất không phục, vì thế quyết định tới chùa của Bàn Bang để tìm ông tranh luận, quyết một phen sống mái.

“Thiền sư Bàn Bang, nghe nói những người tới đây nghe pháp chẳng ai không sùng bái thầy, phục tùng thầy, còn người như tôi đây thì chẳng phục thầy, thầy có thể khiến cho tôi phục được không?”

“Tới cạnh tôi đây, tôi có thể làm cho thầy xem.” Bàn Bang đáp thản nhiên.

Vị pháp sư này ngênh ngang đẩy mọi người ra, tiến lên phía trước.

“Tới bên trái tôi.” Bàn Bang cười nói.

Pháp sư tới bên trái ông.

“Tốt nhất là thầy sang bên phải, chúng ta có lẽ có thể ngồi gần nhau hơn để nói chuyện.”

Pháp sư ngang tàng bước lên phía trước, đi tới bên phải ông.

Bàn Bang nói từ tốn rằng: “Thầy thấy đấy, thầy đã phục tùng tôi rồi, vì tôi muốn thầy là một người vô cùng dễ gần.”

TRÍ TUỆ THIÊN:

Con người sống chung với nhau phải học được cách bao dung, nếu cứ muốn làm thay đổi đối phương, kết quả sẽ khiến cho người ta không vui, bản thân cũng chẳng vui, hai bên có thể rơi vào tình cảnh nước lửa không thể chung đụng.

TRỪ KHỬ DANH PHIÊM

Thiền sư Động Sơn cảm nhận được rằng mình sắp rời xa nhân thế rồi. Sau khi tin tức này truyền đi, mọi người từ khắp nơi vội đến, kể cả triều đình cũng phái người đến gấp.

Thiền sư Động Sơn ra ngoài, với nụ cười tràn trề như tịnh liên. Ông thấy tăng chúng khắp trong viện, nói lớn: “Ta dính vào chút danh phiếm nơi thế gian, nay sắp thoát khỏi cái vỏ của nó, danh phiếm cũng nên bỏ đi thôi. Trong các con ai có thể thay ta trừ bỏ danh phiếm nhỉ?”

Trước điện im phăng phắc, chẳng ai biết phải làm gì, trong viện chỉ có sự tĩnh lặng.

Bỗng có một tiểu hòa thượng mới lên núi vài hôm trước tiến tới trước mặt thiền sư, sau khi cung kính đội lễ, cao giọng nói: “Xin hỏi hòa thượng pháp hiệu là gì?”

Câu nói vừa dứt, mọi người đều nhìn vào với ánh mắt giận dữ. Có người xầm xì trách mắng tiểu Sa Di không tôn trọng người cao, thất kính với thiền sư, có người giận tiểu Sa Di vô tri, trong viện ồn ào hết cả lên.

Thiền sư Động Sơn nghe câu hỏi của tiểu hòa thượng, cười lớn, nói: “Được! Bây giờ ta chẳng còn danh phiếm

rồi, kể ra tiểu hòa thượng thông minh nhỉ!” Vì thế ngài xuống chấp tay, nhắm mắt và ra đi như thế.

Nước mắt của tiểu hòa thượng cũng không ngừng tuôn rơi, cậu trông thi thể của thầy, may mắn trước lúc thầy viên tịch, mình còn có thể thay thầy trừ đi danh phiếm.

Một lát sau, tiểu hòa thượng liền bị đám người xung quanh vây lại, họ trách rằng: “Thực có cái lý này chẳng! Ngay cả pháp hiệu của thiền sư Động Sơn còn chưa biết, thầy còn tới đây làm gì?”

Tiểu hòa thượng nhìn mọi người xung quanh, cực chẳng đã thốt lên: “Người là thầy của ta, pháp hiệu của người ta làm sao có thể không biết được?”

“Vậy, tại sao thầy hỏi như thế chứ?”

Tiểu hòa thượng đáp: “Ta làm thế để trừ đi danh phiếm cho thầy!”¹

-
1. Ý nghĩa sâu sắc của số lượng tràng hạt – Mỗi chuỗi tràng hạt đều được kết bởi những số lượng hạt nhất định và số lượng hạt đặc thù đó đều khác nhau. 108 hạt là số lượng thường thấy nhất, nhằm biểu thị đoạn trừ 108 loại phiền não, do đó khiến cho tâm thân có thể đạt tới một trạng thái tịch mịch; 1080 hạt nhằm biểu thị 108 phiền não trong Thập giới, hợp thành 1080 thứ phiền não; 54 hạt nhằm biểu thị 54 thứ lớp trong quá trình Bồ Tát tu hành, trong đó bao gồm Thập tín, Thập trú, Thập hành, Thập hồi hướng, Thập địa, Ngũ thập giai vị, cộng thêm với Tứ thiện căn vị; 42 hạt biểu thị 42 giai vị trong quá trình Bồ Tát tu hành, tức Thập trú, Thập hành, Thập hồi hướng, Thập địa, Đẳng giác và Diệu giác.

TRÍ TUỆ THIỀN:

Thiền hạ ồn ào đều vì danh; Thiền hạ xôn xao đều vì lợi. Có bao nhiêu người vì danh lợi cả đời, người đời có được mấy người làm được việc bỏ danh lợi.

NGƯỜI BẰNG VÀNG THỨ BA

Socrat nhà hiền triết thời Hy Lạp cổ nói: Trời ban cho con người hai tai, hai mắt, nhưng chỉ có một cái miệng, muốn họ nghe nhiều, nhìn nhiều và nói ít. Vài lời nhỏ nhoi, hình tượng và sâu sắc nói lên tính quan trọng của việc “lắng nghe”.

Thời xưa, từng có sứ giả của một nước nhỏ tới Trung Quốc, cống lên ba người bằng vàng long lanh sắc sỡ giống hệt nhau, khiến cho vị vua già Trung Quốc mừng phát điên.

Nhưng vị sứ giả của nước nhỏ này không hậu đạo, đồng thời cũng đưa ra một loạt đề mục vô cùng học búa: “Xin hỏi nhà vua trong ba người bằng vàng này, người nào có giá trị nhất?”

Nhà vua nghĩ rất nhiều cách, mời các tay chuyên về châu báu kiểm tra, cân trọng lượng, xem cách làm đều giống hệt nhau. Làm thế nào đây? Đường đường là một nước lớn thiên triều, chẳng lẽ chẳng hiểu một việc nhỏ như thế sao?

Cuối cùng, vị vua bất đắc dĩ mời đại thiên sư Hộ Quốc tới, hy vọng ông có thể vận dụng Thiên thông giúp giải quyết được nan đề.

Vua mời sứ giả tới Đại điện, thiền sư cầm ba cọng lúa một cách khéo léo. Cầm ba cọng lúa vào trong tai một người bằng vàng, cọng lúa này chui ra bên tai kia. Người bằng vàng thứ hai, cọng lúa chui ra trực tiếp từ miệng, còn người bằng vàng thứ ba, cọng lúa sau khi chui vào thì luôn xuống bụng, chẳng hề có động tĩnh gì.

Thiền sư nói: “Người bằng vàng thứ ba có giá trị nhất!”

Sứ giả im lặng, đáp án chính xác quả là vậy.

TRÍ TUỆ THIỀN:

Người có giá trị nhất không nhất định là người giỏi ăn nói nhất. Ông trời cho chúng ta hai cái tai, một cái miệng, vốn để cho chúng ta nghe nhiều hơn nói. Người biết lắng nghe mới là người chín chắn, có tố chất cơ bản nhất.

THIÊN SƯ GIẢI MỘNG

Rủi ro trong cuộc đời con người ta là không thể tránh khỏi! Nhưng, nếu biết nắm cơ hội, lội nước ngược dòng thường sẽ dẫn đến cảnh Núi cùng thủy tận nghi chẳng có lỗi, Liễu tối hoa tỏ lại một thôn!

Có một tú tài vội lên kinh thi lần thứ 3, ở trong Thiên viện u tịch.

Trước khi thi cậu nằm ba giấc mơ; giấc mơ thứ nhất là mình trồng rau cải trên tường. Giấc mơ thứ hai là hôm trời mưa, cậu vừa đội mũ lại còn che dù. Giấc mơ thứ ba là mình và người em họ trong lòng yêu mến khóa thân nằm xoay lưng với nhau.

Cảnh mộng hiện rõ rành rành trước mắt, trong lòng tú tài mơ màng, vội vàng đi tìm Thuật sĩ giải mộng. Thuật sĩ vừa nghe, nói: “Tướng công hay là về nhà đi! Cậu nghĩ xem, trồng rau trên tường chẳng phải việc tốn công vô ích sao? Đội mũ lại còn che dù chẳng phải làm một việc thừa sao? Khóa thân cùng với em họ trên giường, lại lưng ghé lưng chẳng phải muốn làm chuyện ấy mà chẳng được sao?”

Sau khi nghe lời của Thuật sĩ nói, tú tài như sét đánh ngang tai, muốn đi thi lần 3 thế mà lại có điềm như thế, ừ

cảm thấy vô cùng bị quan, bèn đi tắt về Thiền viện thu dọn hành lý, chuẩn bị về nhà.

Bấy giờ, lão thiền sư trong Thiền viện rất lấy làm lạ, hỏi tú tài: “Con chẳng phải muốn đi thi sao? Hôm nay tại sao đã về quê rồi? Nhà xảy ra chuyện gì thế?” Tú tài chỉ biết thú thực.

Lão thiền sư vui quá, nói: “Ừa, ta cũng biết giải mộng đó! Song, ta lại cảm thấy, lần này con nhất định sẽ thi đậu. Con nghĩ xem, trồng rau cải trên tường chẳng phải là Cao trung (trúng) hay sao? Đội mũ che dù chẳng phải nói rằng lần này con đã chuẩn bị chu đáo rồi? Nằm ghé lưng trần với em họ trên giường chẳng phải nói khi con quay người thì đụng vào rồi còn gì?”

Tú tài vừa nghe, cảm thấy lão thiền sư nói đúng quá, vì thế lên đường đi thi với tinh thần phấn chấn, và cậu thi đậu Thám hoa (xếp thứ 3 trong đợt thi Điện).

TRÍ TUỆ THIỀN:

Cùng một giấc mộng, nhưng giải thích khác nhau, vì có sự khác biệt về tâm thái. Mọi việc đều ở tâm thái, tâm thái tích cực sẽ có hành động chính diện, mạnh mẽ, thường đạt được kết quả lý tưởng.

KHÔNG ƯỚT MỘT NGƯỜI ƯỚT HAI NGƯỜI

Một hôm, thiền sư gọi ba đệ tử của mình tới bên cạnh, sau đó viết một câu thơ: Mưa rơi giăng giăng hai người đi, Đành chịu trời, chẳng ướt một người. Sau đó thầy hỏi các đệ tử: “Giờ hãy nói xem các con hiểu câu thơ này ra sao! Tại sao “chẳng ướt một người” chứ?”

Đệ tử thứ nhất nói: “Hai người đi trong mưa, có một người lại không bị mưa ướt, chắc là vì người đó mặc áo mưa.”

Thiền sư không bình phẩm gì, nói với một đệ tử khác: “Con nói về sự hiểu của mình xem.”

Một đệ tử khác nói: “Thầy ấy nói sai rồi, đáp án chẳng thể nào đơn giản như vậy. Hai người đi trong mưa, một người lại không bị mưa ướt, đó thực là kỳ lạ quá, con nghĩ đó chắc hẳn là một trận mưa cục bộ, một phía mưa, một nơi khác không bị mưa, bởi thế hai người đều đi trong mưa mới có một người không bị ướt.” Thiền sư cười, vẫn chẳng bình phẩm.

Đệ tử thứ ba nói: “Nguyên nhân mà hai thầy đưa ra đều quá khiên cưỡng, nào là mặc áo mưa, rồi mưa cục bộ!

Đơn giản như vậy thế mà các thầy nói thành ra phức tạp. Kỳ thực có một người không bị mưa ướt là vì anh ta đi dưới mái hiên, khi mưa dưới mái hiên làm gì bị nước chứ?” Thầy ta dương dương đắc ý, cho rằng thiền sư nhất định sẽ khen ngợi mình, nhưng thiền sư lại chẳng khen mình.

Một lát sau, thiền sư cười nói với cả ba đệ tử: “Hôm nay thầy gọi các con tới đưa cho các con câu hỏi này, câu trả lời của các con chẳng làm thầy hài lòng. Các con ở bên ta, hằng ngày tham ngộ Phật pháp, nhưng cũng chẳng có tiến triển, các con biết là nguyên nhân gì không?”

Cả ba đệ tử nhìn nhau, cúi đầu hổ thẹn.

Thiền sư nói tiếp: “Nguyên nhân các con không tiến triển chính là vì các con chỉ dừng lại ở mặt chữ, “chui đầu vào sừng bò”. Cứ lấy câu hỏi hôm nay đưa cho các con làm ví dụ, các con đều chấp vào điểm “chẳng ướt một người” này, bởi thế mới không đưa ra được đáp án chính xác. Kỳ thực, câu “chẳng ướt một người”, chẳng phải là vì cả hai người đều bị ướt mưa sao?”¹

-
1. Ý nghĩa sâu sắc của số lượng tràng hạt – Chuỗi tràng hạt 36 viên: hàm ý vô xác thiết, thường được cho rằng để tiện khi đeo, bèn lấy 1/3 của 108, tức 36 viên. Trong đó hàm ý nghĩa thấy lớn qua nhỏ, nên tương đồng với 108 hạt; 27 viên nhằm biểu thị 27 hiền vị trong tu hành Tứ hướng quả Tiểu thừa, tức “Thập bát hữu học” trong Tứ hướng Tam quả và “Cửu thiên học” trong A La Hán Quả đệ tứ; 21 hạt nhằm biểu thị Thập địa, Thập Ba La Mật, 21 vị thứ Phật quả; 18 hạt Tục gọi là “Thập bát tử”, mà “Thập bát” nhằm chỉ “Thập bát giới”; 14 hạt nhằm biểu thị Quan Âm Bồ Tát và Thập phương,

TRÍ TUỆ THIỀN:

Làm bất cứ việc gì đều phải chú ý đến “ngộ”, chỉ dừng lại ở sự vật về ngoài, bị ý nghĩa của câu chữ trói buộc, mãi mãi không thể nào đạt tới “trí tuệ” chân chính.

Tam thế, Lục đạo, mọi chúng sinh đều cùng bi ngưỡng, khiến cho chúng sinh có được 14 công đức Vô úy.

CHẶT TAY DẠY TRÒ

Một hôm ở đạo tràng của thiền sư Kim Hoa Câu Chỉ khi trời đã xế chiều, trời mưa giăng giăng có một Tì Khâu Ni tên là Thực Tế tới. Cô chẳng hề thông báo, cũng không bỏ nón ra, đi thẳng vào Thiền đường, cầm tích trượng đi quanh chỗ thiền sư Câu Chỉ ba vòng, nói: Thầy nói được nghĩa lý của việc đắc đạo, con sẽ bỏ nón xuống.”

Cô hỏi liền ba lần, thiền sư Câu Chỉ nhất thời không biết thế nào, ngay cả một câu cũng chẳng trả lời được. Tì Khâu Ni Thực Tế bực tức, bèn phát tay áo định đi, thiền sư Câu Chỉ chỉ cảm thấy hổ thẹn, liền nói lễ độ rằng: “Trời đã tối rồi, xin hãy ở lại nghỉ qua một đêm đã!”

Tì Khâu Ni Thực Tế dừng bước nói: “Thầy nói có lý, con sẽ ở lại đây.”

Thiền sư Câu Chỉ vẫn không biết phải trả lời sao mới nói có lý.

Về sau, thiền sư Thiên Long tới đây, thiền sư Câu Chỉ mới thuật lại câu hỏi của Tì Khâu Ni Thực Tế thỉnh thị thiền sư Thiên Long. Thiền sư Thiên Long chỉ ngón tay trỏ lên khai thị, thiền sư Câu Chỉ liền đại ngộ.

Từ đó về sau, hễ gặp phải người thỉnh thị Phật pháp Thiền đạo, thiền sư Câu Chi liền chỉ ngón tay trở lên, người học đều vì thế mà khế ngộ, bởi vậy, “Câu Chi nhất chỉ” khá nổi tiếng.

Ở chỗ thiền sư Câu Chi có một Sa Di cũng học bộ dạng của thầy. Cứ có người tới cầu đạo chỉ cần thiền sư Câu Chi không ở đó, cũng bắt kẻ người ta hỏi thầy điều gì, thầy cứ học thầy giơ ngón tay trở lên. Một hôm, Câu Chi gọi Sa Di tới Pháp đường, hỏi: “Con có hiểu Phật pháp không?”

Sa Di đáp: “Hiểu!”

Thiền sư Câu Chi hỏi: “Phật là thế nào?”

Sa Di lại giơ ngón trở lên rất tự nhiên, thiền sư Câu Chi bèn cầm dao chặt đứt ngón tay của Sa Di, Sa Di đau quá kêu rống lên, thiền sư Câu Chi bèn hỏi: “Con hãy nói rõ một chút, Phật là thế nào?”

Sa Di tự nhiên lại nhớ tới hành động giơ một ngón lên, bỗng chẳng thấy ngón tay đâu liền đại ngộ.

Thiền sư Thiên Long trở một ngón tay, thiền sư Câu Chi mới biết được chân lý là Một, ngoài ra nếu không có Hai cũng chẳng có Ba. Từ đó lấy Một ngón để truyền thụ cho người học. Sa Di đập khuôn y chang, ngông cuồng chỉ ngón lên, khiến cho Thiền rơi vào hình tướng vô tri, còn hành động chặt đứt ngón tay của thiền sư Câu Chi nhằm đoạn hình tướng của trò, hữu hình tới vô hình, từ chỗ hữu

hình tới vô hình này sẽ trở về tâm Thiền, vì vậy, Sa Di mới có thể khế nhập.¹

TRÍ TUỆ THIỀN:

Phật trong tâm không phải Phật trong mắt thế nhân. Chỗ huyền diệu của đạo Thiền không cần lập văn tự, mà ngộ ở trong lòng. Có lòng cầu Thiền chẳng phải giả bộ làm tịch, chân lý của nó chẳng ngoài trở về tự nhiên. Phật vốn vô tướng, chính là lòng vậy. Cầu Phật để thấy được lòng mình, tìm về bản thể vậy mà thôi.

-
1. Ngũ Sơn Thập Sát – Căn cứ vào tài liệu sử có liên quan ghi chép: “Ngũ Sơn Thập Sát” là tên gọi chung của những ngôi chùa Thiền tông Phật giáo nổi tiếng, cũng gọi là “Ngũ Nhạc Thập Sát”, loại Tự viện tối cao trong chế độ Cung tự Thiền Lâm của Trung Quốc. Thiền Viện Ngũ Sơn, gồm các chùa: Dư Hàng Kính Sơn, Hàng Châu Linh Ẩn, Tịnh Từ, Ninh Ba Thiên Đồng, A Dục Vương; Thiền Viện Thập sát, gồm các chùa: Thiên Trúc ở Hàng Châu, Đạo Tráng ở Hồ Châu, Giang Tâm ở Ôn Châu, Song Lâm ở Kim Hoa, Tuyết Đậu ở Ninh Ba, Quốc Thanh ở Đài Châu, Tuyết Phong ở Phúc Châu, Linh Cốc ở Nam Kinh, Vạn Thọ ở Tô Châu và chùa Hồ Khâu.

NHỤC NHÃN TÂM NHÃN

Phái Tào Động là một trong năm nhà Thiền tông Phật giáo Trung Quốc, do hai thầy trò thiền sư Động Sơn Lương Giới và thiền sư Tào Sơn Bản Tịch cùng nhau sáng lập vào năm 857, bởi vậy lấy tên là Tào Động Tông. Thời Nam Tống, phái Tào Động dần dần được hưng thịnh, không khí Thiền được truyền bá khắp xa gần, cực thịnh một thời, quy mô của nó không kém gì phái Lâm Tế.

Một hôm, thiền sư Vân Nhan đang đan giày, thiền sư Động Sơn đi ngang qua, vừa thấy bèn nói: “Thầy ơi! Con có thể làm được giống như thầy chứ?”

Thiền sư Vân Nhan nói: “Con nói xem nào!”

Động Sơn chẳng khách khí nói: “Con muốn có con mắt của thầy.”

Thiền sư Vân Nhan bình tĩnh nói: “Muốn con mắt? Vậy mắt của con thì sao?”

Động Sơn nói: “Con không có mắt!”

Thiền sư Vân Nhan cười nhạt, nói: “Nếu con có mắt, thì đặt ở đâu?”

Động Sơn chẳng biết đối đáp sao.

Bấy giờ thiền sư Vân Nhan mới nói vô cùng nghiêm túc rằng: “Ta nghĩ con mắt mà con muốn chắc chẳng phải con mắt của ta, mà là con mắt của bản thân mình vậy?”

Thiền sư Động Sơn đổi giọng nói: “Thực tế cái mà con muốn chẳng phải là con mắt.”

Thiền sư Vân Nhan cuối cùng chẳng nhìn được cách nói trước sau mâu thuẫn đó bèn nói lớn một tiếng: “Con để cho thầy đi!”

Thiền sư Động Sơn không hề lấy gì làm lạ, vẫn rất thành khẩn nói: “Đi cũng được, chỉ là con không có mắt, nhìn chẳng thấy đường.”

Thiền sư Vân Nhan dùng tay xoa xoa tim mình, nói: “Cái này sao không cho người từ sớm nhỉ? Còn nói nào là chẳng nhìn thấy!”

Thiền sư Động Sơn cuối cùng tỉnh ngộ.

Nhục nhãn là dùng để nhìn những thứ dài ngắn, vuông tròn, xanh, hồng, đỏ, trắng của vạn vật trên thế gian, cách nhìn này chỉ dừng lại ở bề ngoài, ở sinh diệt và hiện tượng, còn Tâm nhãn mới có thể quan sát được bản thể, thực chất của vạn vật trong vũ trụ. Cách quan sát đó là phổ quát, trong ngoài thống nhất, chẳng trách mặc dù Động Sơn có nhục nhãn, nhưng, vẫn chẳng thấy rõ đường phía trước.

Khi thiền sư Vân Nhan nói cho thấy chỗ diệu dụng của tâm nhãn, Động Sơn mới tỉnh ngộ.¹

TRÍ TUỆ THIỀN:

Nếu nói nhục nhãn dùng để quan sát thế giới, vậy tâm nhãn dùng để suy xét chuyện nhân thế. Muốn cặp mắt trí tuệ của con người chẳng bằng dựa vào trái tim có trí tuệ của bản thân mình.

-
1. Tại sao phải thắp đèn trước Phật – Thắp đèn từ thời của Phật Tổ đã trở thành một phương thức cúng dường. Trong Thập cúng dường (hương, hoa, đăng, đồ, quả, trà, thực, bảo, chu, y), thì đèn chính là một vật không thể thiếu được. Đèn tượng trưng cho sự sáng tỏ, trí tuệ. Thắp sáng ngọn đèn tượng trưng cho trí tuệ sáng tỏ trước Phật chủ yếu là hy vọng mượn ánh sáng trí tuệ của Phật Bồ Tát để khiến cho lòng chúng ta nảy sinh huệ giải, sớm đạt tới trí tuệ Ba La Mật.

MỤC LỤC

XẺ THỊT CHO ĐIỀU HẬU ĂN	9
THIỆN TÔNG TAM CẢNH	11
PHẬT ĐÀ BÀN VỀ NGỰA	14
BÒ TÁT CỪNG SÁT SINH	18
TÂM TÍNH TÙY CẢNH	20
NGỘ TỪ LÒNG MÌNH	23
ĐÀN ÔNG BỐN VỢ	25
HỌC VẤN ĂN LÊ	27
MÀI ĐÁ THÀNH GƯƠNG	29
PHẬT ĐÀ CỪNG CÓ NỠ KHỔ	31
THUẬN THEO TỰ NHIÊN	34
HỎ VÔ TRƯỚC TIÊN PHẢI CÚI ĐẦU	37
SỐNG VỚI HIỆN TẠI	40
NGƯỜI TRUNG GIAN, VIỆC TRUNG GIAN	42
MÙI VỊ CỦA MUỐI	43
ĐÌNH CHÂU NHẬT LÁ	45
NHẤT HỮU PHỐI KINH	47
NHÀ SƯ KHỔ HẠNH	49
CON CHÍNH LÀ PHẬT TỔ	52
ĐÀN HÀ GIỖN NI CÔ	54
VINH KHÔ NHẤT NHƯ	56
NHẤT ĐỘNG NHẤT TĨNH	59
ĐẠI THIÊN THỂ GIỚI NHẤT THIÊN SÀNG	61
CHẲNG GIẢNG MỘT TÁC SỢI	64
LINH HỮU ĐÁ BÌNH	66
PHƯƠNG PHÁP DIỆT CỎ	68
THIỆN ÁC CHÍNH PHẢN	71

TRĂM XÀ NGỘ TÍNH	73
TÍCH ĐỘ TỨC THÌ	75
GẤP PHẬT GIẾT PHẬT	78
BỒ ĐẠI TAI DÀI	81
THÁP GÓP CÁT MÀ THÀNH	84
BÀI HỌC ĐẦU VỀ ĐIỀU KHẮC	86
ĐẦY VÀ KHÔNG ĐẦY	89
TÂM ĐỘNG CỜ ĐỘNG	91
GIÀ THÌ LỚN, NHỎ HỮU DỤNG	93
BỤNG LỚN BAO DUNG	96
ĐỘ NGƯỜI ĐỘ MÌNH	98
THIỆN VÔ TẠP TÀ	101
ĐỪNG ĐỂ Ý	103
VÔ TÂM CHÍNH LÀ ĐẠO	105
XUẤT THỂ NHẬP THỂ	106
NGỘ ĐẮC TỰ TẠI	109
THIỆN SƯ NHÀO LỘN	112
TRUYỀN PHÁP PHẢI TRUYỀN TÂM	114
NÚI CAO SAO NGĂN NỔI MÂY BAY	117
BÁNH VẼ LÓT DA	120
THIỆN LÀ VÔ NGÔN	123
NHƯ NGƯỜI UỐNG NƯỚC, NÓNG LẠNH TỰ BIẾT	126
TU DI TẠNG GIỚI TỬ	128
TÍCH PHÚC CÓ PHÚC	130
NƯỚC ĐẦY TỰ TRÀN	131
BUÔNG	133
BẠCH ẨN SINH CON	135
BUÔNG BỎ ĐẮC ĐẠO	138
LÀM 1 ĐƯỢC 10	139

TÂM TỊNH THỔ TỊNH.....	141
ĂN CHÁO VÀ UỐNG TRÀ	143
MÂY TRÊN TRỜI XANH, NƯỚC TRONG BÌNH	145
THIỆN KÍNH CHIẾU TÍNH.....	150
ĂN MẬT TẠ TỘI.....	152
BÚT MÂY NHÌN TRỜI.....	154
CHIỀU DÀI CỦA SINH MẠNG.....	156
NHƯ NƯỚC VỀ NƯỚC	159
CHÙA ĐẸP.....	161
THỜI GIAN KHÔNG GIÀ.....	163
TRÀ ĐẠO ĐỆ NHẤT.....	165
KIỆM ĐẠO PHẢI DỨT KHOÁT	167
BIẾT CHẴNG PHẢI THÌ BỎ	170
THÀNH THỰC CHẴNG LỪA DỐI	172
KHÔNG CHỊU ẢNH HƯỞNG BỞI MẪU THUẦN	174
KHÔNG LÀM KHÔNG ĂN.....	177
LẤY TĨNH CHẾ ĐỘNG.....	180
TUYẾT ĐẬU KHÔNG NGƯỜI ĐƯA THU.....	181
PHƯỜNG NHUỘM CAO VĨ.....	184
TẮT THẤY ĐỀU KHÔNG	187
TÂM TỊNH THÌ TỊNH	190
ĂN MÀY MUA BÁNH	192
MỘT LÀNG HƯƠNG CÚC.....	195
PHIỀN NÃO CHÍNH LÀ BỒ ĐỀ	196
RẰNG ĐẸP ĐẦY HÀM.....	199
CHẤP MÊ KHÓ NGỘ.....	202
BẢO TÀNG BẢN TÍNH	204
TÂM TÍNH KHÓ ĐÚC	207
TÂM TÍNH NHƯ MỘT.....	210

GIÁO DỤC THIỀN	213
THIỀN MÔN TỈNH MẶC	215
MẮT TỤC KHÔNG TRÔNG	217
GIỌT NƯỚC KHAI NGỘ	219
ĐÓ CHÍNH LÀ ĐỊA NGỤC	220
MỌI THỨ ĐỀU VÌ CÁI TÔI	222
SƯ CÔ LÀ NỮ	224
KHOẢNH KHẮC TỨC THÌ	227
TÁM GIÓ THÔI CHẰNG LAY, MỘT PHÁT RẰM ĐÁNH QUA SÔNG	229
KHIÊM NHƯỜNG ĐÓN NGỘ	232
TỰ CHE TỰ ĐỘ, TỰ CẦU TỰ CỨU	234
KHÔNG TRANH VÔ GIÁ	236
LÃO TẶC DẠY CON	238
TIN NGỰA VÌ CƯƠNG	240
TRAI GÁI CHẰNG KHÁC NHAU	242
NHẤT SINH VÔ PHÁP	244
ĐỒNG VIÊN CHỦNG TRÍ	247
BÌNH TĨNH XỬ SỰ	250
TRỪ KHỬ DANH PHIÊM	252
NGƯỜI BẰNG VÀNG THỨ BA	255
THIỀN SƯ GIẢI MỘNG	257
KHÔNG ƯỚT MỘT NGƯỜI ƯỚT HAI NGƯỜI	259
CHẶT TAY DẠY TRÒ	262
NHỤC NHÃN TÂM NHÃN	265

HỘI LUẬT GIA VIỆT NAM
NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC
65 Tràng Thi - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội
Email: nhaxuatbanhongduc65@gmail.com
Điện thoại: 024.39260024 Fax: 024.39260031

NHỮNG CÂU CHUYỆN VỀ THIỀN (Tập 1)

MỘ VÂN CƯ

Lê Hải Đăng dịch

Chịu trách nhiệm xuất bản
Giám đốc Bùi Việt Bắc
Chịu trách nhiệm nội dung
Tổng biên tập Lý Bá Toàn
Biên tập: Phan Thị Ngọc Minh
Sửa bản in: Tác giả
Trình bày & bìa: Khánh Chi

Đối tác liên kết:

CÔNG TY TNHH VĂN HÓA PHÁT QUANG
26 Nguyễn Tử Nha, P.12, Q. Tân Bình, TP.HCM

In 1.000 cuốn, khổ 14,5x20,5cm tại Công ty CP in Khuyến học phía Nam, Lô B5-8 đường D4, khu công nghiệp Tân Phú Trung, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TP.HCM. Số 1155-2020/CXBIPH/21-17/HĐ. Số QĐXB của NXB: 225/QĐ-NXBHĐ cấp ngày 16/4/2020. In xong và nộp lưu chiểu năm 2020. Mã số sách tiêu chuẩn quốc tế (ISBN) 978-604-9948-55-8.